

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN MINH THẮNG

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BÁO CHÍ ĐIỆN TỬ
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội - 2019

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN MINH THẮNG

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BÁO CHÍ ĐIỆN TỬ
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 9.38.01.02

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. HOÀNG THÉ LIÊN

Hà Nội - 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu nêu trong Luận án là trung thực, được tiến hành nghiên cứu một cách nghiêm túc, kết quả nghiên cứu của các nhà nghiên cứu đi trước đã được tiếp thu một cách chân thực, cẩn trọng, có trích nguồn dẫn cụ thể trong Luận án. Những kết luận khoa học của Luận án chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu khác.

Tác giả Luận án

Nguyễn Minh Thắng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	7
1.1. Tình hình nghiên cứu đề tài luận án.....	7
1.2. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.....	20
1.3. Những vấn đề đặt ra cần nghiên cứu về đề tài luận án. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu	26
Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI BÁO CHÍ ĐIỆN TỬ	31
2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của báo chí điện tử.....	31
2.2. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử	44
2.3. Chủ thể, đối tượng, nguyên tắc, nội dung quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử.....	53
2.4. Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử hiện nay.....	69
Chương 3: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BÁO CHÍ ĐIỆN TỬ Ở NƯỚC TA	76
3.1. Tình hình tổ chức và hoạt động của báo chí điện tử ở nước ta.....	76
3.2. Thực tiễn quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử ở nước ta.....	92
3.3. Đánh giá chung về quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử.....	110
Chương 4: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BÁO CHÍ ĐIỆN TỬ Ở VIỆT NAM	117
4.1. Định hướng quản lý nhà nước về báo chí điện tử ở nước ta hiện nay	117
4.2. Giải pháp nâng cao năng lực quản lý nhà nước về báo chí điện tử ở nước ta	124
KẾT LUẬN	149
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ	151
TÀI LIỆU THAM KHẢO	152

CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

QLNN Quản lý nhà nước

BCĐT Báo chí điện tử

MXH Mạng xã hội

CNXH Chủ nghĩa xã hội

NXB Nhà xuất bản

PGS.TS Phó giáo sư, tiến sĩ

QPPL Quy phạm pháp luật

Bộ TT& TT Bộ Thông tin và Truyền thông

TTĐC Thông tin đại chúng

NCS Nghiên cứu sinh

XHCN Xã hội chủ nghĩa

VTC Đài truyền hình Kỹ thuật số

CNTT Công nghệ Thông tin

TBT Tổng biên tập

PTBT Phó Tổng biên tập

TGD Tổng Giám đốc

PTGD Phó Tổng giám đốc

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của Đề tài

Ngày nay, công nghệ thông tin đã trở thành “một phần tất yếu của cuộc sống”, sự phát triển của công nghệ thông tin là tiền đề cho sự phát triển của các ngành khoa học kỹ thuật khác ở trong và ngoài nước. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật thì báo chí điện tử là sự kết hợp của sự ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, thông qua mạng Internet để truyền tải những tin tức, âm thanh, hình ảnh minh họa đến với công chúng và độc giả; có thể khẳng định rằng báo chí điện tử là hội tụ của các loại hình báo chí (báo in, báo nói, báo hình) là phương tiện truyền thông đại chúng được đông đảo các tầng lớp trong xã hội yêu thích, quan tâm, hưởng ứng đông đảo trong thời gian qua ở nước ta.

Những năm qua, báo chí điện tử đã cung cấp nhiều thông tin ngày càng đa dạng, phong phú, sinh động; tích cực tuyên truyền chủ trương, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; phản ánh tâm tư, nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân; phát hiện cổ vũ những nhân tố mới, những thành quả của công cuộc đổi mới; phát động và tổ chức nhiều phong trào cách mạng, hoạt động xã hội có ý nghĩa, mang lại hiệu quả thiết thực cho đất nước; tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh phòng, chống tiêu cực, quan liêu, tham nhũng, chống và phản bác các quan điểm sai trái, âm mưu của các thế lực thù địch; góp phần quan trọng củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới của Đảng và Nhà nước trong xu thế hội nhập và phát triển của đất nước.

Với những thế mạnh trên, đã giải thích vì sao báo chí điện tử trên thế giới và Việt Nam lại có tốc độ phát triển nhanh chóng và không ngừng đến vậy. Báo chí điện tử đã góp phần không nhỏ vào việc thực hiện quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin của công dân, minh bạch hóa hoạt động của xã hội nói chung và của bộ máy nhà nước nói riêng; qua đó thúc đẩy quá trình dân chủ hóa mọi mặt của đời sống xã hội, nâng cao dân trí cho mọi tầng lớp nhân dân. Đồng thời báo chí điện tử cũng là một kênh thông tin quan trọng trong việc truyền bá chính sách của Đảng và Nhà nước với các nước trên thế

giới... Bên cạnh những tiện ích mà báo chí điện tử đã mang lại, thì hoạt động của báo chí điện tử trong thời gian qua vẫn còn một số những tồn tại, hạn chế như: Đưa những tít giật gân, câu khách, chạy theo thị hiếu tầm thường, xu hướng thương mại hóa; đăng bài và ảnh với nội dung thiếu văn hóa xúc phạm cá nhân, xa rời tôn chỉ, mục đích, định hướng sai dư luận, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, phương hại đến lợi ích cộng đồng quốc gia ... Vì vậy, tăng cường công tác quản lý nhà nước về báo chí điện tử là vấn đề cấp bách, đòi hỏi các cơ quan chức năng và đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về báo chí điện tử phải đổi mới tư duy, phương thức hoạt động, vừa phục vụ đắc lực cho phát triển của báo chí điện tử, vừa bảo đảm cho báo chí điện tử phát triển đúng tôn chỉ, mục đích, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân vì sự phát triển của đất nước.

Việc nghiên cứu lý luận quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử và cũng như việc quản lý nhà nước về báo chí điện tử trong thời gian qua đã được quan tâm đạt được những kết quả quan trọng góp phần tạo cơ sở khoa học và điều kiện cho sửa đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về báo chí nói chung và báo chí điện tử nói riêng. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới, khi mà quyền con người; quyền tự do báo chí và ngôn luận; quyền tiếp cận thông tin được Hiến pháp và pháp luật ghi nhận tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm khi mà cuộc cách mạng khoa học và công nghệ phát triển mạnh và tác động sâu sắc đến đời sống xã hội thì quản lý nhà nước về báo chí điện tử đang đứng trước những thách thức to lớn ... Vì thế, xét trên phương diện lý luận, vẫn còn một số những hạn chế, bất cập cần được tiếp tục nghiên cứu, phân tích, luận giải để làm rõ.

Quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử ở nước ta trong những năm qua đã và đang được tiến hành thường xuyên, liên tục ở các cấp quản lý khác nhau. Bên cạnh đó, vẫn còn một số tồn tại, bất cập lớn: Tư duy, trình độ, kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước của đội ngũ làm công tác quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử chưa theo kịp với sự phát triển mạnh mẽ của Internet và công nghệ thông tin cùng với báo chí điện tử; trang thiết bị phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý nhà nước còn thiếu và lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác thực

tiến phát triển của báo chí điện tử trong tình hình hiện nay. Mặt khác, hệ thống các văn bản quy định pháp luật còn chưa có quy định riêng đối với báo chí điện tử, còn chung với báo chí truyền thống. Những vấn đề nêu trên, cũng là một trong những nguyên nhân cơ bản gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử ở nước ta. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài trong quy mô của một luận án tiến sỹ là hoàn toàn cần thiết và cấp bách, mang tính thời sự trong tình hình hiện nay.

Từ những lý do trên, nghiên cứu sinh đã chọn vấn đề “***Quản lý nhà nước về báo chí điện tử ở Việt Nam hiện nay***” làm đề tài luận án tiến sỹ luật là vấn đề cần thiết trong tình hình hiện nay.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là góp phần làm rõ những vấn đề lý luận về quản lý nhà nước về báo chí điện tử; đánh giá, thực trạng quản lý nhà nước về báo chí điện tử ở nước ta, từ đó đề xuất định hướng, giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về báo chí điện tử ở nước ta trong tình hình hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được những mục đích trên, luận án cần tập trung thực hiện một số những nhiệm vụ sau:

Một là, nghiên cứu các công trình khoa học đã được công bố trong và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án nhằm làm rõ các vấn đề, nội dung cần được tiếp tục nghiên cứu và giải quyết.

Hai là, nghiên cứu cơ sở lý luận quản lý nhà nước về báo chí điện tử, làm rõ nội hàm của khái niệm báo chí điện tử và quản lý nhà nước về báo chí điện tử; phân tích, luận giải một cách sâu sắc hơn các đặc điểm, vai trò, chủ thể, nội dung, nguyên tắc và yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về báo chí điện tử hiện nay.

Ba là, nghiên cứu, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về báo chí điện tử nhằm làm rõ kết quả đạt được, những bất cập, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong quản lý nhà nước về báo chí điện tử.

Bốn là, đề xuất, một số những định hướng, giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về báo chí điện tử ở nước ta trong tình hình mới.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận và thực tiễn quản lý nhà nước về báo chí điện tử, bao gồm những quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước, quy định pháp luật về quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử cũng như thực trạng quản lý nhà nước về báo chí điện tử ở nước ta.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án nghiên cứu về những vấn đề lý luận liên quan đến quản lý nhà nước về báo chí điện tử; hoạt động quản lý nhà nước của hệ thống các cơ quan hành chính về báo chí điện tử.

Về thời gian: Luận án tập trung nghiên cứu quản lý nhà nước về báo chí điện tử ở Việt Nam trong thời gian từ năm 2010 đến nay.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu luận án

4.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Để giải quyết những nhiệm vụ đặt ra, luận án dựa trên phương pháp luận của duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

4.2. Các phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau đây:

Phương pháp phân tích: Phương pháp này được dùng để phân tích, luận giải, đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn của quản lý nhà nước về báo chí điện tử.

Phương pháp hệ thống: Phương pháp này được dùng để hệ thống hoá những hiểu biết về lý luận và thực tiễn theo một khung phân tích đã được đưa ra theo cấu trúc của luận án.

Phương pháp tổng hợp: Phương pháp này được dùng để đánh giá tổng hợp các tài liệu, số liệu đã được nghiên cứu; rút ra những nhận định đánh giá sau khi đã nghiên cứu.

Phương pháp lịch sử: Phương pháp này được dùng để tìm hiểu lịch sử hình thành và phát triển của quản lý nhà nước về báo chí điện tử ở nước ta và một số nước trên thế giới.

Phương pháp so sánh: Phương pháp này được dùng để so sánh các quan điểm khoa học khác nhau, kinh nghiệm quản lý nhà nước qua các thời kỳ; so sánh các số liệu của từng năm trong quản lý nhà nước về báo chí điện tử, từ đó rút ra những đánh giá, nhận xét, kết luận.

Ngoài ra, luận án còn sử dụng phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp kế thừa, phương pháp quy nạp, diễn dịch...

5. Đóng góp mới về mặt khoa học của luận án

Luận án là công trình nghiên cứu chuyên sâu ở trình độ tiến sỹ luật học về quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử ở Việt Nam kết quả nghiên cứu của luận án có một số đóng góp chủ yếu về mặt khoa học như sau: (1) Qua việc phân tích làm rõ khái niệm, đặc điểm của báo chí điện tử; khái niệm nội dung của quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử, các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử luận án góp phần làm sâu sắc hơn cơ sở khoa học của quản lý nhà nước về báo chí điện tử (2) Qua việc phân tích đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về báo chí điện tử làm rõ những tồn tại, hạn chế của quản lý nhà nước về báo chí điện tử, luận án góp phần xây dựng cơ sở thực tiễn cho việc tiếp tục đổi mới quản lý nhà nước về báo chí điện tử (3) Luận án đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về báo chí điện tử ở nước ta trong tình hình mới.

Có thể nói luận án là tài liệu tham khảo có giá trị cho công tác hoạch định chính sách xây dựng pháp lý, tổ chức thực hiện pháp luật; công tác nghiên cứu khoa học và giảng dạy về quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử.

6. Ý nghĩa khoa học của luận án

Về mặt lý luận: Luận án góp phần xây dựng cơ sở lý luận cho việc tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về báo chí điện tử ở Việt Nam hiện nay (khái niệm, đặc điểm, vai trò của quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử ở Việt Nam hiện nay).

Về mặt thực tiễn: Luận án góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn trong việc triển khai và thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về báo chí điện tử. Ngoài ra, luận án sẽ có giá trị là tài liệu tham khảo trong việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo luật trong cả nước.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của đề tài luận án gồm 4 chương, cụ thể như sau:

CHƯƠNG 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

CHƯƠNG 2: Những vấn đề lý luận về quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử

CHƯƠNG 3: Thực trạng quản lý nhà nước về báo chí điện tử

CHƯƠNG 4: Định hướng và giải pháp nâng cao năng lực quản lý nhà nước về báo chí điện tử

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Qua thu thập, nghiên cứu, tổng hợp có hàng trăm công trình nghiên cứu khoa học ở trong và ngoài nước nghiên cứu, đề cập đến những nội dung có liên quan đến đề tài luận án “**Quản lý nhà nước về báo chí điện tử ở Việt Nam hiện nay**”, trong đó có một số những công trình nghiên cứu khoa học, bài viết tiêu biểu, trực tiếp và gián tiếp liên quan đến đề tài luận án nghiên cứu như sau:

1.1. Tình hình nghiên cứu đề tài luận án

Trong thời gian qua, cùng với việc nghiên cứu về báo chí nói chung và báo chí điện tử (BCĐT) nói riêng, thì hoạt động quản lý nhà nước (QLNN) đã được quan tâm nghiên cứu, thảo luận, trao đổi, tọa đàm khoa học ở nhiều hội nghị khác nhau. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có một văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) nào quy định riêng cho lĩnh vực BCĐT và cũng chưa có một quyết định nào phê duyệt, quy hoạch phát triển và quản lý riêng cho BCĐT. Mà hầu hết các quy định về QLNN đối với BCĐT vẫn được quy định chung với báo chí và công tác quản lý sử dụng mạng Internet ở nước ta. Chính vì vậy, trong luận án này tác giả sẽ tổng quan, phân tích, luận giải một số những công trình tiêu biểu về QLNN đối với báo chí và BCĐT cụ thể như sau:

1.1.1. Tình hình nghiên cứu những vấn đề lý luận liên quan đến đề tài luận án

Cuốn sách "*Quyền lực thứ tư và bốn đời Tổng Bí thư*" (1995), từ Brêgionép đến Gioocbachốp trên báo "Pravđa": Sách tham khảo Victo Aphanaxép; người dịch: Nguyễn Tấn Việt, Hồ Quý Truyện, Vũ Văn Thạch, (NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội). Cuốn sách khái quát sự ra đời của báo chí và vị trí, vai trò to lớn của báo chí, trong các thể chế chính trị, trong xã hội; cuốn sách cũng làm rõ khái niệm quyền lực của báo chí đối với đời sống chính trị - xã hội; khẳng định các nhà lãnh đạo đã sử dụng báo chí trong xử lý công việc, trong giám sát, quản lý và coi đó như là một quyền lực để lãnh đạo kinh tế, chính trị, xã hội của mỗi quốc gia [1].

Cuốn sách *"Truyền thông đại chúng - những kiến thức cơ bản"* (2004), của tác giả Claudia, (NXB UVK Meien Cộng hòa Liên bang Đức), Trần Hậu Thái dịch (NXB Thông tấn, Hà Nội). Nội dung cuốn sách đề cập những vấn đề cơ bản như: khái niệm về thông tin - truyền thông; các phương tiện thông tin; hoạt động thông tin, đối tượng thông tin; trách nhiệm, nghĩa vụ đạo đức của người làm báo; nghề nghiệp báo chí và hoạt động truyền thông trong cơ chế thị trường; cũng như tôn chỉ, mục đích của nghề làm báo một số nước phát triển [2].

Sách *"Cơ sở lý luận báo chí"* (2007), GS, TS. Tạ Ngọc Tấn chủ biên (NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội). Nội dung cuốn sách đề cập đến nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về báo chí (với các tính Đảng, tính quần chúng, tính chân thật) và đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác báo chí. Tác giả cũng chỉ ra được báo chí là sản phẩm thuộc kiến trúc thượng tầng, ra đời và phát triển do nhu cầu thông tin của xã hội. Một mặt, báo chí được sử dụng như một phương tiện tuyên truyền, giáo dục, cổ động nhân dân, mặt khác, trở thành diễn đàn chung của mọi người về các lĩnh vực của đời sống xã hội. Chính vì vậy, mọi đảng phái, tổ chức, lực lượng, đơn vị kinh tế xã hội đều sử dụng báo chí với tư cách như một phương tiện tuyên truyền phục vụ cho mục đích của mình [3].

Sách *"Những vấn đề của báo chí hiện đại"* (2007), của tác giả Hoàng Đình Cúc và Đức Dũng (NXB Lý luận chính trị, Hà Nội). Cuốn sách đề cập đến 18 vấn đề liên quan đến hoạt động báo chí. Trong đó, tính nguyên tắc của hoạt động báo chí là đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước; khẳng định sự lãnh đạo của Đảng đối với báo chí, cuốn sách khẳng định rằng việc quản lý của nhà nước sẽ thúc đẩy nền báo chí cách mạng phát triển mạnh mẽ hơn, chứ không làm hạn chế việc thông tin, tuyên truyền của báo chí; báo chí thực hiện tốt hơn vai trò, nhiệm vụ của báo chí đối với xã hội... Nhà nước quản lý báo chí là tạo khuôn khổ pháp lý cơ bản, tạo môi trường tự do sáng tạo, bình đẳng để cho báo chí phát triển, đồng thời là hoạt động bảo đảm báo chí thực sự là diễn đàn, phương tiện để nhân dân thực hiện quyền tự do ngôn luận của mình, chống xu hướng thương mại hóa báo chí, giữ vững và phát triển nền văn hóa dân tộc, ngăn

chặn, đẩy lùi các hoạt động báo chí không lành mạnh gây ra những hậu quả về chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa của dân tộc [4].

Sách *"C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, Hồ Chí Minh với báo chí"* (2010), của GS. Hà Minh Đức (NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội). Sách trình bày quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, Hồ Chí Minh về chức năng, đặc điểm, khuynh hướng chính trị xã hội của tác phẩm báo chí, báo chí dưới chế độ tư bản và báo chí của giai cấp vô sản... Bên cạnh đó, tác giả còn trình bày sự tiếp nhận và vận dụng sáng tạo quan điểm báo chí của C.Mác., Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay; sự hình thành và phát triển lớn mạnh của báo chí cách mạng Việt Nam theo đường lối của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về báo chí cách mạng [126].

Cuốn sách *"Báo mạng điện tử: Những vấn đề cơ bản"* (2014), của tác giả Nguyễn Thị Trường Giang (NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội). Cuốn sách đề cập đến một số vấn đề xung quanh báo điện tử như: Lịch sử ra đời, khái niệm, đặc điểm báo điện tử; sự khác nhau giữa báo điện tử với trang thông tin điện tử; vai trò của báo điện tử trong đời sống xã hội; mô hình tòa soạn và quy trình sản xuất thông tin của báo điện tử, những phẩm chất của nhà báo điện tử; cách viết, trình bày nội dung báo điện tử trong thời gian qua [60].

Sách *"Mô hình hội tụ truyền thông của Kevin - L.MaCruclđen"* (2013), (NXB Media Convergence Models). Tác giả nêu một số khái niệm, đặc trưng, nguyên lý, quy luật phát triển về hội tụ mô hình truyền thông trên Internet của một số quốc gia trên thế giới. Qua đây tác giả đã khái quát những đặc tính nổi bật của Internet so với các loại hình phương tiện truyền thông khác và dự báo xu hướng phát triển của Internet trong vài thập niên tới [127].

Đề tài cấp Bộ *"Báo chí Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự"* (1999) đề tài cấp bộ chủ nhiệm Nguyễn Phùng Hồng, (Cục Quản lý Khoa học, Bộ Công an). Đây là đề tài đầu tiên của ngành Công an nghiên cứu về báo chí trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự; đề tài tác giả đã khái quát vị trí, chức năng và tầm quan trọng của báo chí, những đóng góp của báo chí đối với cách

mạng Việt Nam. Tác giả đưa ra những khái niệm về báo chí và các loại hình hoạt động của báo chí, những đặc điểm của báo chí cách mạng [118].

Luận văn thạc sỹ "*Quản lý nhà nước về báo mạng điện tử Việt Nam hiện nay*" (2015) của Nguyễn Thị Thanh Huyền, chuyên ngành báo chí (Học viện Báo chí và Tuyên truyền). Đây là luận văn có tên đề tài là báo mạng điện tử nên luận văn mới chỉ đưa ra một số khái niệm báo mạng điện tử và đặc điểm và vai trò của báo mạng điện tử; vai trò QLNN về báo mạng điện tử; quan điểm của Đảng và cơ sở pháp lý của hoạt động QLNN về báo mạng điện tử. Từ những nội dung đã nêu trên, cho thấy mức độ nghiên cứu của luận văn chưa sâu, chưa đánh giá được toàn diện các nội dung QLNN, chưa nghiên cứu phương thức quản lý nhà nước về báo chí điện tử và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí điện tử [124].

Nhóm các công trình tổng quan trên đã tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận về QLNN đối với báo chí, truyền thông đại chúng và báo mạng điện tử. Đó là những vấn đề lớn mà NCS cần quan tâm như: Khái niệm, nguồn gốc, đặc điểm và bản chất báo chí, báo điện tử và quản lý, QLNN về báo chí; tư tưởng chính trị - pháp lý của nhân loại; cơ sở pháp lý của báo chí, báo điện tử; các quyền cơ bản của con người đối với báo chí; mối quan hệ chính trị, đạo đức, với kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền; pháp luật quốc tế... Các tác giả làm sáng tỏ những vấn đề lý luận đối với các nhóm đối tượng, trong từng lĩnh vực, từ đó rút ra những nhận xét, đánh giá, kết luận chung của QLNN đối với báo chí, báo điện tử. Đây sẽ là cơ sở để NCS kế thừa và phát huy nghiên cứu về QLNN đối với BCĐT.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu những vấn đề thực tiễn liên quan đến đề tài luận án

Cuốn sách "*Bốn học thuyết truyền thông*" (1956) tại Mỹ, của tác giả Fred S. Siebert, Theodore Peterson, Wilbur Schramm, tác giả nguyên là chủ nhiệm khoa truyền thông, Đại học Michigan, do dịch giả Lê Ngọc Sơn dịch (NXB Tri thức 2013). Bốn học thuyết truyền thông đã được xác định các loại hình mà báo chí thế giới và phương Tây có: Thuyết độc đoán, thuyết tự do, thuyết trách

nhiệm xã hội, thuyết toàn trị xô viết. Cuốn sách gồm bốn chương và nêu nên sự khác biệt trong hệ thống truyền thông giữa các nước một cách toàn diện nhất thì phải nhìn vào xã hội của mỗi nước. Để xem xét hệ thống xã hội trong mỗi quan hệ với báo chí phải xem xét niềm tin và quan niệm cơ bản của xã hội đó. Cuốn sách cung cấp một góc nhìn về các mô hình truyền thông báo chí, đưa ra được các nội dung bị cấm trong hoạt động truyền thông báo chí, đồng thời cuốn sách đưa ra 5 yêu cầu của ủy ban tự do báo chí với hoạt động báo chí và một số vấn đề khác trong hoạt động báo chí [128].

Cuốn sách *"Between Freedom and Censorship: Asian Political Partics and Cyberspace"* tạm dịch là *"Giữa sự tự do và sự kiểm duyệt: Các dạng chính trị châu Á và không gian mạng"* (2005), của Janies Gomez. Tác giả cho biết ở các nước chỉ có một đảng cầm quyền, đảng và chính phủ sử dụng Internet để biến những trang web của mình thành những "tờ báo" cung cấp thông tin cho người đọc. Dù không phải là báo chí, nhưng đây là cách họ cạnh tranh thông tin với báo chí và biến mình trở thành một nguồn thông tin (đáng tin cậy) cho độc giả và những người quan tâm đến những lĩnh vực thông tin.

Cuốn sách *"Tăng cường lãnh đạo, quản lý nhà nước tạo điều kiện để báo chí Việt Nam phát triển mạnh mẽ, vững chắc"* (2007), Ban Tuyên giáo Trung ương biên soạn (NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội). Cuốn sách khẳng định nguyên tắc báo chí cách mạng nước ta luôn đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, là tiếng nói của Đảng, Nhà nước và nhân dân [14, tr.78]. Vì vậy, các cấp ủy Đảng, đoàn thể, cơ quan chủ quản và lãnh đạo các cơ quan báo chí chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo báo chí hoạt động theo đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật của Nhà nước. Ngoài ra, cuốn sách cũng đề cập đến những yếu kém, khuyết điểm của một số cơ quan báo chí, cụ thể như: Thiếu nhạy bén về chính trị, chưa làm tốt chức năng tư tưởng, văn hóa của báo chí cách mạng, có biểu hiện xa rời sự lãnh đạo của Đảng, QLNN, xa rời tôn chỉ, mục đích, thông tin không trung thực, suy diễn, chủ quan, áp đặt vô lối, sa đà vào những tiêu cực, yếu kém, mặt trái xã hội mà xem nhẹ việc phát hiện, biểu dương nhân tố mới, điển hình tiên tiến; khuynh hướng tư

nhân hóa báo chí, núp bóng Nhà nước để ra báo; một số báo có vị trí quan trọng nhưng chậm đổi mới và chưa đủ sức làm chủ, chi phối thông tin [14].

Luận án tiến sỹ "*Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo báo điện tử trong giai đoạn hiện nay*" (2014), của tác giả Nguyễn Huy Ngọc (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh). Tác giả đã nêu thực trạng hoạt động của báo điện tử hiện nay và khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với báo chí nói chung và báo chí điện tử nói riêng là vấn đề tất yếu của Đảng và Nhà nước ta; mọi hoạt động của báo chí phải đúng với tôn chỉ, mục đích, thuần phong mỹ tục, truyền thống của đất nước con người Việt Nam. Tác giả cũng đưa ra một số những thực trạng phát triển của báo điện tử ở Việt Nam trong thời gian qua, đồng thời cũng báo cáo, kiến nghị và đưa ra một số những giải pháp, quan điểm của Đảng về loại hình báo điện tử ở nước ta trong thời gian tới [129].

Cuốn sách "*Các mô hình quản lý nhà nước hiện đại*" (2013), của Davicl Held, do Phạm Nguyên Trường dịch, (NXB Tri thức, Hà Nội). Nội dung của sách bao quát khá đầy đủ về lịch sử hình thành và phát triển của nhà nước và công tác QLNN trong các lĩnh vực, chính trị, tổ chức xã hội, đoàn thể theo mô hình tổ chức nhà nước theo triết lý dân chủ; chứa đựng các tư tưởng chính trị của những triết gia nổi tiếng từ thời xa xưa cho đến thế giới hiện đại; đồng thời phản ánh hiện thực xu hướng phát triển của các mô hình QLNN trên thế giới [130].

Đề tài cấp Bộ "*Chỉ đạo, quản lý báo chí trong tình hình hiện nay*" (2008), do Vụ Báo chí - Xuất bản, Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì. Đề tài đã nghiên cứu về tổng quan tình hình phát triển của báo chí cách mạng Việt Nam; Đề tài cũng chỉ ra những vấn đề có tính nguyên tắc đối với báo chí cách mạng nước ta là báo chí luôn đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước, là tiếng nói của Đảng, Nhà nước và nhân dân; Đề tài cũng thẳng thắn đánh giá những yếu kém, khuyết điểm của báo chí hiện nay cần tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng, QLNN để báo chí phát triển đúng hướng, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Đề tài cơ sở "*Hoạt động phá hoại tư tưởng trên mạng vi tính Internet ở Đồng Tháp - Thực trạng và giải pháp*" (2002) Chủ nhiệm Lê Trung Hải, Công

an tỉnh Đồng Tháp. Đề tài đã nêu được những thực trạng về tình hình phá hoại tư tưởng thông qua mạng Internet trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp với con số và một số vụ việc cụ thể, qua đây tác giả đã đưa ra những giải pháp cụ thể để ngăn chặn, phòng ngừa các thế lực thù địch thông qua mạng Internet để phá hoại về tư tưởng, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong thời gian qua. Đề tài mới dừng lại ở mức độ nghiên cứu về mạng Internet và mạng xã hội mà chưa nghiên cứu về BCĐT, tác động tiêu cực của thông tin trên mạng xã hội liên quan đến an ninh quốc gia thời gian qua [120].

Luận văn thạc sỹ "*Quản lý nhà nước về hoạt động của báo điện tử ở Việt Nam*" (2015), của tác giả Phạm Thị Quỳnh Mai, chuyên ngành quản lý công Bộ Nội vụ, Học viện Hành chính quốc gia. Mặc dù tên luận văn là QLNN về hoạt động của báo điện tử ở Việt Nam, nhưng tác giả đi sâu vào thực trạng và khái quát về mô hình tổ chức và hoạt động của tòa soạn báo điện tử [133, tr.23]. Phần khái quát hệ thống pháp luật đối với quản lý nhà nước về hoạt động của báo điện tử, tác giả mới dừng lại ở một số văn bản quy định về hoạt động báo chí, tác giả chưa phân tích, luận giải một cách sâu sắc và có hệ thống về các quy định của pháp luật liên quan đến QLNN đối với BCĐT, chưa đưa ra được các giải pháp cụ thể phù hợp với thực tiễn sinh động của BCĐT [125].

Luận văn thạc sỹ "*Quản lý nhà nước đối với báo chí*" (2010), của Nguyễn Việt Tuấn, ngành Luật, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh. Tác giả đi sâu phân tích về QLNN đối với báo chí trong tình hình hiện nay, qua luận văn này tác giả cũng nêu lên một số những điểm chưa phù hợp với công tác QLNN về báo chí, khó khăn, bất cập trong QLNN đối với BCĐT. Tuy nhiên, tác giả vẫn chưa đưa ra được các giải pháp, kiến nghị về hoàn thiện hệ thống pháp luật về báo chí và BCĐT, chưa phân tích được nguyên nhân của sự tồn tại, hạn chế trong QLNN đối với BCĐT [112].

Bài "*Thực trạng phát triển báo chí điện tử, mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay*" (2014) của tác giả Doãn Thị Thuận, (Tạp chí Tuyên giáo điện tử, 30/9/2012). Tác giả nêu thực trạng BCĐT và mạng xã hội ở nước ta hiện nay; ưu điểm và hạn chế. Theo tác giả, thực tiễn phát triển mạnh mẽ của BCĐT và các

loại hình truyền thông mới trên Internet trong hơn một thập kỷ qua đã và đang đặt ra những vấn đề mới cần giải quyết trong lãnh đạo, quy hoạch, phát triển, QLNN. Trên cơ sở đó, cần chủ động tận dụng, khai thác triệt để những mặt mạnh, đồng thời giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực của BCĐT, mạng xã hội, các phương tiện truyền thông trên Internet để phục vụ nhiệm vụ chính trị phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội đất nước [105].

Bài viết có liên quan về BCĐT, sử dụng mạng Internet và mạng xã hội như: *“Social Network Sites: Definition, History”* (Mạng xã hội: Định nghĩa, lịch sử) của Danah m. Boyd, Trường Đại học Berkeley - California; *“The Benefits of Facebook”* (Lợi ích của Facebook) của nhóm tác giả Nicole Ellison, Charles Steinfield, Cliff Lampe thuộc Khoa Nghiên cứu Thông tin và Truyền thông tại Đại học Bang Michigan, Mỹ (2016) bài viết đã khẳng định thực trạng phát triển mạnh mẽ của MXH trong thời gian qua. Tuy nhiên, bài viết chưa đề cập về công tác QLNN đối với MXH và BCĐT.

Bài *“Tăng cường quản lý nhà nước về pháp luật đối với báo chí”* (2012), của tác giả Hoàng Anh, (Tạp chí Cộng sản điện tử, 25/10/2012). Tác giả đánh giá thực trạng hệ thống văn bản pháp luật về công tác QLNN đối với báo chí của nước ta có nhiều tiến bộ, đã đóng góp quan trọng chấn chỉnh, hạn chế các tác động của cơ chế thị trường đối với hoạt động báo chí. Tuy nhiên, hệ thống văn bản QPPL còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong thực tế công tác; đội ngũ cán bộ làm công tác lãnh đạo, quản lý từ Trung ương đến địa phương còn hạn chế về trình độ, năng lực, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý trong cơ chế mới.

Bài *“Quản lý nhà nước báo chí trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay”* (2007), của tác giả Lê Doãn Hợp, (Tạp chí Cộng sản điện tử, 18/6/2007). Tác giả điếm qua một số thành tựu của báo chí và chỉ ra những bất cập, yếu kém trong QLNN báo chí, như: Công tác xây dựng văn bản pháp luật, các quy định về BCĐT còn ở dạng giải pháp tình thế, chưa theo kịp với sự phát triển của báo chí; công tác xử lý vi phạm pháp luật còn nể nang chưa thực hiện đúng quy định pháp luật; trình độ, năng lực của đội ngũ làm công tác QLNN về báo chí vừa

thiếu vừa yếu; tác giả đưa ra một số nhiệm vụ chủ yếu của cơ quan QLNN về báo chí như: rà soát, sửa đổi, bổ sung; các văn bản QPPL luật về QLNN trên lĩnh vực BCĐT; trách nhiệm cơ quan chủ quản; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm quản lý báo chí để đáp ứng được nhiệm vụ công tác về báo chí... Tuy nhiên, trong bài viết chưa đề cập riêng đến QLNN về BCĐT [65].

Như vậy, trên thực tế đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về thực trạng QLNN đối với BCĐT. Qua phân tích, tổng hợp cho thấy các tác giả đã có những đánh giá khái quát về thực trạng QLNN báo chí nói chung và báo mạng nói riêng trong thời gian qua; cùng với sự phát triển mạnh mẽ của Internet và MXH thì báo mạng điện tử ở nước ta cũng phát triển nhanh chóng với một lượng bạn đọc đông đảo, thuộc mọi tầng lớp trong xã hội bên cạnh các lợi ích mà báo mạng điện tử mang lại thì báo điện tử cũng nảy sinh nhiều hệ lụy xã hội phức tạp. Trong đó QLNN về báo điện tử bộc lộ nhiều vấn đề bất cập chưa theo kịp với yêu cầu phát triển của báo chí. Công tác chỉ đạo, quản lý, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ QLNN đối với báo chí nói chung và báo điện tử nói riêng còn nhiều hạn chế; cơ chế, chính sách, hệ thống VBPL còn thiếu và bất cập cần được nghiên cứu để có giải pháp khắc phục. Những vấn đề trên NCS sẽ phân tích, luận giải và làm rõ hơn đối với QLNN về BCĐT ở Việt Nam hiện nay.

1.1.3. Tình hình nghiên cứu phương hướng, giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về báo chí điện tử

Cuốn sách "*Công tác chỉ đạo quản lý nhà nước báo chí trong 25 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới*" (2012), do tác giả Nguyễn Thế Kỷ chủ biên (NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội). Cuốn sách gồm 3 chương, trong đó chương 3 tập trung phân tích, luận giải và đề xuất (5 nhiệm vụ) và (6 giải pháp) tăng cường nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, QLNN đối với báo chí và báo điện tử trong thời gian tới ở nước ta. Những giải pháp mà cuốn sách nêu ra theo quan điểm của NCS là rất sát với thực tiễn, có giá trị tham khảo cao [69].

Sách "*Xây dựng tập đoàn truyền thông giải pháp chiến lược trong phát triển nền báo chí Việt Nam*" (2013), của Lê Hải (NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội). Cuốn sách không những đưa ra những giải pháp ứng dụng vào việc xây

dựng mô hình tập đoàn truyền thông ở nước ta mà còn đề xuất, kiến nghị tham khảo một số mô hình QLNN về báo chí ở một số nước có nền báo chí phát triển như: Tập đoàn Bertelsmann AG - Đức, Grupo Mediasci Italia, Tập đoàn Bắc Kinh Nhật báo - Trung Quốc, Tập đoàn Truyền thông Quảng Tây nhật báo - Trung Quốc; đồng thời cuốn sách cũng phân tích tiềm lực, cơ sở pháp lý của một số cơ quan truyền thông hàng đầu ở nước ngoài và những gợi mở về tiêu chí, nguyên tắc cơ bản của báo chí các nước [131].

Cuốn sách *"Báo điện tử ở Việt Nam định hướng và giải pháp"* (2015), của tác giả Nguyễn Công Dũng (NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội). Cuốn sách gồm 2 phần: Phần 1, giới thiệu một số vấn đề về QLNN đối với báo điện tử ở Việt Nam và một số kinh nghiệm và giải pháp QLNN về báo điện tử ở một số nước tiên tiến trên thế giới; Phần 2, giới thiệu một số tài liệu, đề tài nghiên cứu khoa học về vai trò và sự lãnh đạo của Đảng và vai trò QLNN đối với báo chí và báo điện tử. Trong đó cuốn sách đề xuất nhiều giải pháp tăng cường QLNN về BCĐT hiện nay [55, tr.18].

Đề tài cấp Bộ trọng điểm *"Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống pháp luật về báo chí ở Việt Nam hiện nay"* (2010), tác giả Lưu Đình Phúc làm chủ nhiệm (Bộ Thông tin và Truyền thông). Đề tài đã khái quát một số nội dung được sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Báo chí năm 1999. Trong đó có bổ sung thêm loại hình BCĐT, đồng thời tác giả cũng đưa ra được một số những đề xuất, kiến nghị, về hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với báo chí. Tuy nhiên, tác giả mới đề xuất và kiến nghị một cách chung nhất đối với báo chí và chỉ nêu vấn đề phát triển nhanh chóng của báo điện tử mà chưa đưa ra được giải pháp cụ thể đối với BCĐT ở nước ta hiện nay [81].

Đề tài cấp Bộ *"Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất các giải pháp quản lý nhà nước về báo chí ở nước ta trong xu thế hội nhập kinh tế"* (2008), chủ nhiệm Vũ Thanh Sơn (Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền thông). Đề tài phân tích khá nhiều về thực trạng công tác QLNN về báo chí nói chung theo đó chỉ rõ một số vấn đề bất cập của QLNN về báo chí như: Văn bản pháp luật về quản lý ban hành chậm, chưa theo kịp với thực tiễn, đội ngũ cán bộ chưa

đáp ứng được nhiệm vụ, công tác kiểm tra, thanh tra và xử phạt chưa thường xuyên, chưa nghiêm túc. Từ đó đề tài cũng đề xuất một số các giải pháp cơ bản cụ thể như: (1) Rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) để sửa đổi, bổ sung kịp thời (2) Phải xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác QLNN về báo chí có đủ trình độ và năng lực công tác đáp ứng nhiệm vụ được giao (3) Cần có chiến lược quy hoạch lộ trình phát triển cụ thể đối với báo chí trong thời gian tới (4) Tăng cường giao lưu và hợp tác quốc tế trên lĩnh vực báo chí [81, tr 127].

Luận án tiến sỹ "*Quản lý nhà nước về an ninh trên lĩnh vực báo chí ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp*" (2014), của tác giả Trương Xuân Phúc (Học Viện An ninh Nhân dân). Tác giả đã làm rõ về tình hình phát triển báo chí hiện nay ở trong và ngoài nước; công tác QLNN về báo chí và những vấn đề đặt ra đối với sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia trong thời gian tới. Trên cơ sở đó, tác giả cũng đề xuất một số những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác QLNN về báo chí nhằm bảo đảm an ninh quốc gia [80].

Luận văn thạc sỹ "*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của nhà nước đối với báo chí trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*" (2000), của tác giả Nhữ Văn Khánh (Học Viện Báo chí và Tuyên truyền). Luận văn nghiên cứu vai trò lãnh đạo của Đảng và QLNN về báo chí trong nền kinh tế thị trường. Tác giả đưa một số kiến nghị về giải pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và QLNN về báo chí trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Mặc dù, tên đề tài và trong nội dung của luận văn có nói đến QLNN nhưng trong kiến nghị của luận văn chủ yếu nhấn mạnh đến giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; giải pháp tăng cường QLNN đối với báo chí và BCĐT trong tình hình hội nhập [68].

Hội thảo khoa học "*Nâng cao chất lượng hiệu quả quản lý nhà nước báo chí điện tử trước yêu cầu mới*" (2015), do Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức tại Hà Nội. Các tham luận của các đại biểu đề cập đến một số ưu, khuyết điểm của BCĐT; từ đây các bài tham luận đề xuất một số giải pháp về công tác QLNN đối với BCĐT, như: Đổi mới và hoàn thiện quy định hệ thống pháp luật về

QLNN đối với; nâng cao năng lực quản lý nhà nước và tăng cường trang thiết bị công nghệ phục vụ hoạt động QLNN đối với BCĐT.

Bài "*Vì sao cần tăng cường quản lý nhà nước báo điện tử ?*" (2010), của tác giả Nguyễn Công Dũng (Tạp chí Cộng sản điện tử, 7/7/2010). Thông qua bài báo tác giả chỉ ra những ưu thế của BCĐT, một số hạn chế của BCĐT như: Xa rời tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, coi nhẹ chức năng chính trị, tư tưởng của báo chí cách mạng; thiếu chính xác, thiếu khách quan; khuynh hướng "thương mại hoá", khai thác đời tư cá nhân... Tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường QLNN đối với BCĐT ở nước ta hiện nay.

Bài "*Báo điện tử, trang tin điện tử và mạng xã hội: Định hướng phát triển và quản lý nhà nước*" (2015), của tác giả Nguyễn Thế Kỷ đăng trên Báo Thanh niên (13/1/2015). Đây là một bài báo hay và có nhiều nội dung liên quan đến đề tài luận án của NCS. Qua bài báo, tác giả đã đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trong công tác QLNN đối với BCĐT, MXH, trang điện tử trong tình hình hiện nay. Trong đó đáng chú ý là kiến nghị ứng dụng khoa học và công nghệ trong QLNN, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ QLNN về BCĐT... Mặt khác, tác giả đã nêu lên những lợi ích và tác hại của Internet; hiểm họa do MXH tác động ở một số nước, đồng thời gợi mở về cách ứng xử của một số nước trước tác động tiêu cực của MXH [70].

Bài "*Tăng cường công tác quản lý báo chí trong giai đoạn hiện nay*" của tác giả Nguyễn Bắc Sơn, (Tạp chí Cộng sản điện tử, 30/7/2014). Theo tác giả, để nâng cao hiệu quả QLNN về BCĐT cần tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm như: Tiếp tục xây dựng, bổ sung hoàn thiện các VBQPPL về QLNN đối với BCĐT; xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và phát triển sự nghiệp báo chí; tổ chức thực hiện các văn bản QPPL về báo chí; tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan chủ quản trong chỉ đạo hoạt động của cơ quan báo chí thuộc quyền; nâng cao chất lượng giao ban báo chí định kỳ phù hợp với yêu cầu của công tác QLNN về BCĐT trong tình hình mới.

Bài *China Again tightens control of Online, infomation*, tạm dịch "Trung Quốc tiếp tục thắt chặt kiểm soát thông tin và báo chí điện tử" (26/9/2005), Us

Fed News Service. (Nguồn ProQuest). Tác giả cho biết Trung Quốc QLNN trên lĩnh vực thông tin đại chúng bằng Luật Internet ban hành năm 2005. Cơ bản Luật Internet của Trung Quốc quy định: Các tờ báo, tạp chí điện tử, thông tin điện tử có nội dung phù hợp với tư tưởng, quan điểm chính trị của Đảng, Nhà nước Trung Quốc được phép xuất bản trên mạng Internet; cấm lưu hành các trang tin, bài báo, bản tin có nội dung đi ngược lại với quan điểm, tư tưởng của Đảng và Nhà nước Trung Quốc cũng như sự quan tâm của độc giả... Nội dung cơ bản của Luật này nhằm vào các phóng viên báo điện tử, các nhà xuất bản nhỏ. Trung Quốc khống chế các thông tin độc hại có ảnh hưởng không tốt đến tư tưởng, chính trị, an ninh và văn hóa Trung Quốc bằng hệ thống tường lửa bảo vệ. Có hai cách chặn những thông tin xấu, (1) Kiểm soát bằng đặt từ khóa để chặn (2) Chặn các trang web từ bên ngoài vào có nội dung tiêu cực đối với Trung Quốc (3) Những thông tin nhạy cảm trước khi đăng phải được sự đồng ý của cơ quan cấp trên, cơ quan QLNN có thẩm quyền. Nhà báo không được hoạt động và đưa tin vượt khỏi vùng địa lý và mảng chuyên đề, lĩnh vực mình phụ trách.

Như vậy, có thể thấy có khá nhiều công trình nghiên cứu đã đề xuất, phương hướng và giải pháp tăng cường QLNN đối với báo chí, báo điện tử. Các tác giả đã đề xuất, kiến nghị kiện toàn bộ máy QLNN cho tương xứng với sự phát triển của báo điện tử; cần tăng cường năng lực quản lý đội ngũ cán bộ, kiến nghị về đổi mới và hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL; đồng thời các tác giả cũng đã gợi mở về kinh nghiệm QLNN của một số nước phát triển; xem xét xây dựng luật Internet gắn liền với QLNN về báo điện tử. Cơ quan chức năng cần tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các VBQPPL về báo chí phù hợp với thực tiễn phát triển của Việt Nam và xu hướng phát triển báo chí trên thế giới; nâng cao năng lực thực thi pháp luật; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ. Trên là những đề xuất, kiến nghị, giải pháp của các công trình khoa học đã được công bố NCS sẽ kế thừa phát triển trong luận án tiến sỹ luật về QLNN về BCĐT ở Việt Nam hiện nay.

1.2. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

1.2.1. Các kết quả nghiên cứu đã đạt được sự thống nhất chung

1.2.1.1. Về lý luận đã đạt được sự thống nhất chung

Hầu hết, các công trình nghiên cứu nêu trên đều khẳng định rằng báo chí, báo mạng điện tử có vai trò, vị trí quan trọng trong đời sống xã hội, là cơ quan ngôn luận của Đảng, Nhà nước và các tổ chức đoàn thể, là kiến trúc thượng tầng của một chế độ có liên quan chặt chẽ đến hạ tầng cơ sở nhằm thúc đẩy sự phát triển lẫn nhau, là một phần tất yếu của cuộc sống, báo chí thực sự là sức mạnh tri thức giáo dục định hướng tư tưởng vững vàng của các tầng lớp trong xã hội và quần chúng nhân dân.

Các tác giả đã khái quát nguồn gốc và lịch sử ra đời của báo chí thế giới và báo chí cách mạng Việt Nam, cùng với sự ra đời của báo điện tử tác giả đưa ra một số quan điểm, nhận thức, khái niệm về báo chí, TTĐC, trang điện tử, tạp chí điện tử, báo điện tử; khái niệm về QLNN nói chung và báo chí nói riêng; vị trí, chức năng, vai trò, đặc điểm, nội dung của báo chí. Các công trình nghiên cứu của các tác giả đều thống nhất rằng báo điện tử ra đời muộn về mặt thời gian nhưng cũng có một số ưu thế đến được với độc giả, bạn đọc thông qua công nghệ thông tin và mạng Internet, chính vì vậy: Về mặt lý luận cần nghiên cứu sâu hơn nữa về bản chất, nội hàm của BCĐT (cũng như khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò của BCĐT ở Việt Nam hiện nay).

Các công trình nghiên cứu trên các tác giả có nhận thức rằng hoạt động QLNN trên lĩnh vực báo điện tử theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về báo chí nói chung và báo điện tử nói riêng là một bộ phận cấu thành hữu cơ trong bộ máy hoạt động của Đảng ta, là yếu tố cấu thành hoạt động trên mặt trận tư tưởng, văn hóa, là vũ khí xung kích trên mặt trận tư tưởng, lý luận.

Nhóm các công trình nghiên cứu trên cũng thống nhất rằng vai trò của pháp luật về QLNN trong lĩnh vực báo điện tử còn chưa sát, chưa tương xứng với sự phát triển của BCĐT, chưa có văn bản QPPL riêng cho BCĐT chính vì vậy, chất lượng nội dung của BCĐT còn chưa cao, chưa bám sát với tôn chỉ, mục đích. Do vậy, với đặc thù của BCĐT cần có những quy định về pháp luật cụ

thể, phù hợp để BCĐT phát triển đúng định hướng mà không cản trở, bóp nghẹt sự phát triển của BCĐT.

Một số nghiên cứu trong và ngoài nước điều thống nhất về mục đích, yêu cầu, định hướng của báo điện tử là phục vụ sự phát triển của đất nước, bảo vệ lợi ích của nhân dân, tuyên truyền những quan điểm, đường lối, chính sách của chế độ. Tuy nhiên, về mặt lý luận chưa có một luận án nào ở cấp độ tiến sỹ nghiên cứu một cách sâu sắc, toàn diện và tổng thể các khía cạnh lý luận của QLNN đối với BCĐT, từ đó có đánh giá mang tính tổng kết thực tiễn một cách khách quan, toàn diện về QLNN đối với BCĐT.

1.2.1.2. Về thực tiễn đã đạt được sự thống nhất chung

Tất cả các công trình nghiên cứu đều cho rằng báo mạng, báo điện tử phát triển cả về số lượng và chất lượng; hình thức truyền tải đa dạng, nội dung phong phú hơn sinh động; số lượng phạm vi phát hành tăng, đội ngũ phóng viên đông đảo. Vì vậy, công tác QLNN trên lĩnh vực báo điện tử trong thời gian qua còn gặp nhiều vấn đề khó khăn, bất cập trong QLNN; các văn bản QPPL, Luật báo chí còn chậm, chưa theo kịp, chưa sát với tình hình phát triển của thực tiễn của báo chí điện tử hiện nay.

Dưới góc độ nghiên cứu khác nhau, cấp độ công trình khác nhau, các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước có liên quan đến nội dung QLNN đối với BCĐT đã bước đầu đề cập về thực trạng và những đóng góp tích cực của BCĐT như: Tuyên truyền quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật, của Nhà nước; phản ánh tâm tư, nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân; phát hiện, cổ vũ nhân tố mới, điển hình tiên tiến, thành quả của công cuộc đổi mới; tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu... Bên cạnh đó các tác giả thống nhất rằng BCĐT còn một số hạn chế, yếu kém như: Một số cơ quan BCĐT còn thiếu nhạy bén chính trị, chưa làm tốt chức năng tư tưởng, văn hoá, giạt gân câu khách, xa rời tôn chỉ, mục đích, thông tin thiếu chính xác, phản ánh nhiều về tiêu cực và tệ nạn xã hội của một bộ phận giới trẻ trong xã hội...

Về công tác QLNN trên lĩnh vực BCĐT, các công trình nghiên cứu đã nêu một số kết quả đạt được trong thời gian qua, cụ thể như: Công tác sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật; cung cấp thông tin và chỉ đạo báo chí thông tin theo định hướng về các chương trình, mục tiêu lớn của Chính phủ nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, góp phần giữ vững sự ổn định chính trị; chủ động phát hiện, tuyên truyền, nhắc nhở và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm của các cơ quan báo chí... Tuy nhiên, ở những mức độ nghiên cứu khác nhau đối với BCĐT, các công trình khoa học trên còn chưa đủ tính toàn diện và độ sắc nét chưa cao ở từng khía cạnh của vấn đề và từng chủ thể nghiên cứu; kết quả nghiên cứu rất cần được phân tích để làm sâu sắc thêm những mục tiêu, yêu cầu đặt ra đối với một luận án tiên sỹ.

1.2.1.3. Về đề xuất, kiến nghị, giải pháp đã đạt được sự thống nhất chung của các tác giả

Các công trình nghiên cứu nêu trên các tác giả đều thống nhất rằng về tổng thể đã đưa ra một số kiến nghị, đề xuất, giải pháp tăng cường QLNN đối với báo chí nói chung và BCĐT nói riêng, đặc biệt là các giải pháp tăng cường nâng cao năng lực QLNN về báo chí. Các quan điểm và giải pháp đưa ra còn chưa sâu sắc, toàn diện; những giải pháp đó sẽ được NCS kế thừa tiếp tục nghiên cứu, luận giải một cách sâu sắc hơn, toàn diện, thấu đáo ở đề tài luận án.

Do một số công trình nghiên cứu đã thực hiện đã lâu nên các tác giả đều thống nhất rằng những đánh giá trên có thể không còn mang tính thời sự, không phù hợp với thực tiễn khách quan, chưa đáp ứng được những đòi hỏi của thực tiễn trong tình hình mới. Nhiều đề xuất về những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức QLNN đối với báo chí nói chung, còn về BCĐT là loại hình báo chí mới đòi hỏi phải được tổng kết, rút kinh nghiệm, để tổng hợp, phân tích, luận giải thêm một cách toàn diện, đồng bộ, hợp lý từ hoạt động thực tiễn; từ đó trên cơ sở quan điểm của Đảng, Nhà nước về BCĐT đề xuất những quan điểm, định hướng về QLNN đối với BCĐT và những giải pháp mang tính sáng tạo, đột phá, phù hợp đáp ứng yêu cầu QLNN đối với BCĐT.

1.2.2. Những vấn đề nghiên cứu còn nhiều ý kiến khác biệt và tranh luận liên quan đến đề tài luận án

1.2.2.1. Về mặt lý luận còn nhiều ý kiến khác biệt và tranh luận

Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận còn tranh luận, có nhiều ý kiến khác nhau, chưa thống nhất về tên gọi, khái niệm, đặc thù của BCĐT, cụ thể như: Một số công trình nghiên cứu sử dụng tên (báo điện tử, báo mạng điện tử, báo mạng internet, báo chí điện tử ...) về nội hàm của khái niệm QLNN và BCĐT cũng vấp phải những quan điểm khác nhau của các tác giả, còn nhiều vấn đề tranh luận về đặc trưng riêng của BCĐT, nguyên tắc QLNN đối với BCĐT; các công trình nghiên cứu nước ngoài về báo chí và BCĐT thì việc xác định vị trí, nguyên tắc QLNN về BCĐT còn có những khác biệt do thể chế chính trị khác với Việt Nam.

Giá trị, vai trò của QLNN và BCĐT còn có quan điểm khác nhau, chưa thống nhất, đặc biệt là vai trò của QLNN đối với BCĐT (chưa được thể hiện sâu sắc, cụ thể trong các văn bản QPPL).

Các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án xác định phương thức, các nhân tố tác động ảnh hưởng khác nhau (khác nhau về lịch sử, thể chế chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...), phương thức QLNN ở một số quốc gia họ quản lý báo chí thông qua các hiệp hội, nghiệp đoàn, tổ chức đoàn thể... không thông qua hệ thống chính trị.

1.2.2.2. Về mặt thực tiễn còn nhiều ý kiến khác biệt và tranh luận

Trước yêu cầu về cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, QLNN về BCĐT đã được các ban, ngành và các nhà làm luật trong và ngoài nước chú trọng, quan tâm nghiên cứu. Các công trình này đã tập trung vào các vấn đề như: Tăng cường đổi mới nhận thức hoàn thiện các văn bản QPPL, bố trí lại bộ máy QLNN phù hợp với thực tiễn phát triển BCĐT, phân tích luận giải nội dung QLNN còn phù hợp với BCĐT hay không... Những vấn đề trên còn chưa được thống nhất, vẫn còn những quan điểm khác nhau của các tác giả (Luật Báo chí 2016 còn nhiều vấn đề tranh luận chưa rõ, chưa cụ thể đối với BCĐT, bộ máy QLNN đối với BCĐT còn chông chéo, bất cập trong thực tiễn hoạt động ở

các cấp QLNN, mười nội dung QLNN đối với báo chí nói chung đã lạc hậu, còn nhiều tranh cãi, chưa thống nhất chủ yếu áp dụng đối với báo in vì BCĐT vấn đề lưu chiều điện tử là vô cùng khó khăn)....

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước với góc độ nghiên cứu khác nhau, đối tượng, phạm vi nghiên cứu khác nhau, với yêu cầu khác nhau đã đặt ra nhiều vấn đề cần phải nghiên cứu trong đó có công trình nghiên cứu có giá trị về (khoa học pháp lý, khoa học chính trị, khoa học hành chính công....) Những công trình trên, tuy có nhiều những quan điểm, nhận thức, tiếp cận khác nhau, nhưng là nguồn tài liệu có giá trị để NCS kế thừa và phát huy vào nghiên cứu luận án cho toàn diện và sâu sắc hơn.

1.2.2.3. Những đề xuất, kiến nghị, giải pháp còn nhiều ý kiến khác biệt và tranh luận

Qua nghiên cứu tổng quan các công trình liên quan đến QLNN đối với báo chí và BCĐT, các tác giả đưa ra một số kiến nghị, đề xuất, giải pháp tăng cường nâng cao QLNN về báo chí và BCĐT còn nhiều vấn đề khác nhau về quan điểm, về mặt nhận thức của BCĐT (mặt trái và những tác động của BCĐT, MXH với công chúng; công tác ngăn chặn, phòng ngừa, xử lý còn có ý kiến khác nhau chưa thống nhất), các giải pháp về (hoàn thiện hệ thống pháp luật về báo chí và BCĐT, bộ máy QLNN, đội ngũ QLNN, năng lực chuyên môn, tư tưởng chính trị người làm báo còn nhiều ý kiến và những quan điểm khác biệt...).

Các tác giả tranh luận về MXH có phải là BCĐT không, MXH trong thời gian qua phát triển rất mạnh mẽ ở Việt Nam, do vậy công tác QLNN và xử dụng MXH như thế nào cho đúng với quy định và tôn chỉ, mục đích. Qua đây, có một số tác giả bài viết kiến nghị, đề xuất, giải pháp tăng cường QLNN đối với loại hình này còn nhiều ý kiến khác biệt (bởi nội dung, chương trình, hoạt động và máy chủ của các MXH hiện nay đều đặt ở nước ngoài...). Những quan điểm trên giúp NCS củng cố và hiểu rõ hơn về những giải pháp, kiến nghị, đề xuất về QLNN về báo chí và các hình thức truyền thông đại chúng ở nước ta; nguồn tài liệu và thông tin trên sẽ là cơ sở, nền tảng để NCS tham khảo và phát triển trong luận án nghiên cứu đối với QLNN về BCĐT.

1.2.3. Những vấn đề chưa được triển khai nghiên cứu

Do hướng tiếp cận, mục tiêu, yêu cầu nghiên cứu khác nhau nên số lượng công trình nghiên cứu về QLNN đối với BCĐT còn chưa nhiều. Về mặt khoa học liên quan đến đề tài luận án còn một số nội dung chưa được triển khai nghiên cứu một cách sâu sắc, toàn diện, cụ thể sau:

1.2.3.1. Về cơ sở lý luận

Trong phạm vi, đối tượng, phương pháp tiếp cận khác nhau, nên các công trình này chưa xây dựng được cơ sở lý luận sâu sắc, toàn diện, cụ thể về QLNN đối với BCĐT (chưa có khái niệm về báo chí điện tử, chưa có khái niệm nào nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử). Chưa có công trình nghiên cứu nào làm rõ được đặc điểm, đặc thù, vai trò và giá trị của BCĐT, các công trình chủ yếu tập trung nghiên cứu về báo chí, báo điện tử, báo mạng. Chưa phân tích, luận giải một cách sâu sắc, thấu đáo về nội dung và các yếu tố ảnh hưởng đến QLNN đối với BCĐT trong tình hình hiện nay và thời gian tới.

1.2.3.2. Về cơ sở thực tiễn

Những nghiên cứu chỉ dừng lại ở việc phản ánh, nêu thực trạng trong hoạt động QLNN đối với báo chí, báo điện tử mà chưa nghiên cứu đến BCĐT để tổng hợp, luận giải, một cách sâu sắc toàn diện về nguyên nhân của những hạn chế trong QLNN đối với BCĐT, chưa đi sâu và phân tích những nguyên nhân dẫn đến hạn chế của các văn bản QPPL, pháp luật về BCĐT trong thời gian qua; mô hình bộ máy QLNN, hoạt động của đội ngũ QLNN có đáp ứng được với yêu cầu của thực tiễn không, nhu cầu bồi dưỡng nguồn nhân lực như thế nào để đáp ứng được QLNN đối với BCĐT trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới. Đó là những câu hỏi mà NCS cần nghiên cứu làm rõ và thấu đáo.

1.2.3.3. Về định hướng và giải pháp

Các định hướng và giải pháp tăng cường nâng cao hiệu lực, hiệu quả của QLNN đối với báo chí, báo điện tử của các tác giả nêu trên còn chưa sát và chưa cụ thể với tình hình thực tiễn, phát triển của BCĐT, các giải pháp vẫn còn mang nặng tính hình thức, tư duy, nhận thức còn cũ và lạc hậu, chưa bao quát và khó

có tính khả thi trong thực tiễn hoạt động của QLNN đối với BCĐT trong tình hình hiện nay.

BCĐT ra đời muộn hơn so với các loại hình báo chí truyền thống, nên chưa có nhiều công trình nghiên cứu về QLNN đối với BCĐT. Cho đến thời điểm này, qua khảo sát, nghiên cứu các công trình khoa học trong và ngoài nước chưa có luận án nào có tên đề tài trùng với tên đề tài luận án của NCS. Trong nước, mới chỉ có một số bài báo, một số luận văn thạc sỹ nghiên cứu về QLNN đối với báo chí, báo điện tử, kết quả của các công trình nghiên cứu trên cần được kế thừa và phát triển trong quy mô của một luận án tiến sỹ. Do vậy, đề tài luận án đáp ứng được mục đích, yêu cầu đặt ra, NCS cần tập trung, nghiên cứu, làm sáng tỏ những vấn đề trên.

1.3. Những vấn đề đặt ra cần nghiên cứu về đề tài luận án. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

1.3.1. Những vấn đề đặt ra cần nghiên cứu về đề tài luận án:

1.3.1.1. Tiếp tục nghiên cứu, luận giải, hệ thống hóa lý luận cơ bản về QLNN đối với BCĐT; trên cơ sở phát huy giá trị, vai trò của tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.

1.3.1.2. Phân tích làm sáng tỏ một cách sâu sắc, toàn diện, cụ thể hơn những vấn đề lý luận của QLNN đối với BCĐT, cụ thể như: Khái niệm, đặc điểm, đặc thù của BCĐT và những yêu cầu thách thức khác với báo chí truyền thống, sự khác biệt của BCĐT; vai trò giá trị của BCĐT tư tưởng của Đảng và đảm bảo quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí của công dân; khái niệm, đặc điểm, chủ thể, đối tượng, nguyên tắc, nội dung và các yếu tố ảnh hưởng đến QLNN đối với BCĐT ở nước ta.

1.3.1.3. Tiếp tục nghiên cứu phân tích, đánh giá thực trạng về QLNN đối với BCĐT ở nước ta trong thời gian qua: Tình hình tổ chức và hoạt động của BCĐT từ đây rút ra những kết quả, bất cập, nguyên nhân của những bất cập; đánh giá thông qua các mặt như việc ban hành các văn bản pháp luật, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật, kiểm tra thanh tra, giải quyết khiếu nại tố

cáo về BCĐT, xử phạt hành chính trong lĩnh vực liên quan đến BCĐT; đánh giá chính sách về QLNN đối với BCĐT.

1.3.1.4. Đề xuất, kiến nghị, đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường QLNN đối với BCĐT góp phần nâng cao năng lực hoạt động QLNN đối với BCĐT ở nước ta hiện nay và trong thời gian tới.

1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

1.3.2.1. Về câu hỏi nghiên cứu:

(1). Những vấn đề lý luận về QLNN đối với BCĐT được hiểu như thế nào? QLNN và BCĐT có những đặc điểm gì?

(2). Nội dung quản lý và những yếu tố ảnh đến QLNN đối với hoạt động BCĐT có những nội dung nào?

(3). Thực trạng QLNN đối với hoạt động BCĐT đã đáp ứng được yêu cầu chưa? Vấn đề còn tồn tại, hạn chế như thế nào? Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đó?

(4). Giải pháp và định hướng nào là cần thiết để tăng cường QLNN đối với hoạt động của BCĐT? Những giải pháp đó có đáp ứng được yêu cầu xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL chưa?

1.3.2.2. Về giả thuyết nghiên cứu:

(1). Những vấn đề lý luận về QLNN đối với BCĐT là nhận thức, khái niệm, đặc điểm, vị trí vai trò, nội dung và các yếu tố ảnh hưởng đến QLNN đối với BCĐT mà đã được nghiên cứu và tổng kết bước đầu được hệ thống hóa trong các chuyên ngành nghiên cứu như: Chuyên ngành luật của khoa học pháp lý, chuyên ngành quản lý hành chính của QLNN, chuyên ngành báo chí tuyên truyền, chuyên ngành truyền thông đại chúng; để khái quát một cách toàn diện và hiểu được những vấn đề lý luận trong QLNN về BCĐT được sâu sắc hơn thì phải đặt QLNN trong hoạt động của thực tiễn quản lý đối với BCĐT, đây sẽ là cơ sở, nền tảng để NCS phân tích, luận giải những vấn đề của thực trạng QLNN về BCĐT ở Việt Nam hiện nay... Về đặc điểm của QLNN và BCĐT là những nét đặc trưng được rút ra từ khái niệm và nhận thức của mỗi cá nhân trong thực tiễn khách quan. Tuy nhiên, QLNN đối với BCĐT còn ít được phân tích, nghiên cứu

chuyên sâu về lý luận, do vậy NCS cần phải làm sáng tỏ và sâu sắc hơn, toàn diện hơn, để bổ sung trong chỉnh thể của hệ thống lý luận về QLNN trên lĩnh vực BCĐT hiện nay.

(2). Nội dung QLNN đối với BCĐT là những vấn đề lớn cần phải quan tâm của cả hệ thống chính trị nước ta. Tuy nhiên, trong khuôn khổ phạm vi của luận án nghiên cứu, với đặc thù của BCĐT thì NCS tập trung phân tích, luận giải chuyên sâu 4 vấn đề cơ bản, trọng tâm sau đây:

Xây dựng và ban hành chính sách pháp luật QLNN đối với BCĐT.

Tổ chức thi hành pháp luật QLNN đối với BCĐT.

Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo về BCĐT.

Xử phạt hành chính trong lĩnh vực liên quan đến BCĐT.

Bên cạnh đó, QLNN về báo chí và theo quy định của Luật Báo chí 2016 có hiệu lực từ 01/01/2017 thì có 10 nội dung QLNN về báo chí nói chung và hiện tại chưa có văn bản pháp luật nào quy định riêng cho BCĐT, trong khi đó mô hình tổ chức QLNN của cơ quan chức năng chỉ có: Phòng báo chí Trung ương và Phòng báo chí địa phương cùng các phòng chức năng khác, vấn đề này đã khái quát được những hạn chế, bất cập trong QLNN về BCĐT hiện nay. Với những đặc thù nổi trội của BCĐT trong tình hình, xu thế hiện nay NCS có thể đưa ra các yếu tố tác động như: Chính trị, pháp lý, kinh tế, văn hóa những vấn đề này NCS sẽ tập trung phân tích, làm rõ hơn ở những bước tiếp theo của luận án.

(3). Thực trạng QLNN đối với BCĐT ở nước ta hiện nay mới chỉ đáp ứng được về mặt hình thức, còn về mục tiêu, yêu cầu của QLNN đối với BCĐT vẫn còn những vấn đề tồn tại, bất cập như: Hệ thống VBPL về BCĐT còn chưa sát và thiếu, chưa có quy định riêng về pháp luật đối với BCĐT; những quy định còn nhiều vấn đề chưa có sự thống nhất, chưa phù hợp với BCĐT. Về đội ngũ QLNN trên lĩnh vực quản lý về BCĐT còn hạn chế về năng lực, chuyên môn, cơ sở vật chất phục vụ công tác QLNN còn thiếu không đồng bộ, cơ quan quản lý còn nể nang, chiếu lệ, chưa sát sao với sự phát triển của BCĐT. Trong khi đó khoa học và công nghệ ngày càng phát triển mạnh mẽ, không ngừng; vấn đề quan tâm, sử dụng BCĐT ngày càng tăng dẫn đến BCĐT ở trong nước phải cạnh

tranh khốc liệt, chất lượng của BCĐT còn chưa cao, giật gân để câu khách, xu hướng thương mại hóa, cạnh tranh về số lượng sản phẩm, quảng cáo không kiểm soát...Do vậy, nguyên nhân của sự tồn tại, hạn chế trên có nhiều nguyên nhân nhưng có một số nguyên nhân chủ yếu như: Trách nhiệm của người đứng đầu trong mỗi cơ quan BCĐT còn chưa cao, chạy theo thị hiếu tầm thường của xã hội; chiến lược phát triển về báo chí còn chưa có quy hoạch cụ thể, rõ ràng mang tầm chiến lược đối với BCĐT; do quá trình hội nhập và tác động của mặt trái kinh tế thị trường, sự phát triển mạnh mẽ của BCĐT trong những năm qua. Đó cũng là vấn đề đặt ra trong QLNN về BCĐT và QLNN đối với MXH như thế nào trong thời gian tới ...

(4). Đối với QLNN về BCĐT hiện nay có thể nói có rất nhiều giải pháp gắn với những đặc trưng nổi trội và nội dung QLNN của BCĐT. Tuy nhiên, để khắc phục những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại trong QLNN về BCĐT và đặt vấn đề này trong bối cảnh tình hình hiện nay theo NCS cần phải có định hướng và giải pháp như:

Định hướng nâng cao hiệu lực QLNN về BCĐT ở nước ta hiện nay (đây là vấn đề mang tầm nhìn chiến lược của cơ quan QLNN).

Giải pháp về tăng cường hoàn thiện các văn bản QPPL (cần xem xét, bổ sung, sửa đổi Luật Báo chí 2016 nên có một "Chương riêng" quy định đối với BCĐT), từ đây cần có VBPL riêng đối với BCĐT, để có chế tài xử lý vi phạm được nghiêm minh mà vẫn khuyến khích, thúc đẩy sự phát triển của BCĐT.

Giải pháp về chiến lược phát triển và quy hoạch báo chí (nên xem xét nhóm quy hoạch, định hướng riêng đối với BCĐT) quy định rõ quan điểm, mục tiêu, định hướng, mô hình, lộ trình phát triển của BCĐT trong thời gian tới.

Như vậy, nhóm giải pháp trên sẽ khả thi để BCĐT phát triển trong khuôn khổ của pháp luật cho phép, mà vẫn bảo vệ được quyền tự do báo chí của công dân, quyền tự do ngôn luận, quyền được tiếp cận thông tin theo quy định của Hiến pháp năm 2013 và pháp luật Việt Nam.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Qua tổng luận những vấn đề cần nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án mà NCS đã trình bày ở trên sẽ là căn cứ, cơ sở quan trọng để NCS tham khảo, kế thừa, phát huy, phân tích làm rõ hơn đối với đề tài luận án tiến sĩ luật. Các công trình nghiên cứu trên có giá trị về lý luận và thực tiễn trong việc đánh giá thực trạng và yêu cầu cấp thiết của QLNN đối với BCĐT, một số công trình đã phần nào đề cập đến khái niệm, đặc điểm, định hướng, kiến nghị, đề xuất, các giải pháp về báo chí nói chung và báo điện tử nói riêng. Tuy nhiên, chưa có công trình nào đề cập đến QLNN đối với BCĐT.

QLNN đối với BCĐT ở Việt Nam là dựa trên các quan điểm tổng thể chỉ đạo, định hướng, của Đảng và sự quản lý của Nhà nước trên cơ sở quy định của pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, BCĐT có những đặc thù riêng nên QLNN đối với BCĐT cần phải có phương thức quản lý phù hợp mà vẫn mang lại hiệu quả, thể hiện được tính nghiêm minh, thượng tôn của pháp luật với loại hình báo chí này trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới ở nước ta.

BCĐT ở Việt Nam xuất hiện muộn hơn so với các nước trên thế giới nhưng tốc độ phát triển và đi theo đó là số người sử dụng BCĐT tương đối cao. Để QLNN đối với loại hình báo chí này được nâng cao thì các chủ thể tham gia QLNN, các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động BCĐT và độc giả cần phải có những thay đổi về tư duy, nhận thức trong công tác QLNN đối với BCĐT trong thời gian tới cho phù hợp với bản chất, thể chế, phong tục, tập quán của pháp luật và Nhà nước ta.

Sau khi thực hiện phần tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án, NCS nhận thấy chưa có một công trình nào nghiên cứu nào về QLNN đối với BCĐT ở Việt Nam một cách có hệ thống và sâu sắc, toàn diện, chưa có công trình nào nghiên cứu vấn đề này dưới góc độ của Luật Hiến pháp và Luật Hành chính. Chính vì vậy, với mong muốn của tác giả nghiên cứu chuyên sâu, tìm ra các định hướng và giải pháp mới để tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN đối với BCĐT. Đây cũng chính là nhiệm vụ và mục tiêu nghiên cứu mà NCS đặt ra trong đề tài luận án. Với những yêu cầu, nội dung mà tác giả đã trình bày ở phần tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án sẽ góp phần quan trọng trong cấu trúc của một luận án tiến sĩ, phần tổng luận nghiên cứu này sẽ là tiền đề cho những phần tiếp theo của đề tài luận án mà NCS phải thực hiện.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

ĐỐI VỚI BÁO CHÍ ĐIỆN TỬ

Xây dựng cơ sở lý luận về QLNN đối với BCĐT là đưa ra khái niệm, đặc thù, xác định được mục đích, ý nghĩa, vai trò, vị trí của QLNN đối với BCĐT; đồng thời chỉ ra chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức, các yếu tố ảnh hưởng đến QLNN về BCĐT để làm cơ sở cho việc đánh giá thực trạng QLNN về BCĐT, đồng thời đề xuất xây dựng hệ thống quan điểm, định hướng, giải pháp của QLNN về BCĐT hiện nay.

2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của báo chí điện tử

2.1.1. Khái niệm báo chí điện tử

Sự phát triển nhảy vọt của Internet và công nghệ điện tử đã dẫn đến sự thay đổi cách thức và mối tương quan giữa đưa tin và nhận tin, rõ nhất là trong hoạt động báo chí. Nếu như thế kỷ thứ XIX là thế kỷ thống trị của báo in thì thế kỷ XX là thế kỷ lên ngôi của báo hình, báo nói cùng với sóng phát thanh, truyền hình và hiện nay cả thế giới đang chứng kiến những bước đột phá ngoạn mục của một loại hình báo chí mới đó là báo chí điện tử.

Tờ báo điện tử đầu tiên trên thế giới chính thức xuất hiện vào tháng 10/1993 do Khoa Báo chí Đại học Florida (Hoa Kỳ) xây dựng. Đến năm 1994, phiên bản online của tạp chí Hotwired chạy những banner (băng rôn) quảng cáo đầu tiên và hàng loạt báo khác ở Mỹ tham gia cuộc chạy đua mở website trang báo điện tử với nhiều tên gọi khác nhau như: Internet Newspaper (báo chí Internet), Electric Journal (báo điện tử), Online newspaper (báo trực tuyến).

Việt Nam chính thức kết nối Internet toàn cầu vào ngày 19/11/1997 và chỉ một tháng sau đó, tạp chí Quê hương (Tạp chí của Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài, trực thuộc Bộ Ngoại giao) đã trở thành tờ báo mạng điện tử đầu tiên mở đường cho sự ra đời của hàng loạt phiên bản BCĐT của những tờ báo lớn và uy tín nhất ở Việt Nam lúc bấy giờ như báo Nhân dân, Đài tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Thanh niên, Lao động... Những năm qua, BCĐT có sự phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng, đã tạo ra một bước tranh đua sắc

màu, đa phong cách trong làng BCĐT Việt Nam. Những tờ báo mạng điện tử độc lập cũng lần lượt xuất hiện trong thời gian qua. Trước hết là tờ Tin nhanh Việt Nam (Vnexpress.net), tiếp đến là VietnamNet và VnMedia. Loại hình báo chí này được gọi với nhiều tên khác nhau như: Báo điện tử hay (báo mạng điện tử, báo mạng Internet, báo trực tuyến)...

Theo quan điểm của Tiến sĩ Thang Đức Thắng, Tổng Biên tập VnExpress, nhiều nhà nghiên cứu thường sử dụng thuật ngữ khác vốn được sử dụng khá phổ biến trong các tài liệu báo chí nước ngoài đó là: “Báo điện tử”, “báo mạng” hay “báo trực tuyến”, “báo mạng điện tử”; dù sử dụng thuật ngữ nào thì tất cả các chuyên gia nghiên cứu về báo chí đều thống nhất đây là loại hình báo chí được thực hiện thông qua mạng Internet và các thiết bị công nghệ thông tin [97].

Như vậy, để đi sâu tìm hiểu các khái niệm nêu trên chúng ta thấy một số những thuật ngữ định danh liên quan đến báo chí điện tử như sau:

Báo điện tử là tên gọi khá thông dụng ở nước ta. Nó gắn liền với tên gọi nhiều tờ báo mạng điện tử thuộc cơ quan báo in như báo: Quê Hương điện tử, Nhân Dân điện tử, Lao Động điện tử, Thanh niên điện tử...

Theo quan điểm của GS, TS. Nguyễn Văn Dũng, Học viện Báo chí và Tuyên truyền thì báo điện tử là cách gọi chưa thật sự chuẩn xác bởi “báo chí phát thanh, truyền hình cũng là báo điện tử, do đó thuật ngữ báo điện tử có thể dùng để chỉ chung cho các loại hình báo chí, gồm báo điện tử quảng bá trên mạng Internet, phát thanh và truyền hình trực tiếp hàng ngày...” [57].

Báo mạng là cách gọi tắt của báo mạng Internet. Đây là cách gọi không mang tính khoa học vì nó không rõ nghĩa, không đầy đủ, dễ làm hiểu sai bản chất của thuật ngữ. Bởi Internet là mạng của các mạng, dưới nó còn rất nhiều loại mạng như mạng nội bộ của các tổ chức, công ty, chính phủ...Gọi tắt như thế sẽ không xác định rõ ràng ranh giới giữa khái niệm “mạng” và “mạng Internet”.

Báo trực tuyến là tên gọi được sử dụng đầu tiên ở Mỹ và đã trở thành cách gọi của quốc tế. Thuật ngữ “trực tuyến” (online) trong các từ điển tin học được dùng chỉ trạng thái của máy tính khi đã được kết nối với mạng máy tính và sẵn sàng hoạt động. Hiện nay, thuật ngữ này đang được sử dụng rộng rãi trong

các lĩnh vực truyền thông nhằm chỉ các khái niệm có cùng đặc tính như: “Truyền hình trực tuyến” (online television), “phát thanh trực tuyến” (online radio)...

“*Báo trực tuyến*” được trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội và trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TP.Hồ Chí Minh sử dụng rộng rãi và thường xuyên trong chuyên ngành về báo chí, kể cả trong các công trình nghiên cứu khoa học về báo chí học, nhất là trong lĩnh vực truyền thông mới để chỉ các khái niệm cùng đặc tính như: Xuất bản trực tuyến (online publishing), phương tiện truyền thông trực tuyến (online media), nhà báo trực tuyến (online journalist), phát thanh trực tuyến (online radio), truyền hình trực tuyến (online television)...

Báo mạng điện tử là loại hình báo chí mới, là con đẻ của sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin hoạt động được nhờ trên các phương tiện kỹ thuật tiên tiến số hóa, các máy tính được kết nối với các server và phần mềm ứng dụng của khoa học kỹ thuật và công nghệ .

Thuật ngữ "*Báo mạng điện tử*" đây là một chuyên ngành tuyển sinh mới về Chuyên ngành báo mạng điện tử tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, tại đây Học viện đã thành lập Khoa Báo mạng điện tử, có các tổ, đội về báo mạng điện tử, giáo án duyệt giảng về báo mạng điện tử [56].

Định danh loại hình báo chí mà thông tin được truyền tải và tiếp nhận qua mạng Internet vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau, chưa có sự thống nhất về nhận thức, tên gọi, nội hàm của khái niệm... Do vậy, để có thể nêu ra được một khái niệm về “báo chí điện tử” phục vụ đáp ứng mục tiêu và nhiệm vụ yêu cầu nghiên cứu QLNN về BCĐT ở nước ta hiện nay theo tác giả rất cần dựa vào quy định của cơ quan có trách nhiệm lãnh đạo quản lý loại hình báo chí này. Tại Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 25/12/2013 của Bộ Chính trị quy định về phát triển và tăng cường quản lý nhà nước về báo chí điện tử, mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác trên Internet đã gọi loại hình báo chí này là **báo chí điện tử** [133]. Thông tư số 33/2011/TT-BTTTT, ngày 1/ 11/ 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết việc cấp Giấy phép hoạt động báo chí điện tử,

Giấy phép chuyên trang báo chí điện tử (tại khoản 1, Điều 3) cũng sử dụng thuật ngữ **báo chí điện tử** [134].

Như vậy, có thể khẳng định rằng BCĐT tuy còn có nhiều cách gọi khác nhau, nhưng về bản chất BCĐT (bao gồm báo điện tử, báo mạng điện tử, báo trực tuyến, báo mạng) là loại hình báo chí sử dụng chữ viết, hình ảnh, âm thanh dưới hình thức một trang Web, phát hành dựa trên nền tảng của Internet.

Với nhận thức như trên, tác giả đồng tình với khái niệm báo chí điện tử PGS. TS Nguyễn Thị Trường Giang, Trưởng khoa phát thanh và truyền hình, Học Viện báo chí và Tuyên truyền nêu ra: "Báo chí điện tử là loại hình báo chí được xây dựng dưới hình thức của một trang Website, phát hành trên mạng Internet có ưu thế truyền tải thông tin một cách nhanh chóng, tức thời, thông qua những phương tiện kỹ thuật có tính tương tác cao" [60].

Theo Giáo trình giảng dạy chuyên ngành báo mạng điện tử của trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TP.Hồ Chí Minh khẳng định: "Báo chí điện tử là loại hình báo chí được thiết kế xây dựng theo hình thức của một trang Web và phát hành dựa trên nền tảng của mạng Internet, báo chí điện tử được tòa soạn điện tử xuất bản còn người đọc dựa trên máy tính, thiết bị cá nhân có kết nối Internet toàn cầu".

Từ những phân tích, luận giải nêu trên theo tác giả thì: *"Báo chí điện tử là một loại hình báo chí được phát hành trên mạng Internet và sử dụng công nghệ mạng lưới toàn cầu (world wide web/www) để truyền tải, tiếp nhận, trao đổi thông tin, phục vụ đối tượng, độc giả sử dụng Internet một cách nhanh chóng và tiện ích"*.

2.1.2. Đặc điểm của báo chí điện tử và những điểm khác biệt so với báo chí truyền thống

Để phân tích và am hiểu một cách sâu sắc, toàn diện, hệ thống đặc điểm, đặc thù của báo chí điện tử có ý nghĩa quan trọng trong nhận thức và lý luận đối với BCĐT. Để có được hiểu biết về đặc điểm của BCĐT cần phải am hiểu về BCĐT để phân tích, luận giải, đánh giá và rút ra những đặc trưng vượt trội so với báo chí truyền thống.

2.1.2.1. Những đặc trưng và sự vượt trội của báo chí điện tử

Một là, báo chí điện tử có đặc trưng mang tính tức thời và phi định kỳ. Nhờ sự phát triển của công nghệ khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin (phương tiện kỹ thuật và đặc biệt là vai trò của mạng Internet) mà nhà báo có thể viết bài và gửi bài về toà soạn nhanh chóng, cùng lúc với sự kiện diễn ra. Không chỉ tức thời, BCĐT còn cho phép nhà báo thường xuyên cập nhật thông tin tác nghiệp mọi nơi, mọi lúc. Khác với các loại hình của báo chí truyền thống, trong tác nghiệp báo chí điện tử phóng viên chỉ cần một máy tính xách tay, điện thoại di động, một số trang thiết bị chuyên dụng có kết nối mạng Internet hoặc các phần mềm phụ trợ (như phần mềm tải âm thanh, hình ảnh...) là có thể cập nhật, phát tin, bài hình ảnh ngay lập tức, giống truyền hình và phát thanh trực tiếp. Chỉ cần nháy chuột bạn đọc ở khắp hành tinh có thể đón nhận được thông tin và tham gia tương tác vào sự kiện.

Hai là, báo chí điện tử có đặc tính mở và phi giới hạn về không gian và thời gian. Ưu thế vượt trội hơn các loại hình báo chí truyền thống khác, đó là nội dung thông tin không bị giới hạn bởi khuôn khổ của trang báo, thời lượng phát sóng hay thời gian tính tuyến quy trình sản xuất thông tin lại đơn giản, dễ dàng nên có thể cập nhật, bổ sung bất kỳ lúc nào, với số lượng là bao nhiêu. Việc cập nhật thông tin có thể diễn ra liên tục nhiều lần trong ngày nên một bài báo đăng trên BCĐT không thể hoàn chỉnh tuyệt đối, hay đánh dấu chấm hết mà luôn được “sống” bởi nó có thể kéo dài hoặc rút ngắn bất kỳ lúc nào. Chính vì vậy, BCĐT giới hạn cuối cùng của một tin, bài chỉ là tạm thời và tương đối, hay còn gọi là “bài báo mở”. Bài báo mở được hiểu theo hai khía cạnh: (1) Bài báo khi đã phát hành vẫn tiếp tục được cập nhật nếu có thông tin mới. (2) Trong bài báo của BCĐT thường xuất hiện các đường dẫn “mở” ra nội dung khác, giúp người đọc có thể tham chiếu tới các bài báo cùng chủ đề của BCĐT.

Ba là, báo chí điện tử có tính tương tác, giao diện cao. Nhờ có sự hỗ trợ của công nghệ truyền thông và Internet, BCĐT có thể tương tác với bạn đọc liên tục hàng ngày, hàng giờ. Đây là đặc tính nổi bật tạo nên sự khác biệt của loại hình báo chí này so với các loại hình báo chí truyền thống ra đời trước.

Tương tác trên BCĐT diễn ra với nhiều hình thức phong phú đa dạng như: Bình chọn, thăm dò dư luận, phản hồi ngay dưới mỗi tin bài, gửi email vào hộp thư tòa soạn, tham gia các cuộc giao lưu, bàn tròn trực tuyến... Việc tương tác được thực hiện trên nhiều thiết bị khác nhau như máy tính, điện thoại smartphone, máy tính bảng... Điều đặc biệt quan trọng là khi tham gia tương tác (giao lưu trực tuyến, bình luận, bài viết, gửi ý kiến về tòa soạn...) bạn đọc có thể trở thành chủ thể phát thông tin với quan điểm có thể trái ngược với quan điểm của tòa soạn; phản biện xã hội, lan tỏa những điều tốt đẹp... Vì vậy, đây cũng là những đặc trưng cơ bản của BCĐT mà các loại hình báo chí khác không có. Vấn đề này tạo ra cơ hội bình đẳng giữa cơ quan QLNN với cơ quan BCĐT và giữa độc giả với cơ quan BCĐT, thể hiện các quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận, quyền được tiếp cận thông tin của công dân trong khuôn khổ của pháp luật.

Bốn là, báo chí điện tử có tính đa phương tiện, tích hợp nhiều loại hình báo chí. Một sản phẩm báo chí được coi là sản phẩm đa phương tiện khi nó tích hợp nhiều trong số các phương tiện truyền tải thông tin như văn bản (text), hình ảnh tĩnh và đồ họa (still image & graphie), âm thanh (audio), hình ảnh động (video & animation) và các chương trình tương tác (interactive program). Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và thế giới lập trình đã giúp số lượng các “phương tiện” được tích hợp trên một trang báo ngày một nhiều hơn, tạo ra sự hấp dẫn sống động đặc biệt đối với công chúng mà báo chí truyền thống không có tính năng này. Có thể nói BCĐT luôn mang đặc trưng “động” và “mở” còn đối với các loại hình báo chí khác thì tương đối “tĩnh” và đơn giản, phù hợp với những người lớn tuổi, những nơi chưa có kết nối Internet.

Năm là, báo chí điện tử có khả năng liên kết lớn và sâu rộng. Từ một bài báo, độc giả có thể dễ dàng tìm kiếm những thông tin liên quan sâu hơn về vấn đề quan tâm. Hoặc từ một trang báo, có thể dễ dàng đi đến các trang báo khác chỉ với một thao tác nhấp chuột. Khả năng liên kết của BCĐT có thể tạo ra nhiều lớp thông tin, thật sự mở ra một kho thông tin vô hạn cho độc giả. Tuy nhiên, những tin, vấn đề trên BCĐT thường là những tin nêu vấn đề, hiện tượng, hoặc

tóm tắt, sơ lược về sự việc hiện tượng mà chưa được phân tích sâu sắc, toàn diện như báo chí truyền thống và những loại hình báo chí khác.

Sáu là, báo chí điện tử có khả năng lưu trữ và tìm kiếm dễ dàng các thông tin liên quan đến đời sống xã hội, kinh tế, chính trị trong và ngoài nước. BCĐT không bị giới hạn về số trang, khuôn khổ hay thời lượng chương trình như các loại hình báo chí khác. Thông tin được lưu trữ dưới dạng đĩa với dung lượng lớn, nên có thể chứa hàng trăm cuốn từ điển bách khoa toàn thư. Về mặt lý thuyết, toàn bộ thông tin của BCĐT được lưu trên server, người đọc có thể tải về bất cứ lúc nào. BCĐT là một thư viện đúng nghĩa, nó lưu giữ quá khứ, hiện tại và tương lai, nghĩa là người đọc không chỉ được xem thông tin hiện tại mà có thể quay ngược lại quá khứ đọc những thông tin họ quan tâm. Ngoài ra, thông qua các đường dẫn có thể liên kết và tạo ra nhiều lớp thông tin. Điều này giúp BCĐT là một kho thông tin khổng lồ, nhưng tìm kiếm hết sức dễ dàng. BCĐT cung cấp cho người đọc công cụ để tìm kiếm thông tin khoa học và hiệu quả. Phát thanh và truyền hình thì không có khả năng này. Với báo chí in không dễ dàng trong tìm kiếm nếu muốn tìm lại một thông tin từ các số báo trước, còn với BCĐT, chỉ cần gõ từ khóa và nhấn nút tìm kiếm là có thể tìm được rất nhiều bài báo có liên quan đến lĩnh vực mà độc giả quan tâm tìm kiếm, đây là thế mạnh vượt trội của BCĐT mà các loại hình báo chí khác không có.

2.1.2.2. Đối với báo in

Trước hết báo in là tên gọi chung cho báo, tạp chí, bản tin thời sự, bản tin thông tấn... Báo in là loại hình báo chí ra đời sớm nhất trong lịch sử nhân loại. Nhờ vận dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật mới đã giúp báo in có những bước tiến trong công nghệ cũng như quy trình làm báo.

Báo in, có đặc điểm cơ bản mà khó có thể tồn tại ở các loại hình báo chí khác, đó chính là tính hiện diện. Báo in có thể hiện diện khắp nơi trên thế giới mà không phụ thuộc vào kỹ thuật công nghệ hiện đại hay phương tiện truyền tải kỹ thuật số. Ngoài ra, tính hiện diện của báo in còn được biểu hiện qua việc tiếp cận đến tất cả các đối tượng độc giả khác nhau. Có lẽ nhờ đặc điểm này, báo in đã tồn tại với bạn đọc.

Ngày nay, báo in được thực hiện dưới nhiều hình thức: nhật báo, tuần báo, nguyệt san, bán nguyệt san... Riêng ở các nước phát triển thì có báo buổi sáng, báo buổi chiều, báo bình dân, báo quốc gia, báo địa phương, nhật báo đặc biệt... Mỗi loại báo in như vừa nêu có các trình bày, nội dung phản ánh, đối tượng độc giả khác nhau, thời gian phát hành khác nhau. Tuy nhiên, trước sự cạnh tranh khốc liệt và gay gắt của các phương tiện truyền thông báo chí khác đặc biệt là BCĐT khiến cho báo in ngày càng thu hẹp quy mô sản xuất nhất là trong tình hình hiện nay ở Việt Nam.

Như vậy, có thể khẳng định rằng báo in cũng có một số những ưu thế nêu trên, tuy nhiên bạn đọc phải chờ đến số, có thể ngày hôm sau, cũng có thể tuần sau, có thể tháng sau vì báo chí in phụ thuộc vào định kỳ, thời gian in ấn và phát hành của mỗi tờ báo.

2.1.2.3. Đối với phát thanh, truyền hình

Chương trình phát thanh, truyền thanh, đây là loại hình báo chí dựa trên nguyên tắc kỹ thuật truyền âm thanh để chuyển tải các chương trình tin tức đến đông đảo công chúng thính giả cũng như nhóm thính giả đặc thù.

Phát thanh là một loại hình báo chí từng có thời gian dài thống lĩnh các phương tiện truyền thông. Bởi lẽ phát thanh có phương thức và con đường tác động đến thính giả một cách riêng biệt, trong đó từ ngữ với phương thức biểu đạt bằng lời nói là phương tiện chuyển tải ý nghĩa và tình cảm, gắn liền với âm thanh và tiếng động minh họa. Bản chất quá trình tác động của báo nói là một sự tương tác để đi đến sự hiểu biết, là sự truyền tải ý tưởng, tình cảm bằng cách sử dụng hệ thống các ký hiệu âm thanh phong phú. Đây là một quá trình liên tục mà chính bản thân báo viết không hề có được. Hơn nữa, tốc độ chuyển tải thông tin của báo nói cũng nhanh hơn báo viết gấp nhiều lần. Tuy nhiên, so với báo hình, thính giả tiếp nhận thông tin qua phát thanh không có khả năng nhìn được bằng mắt. Người nghe không thể nhìn thấy những dấu hiệu khác thường khi giao tiếp bằng lời nói như khi biểu đạt bằng nét mặt, sử dụng tay để minh họa. Các hình thức giao tiếp bằng mắt, ngôn ngữ, cử chỉ không thể được sử dụng để chuyển tải

ý nghĩa thông điệp. Bởi vậy, đây là một điểm yếu buộc báo nói phải phát huy những lợi thế để bù đắp.

Theo xu thế phát triển, một mặt các phương tiện truyền thông đại chúng trong đó có báo nói phải không ngừng thoả mãn nhu cầu ngày càng tăng của công chúng, mặt khác bản thân công chúng lại liên tục đặt ra những yêu cầu mới đối với hoạt động của hệ thống này. Đó chính là những đòi hỏi của bạn nghe đài trước cuộc sống, và những nhu cầu tinh thần ngày một đa dạng phong phú. Cũng chính điều này đang là lý do tạo ra cạnh tranh quyết liệt giữa các cơ quan truyền thông đại chúng để làm sao ngày càng có thêm nhiều bạn đọc, người nghe, người xem hiện nay ở nước ta.

Như vậy, phát thanh và truyền hình trong tình hình hiện nay cũng đã khẳng định được chỗ đứng trong lòng khán giả, tuy nhiên, so với BCĐT thì loại hình báo chí này vẫn phải chờ đợi vào khung giờ phát, thời lượng phát sóng, thời gian tuyến tính và kỹ thuật phát sóng.

2.1.2.4. Sự khác biệt cơ bản

Qua phân tích, đánh giá, so sánh về đặc điểm, đặc trưng chính của các loại hình báo chí, theo tác giả có thể nhận thấy những đặc trưng vượt trội hay nói cách khác là những ưu thế của BCĐT so với các loại hình báo chí truyền thống có điểm khác biệt cơ bản như:

Các loại hình báo chí truyền thống, do hạn chế trong khâu tiếp nhận và truyền tải phản hồi từ công chúng, đặc biệt là hạn chế về khuôn khổ, số trang, thời lượng chương trình, thời gian tuyến tính nên hoạt động tương tác chỉ đơn giản là sự tác động qua lại giữa cơ quan báo chí.

Khác với báo in và phát thanh, truyền hình, hoạt động tương tác BCĐT có thể diễn ra liên tục, mọi lúc mọi nơi. Bạn đọc có thể truy cập BCĐT bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu có mạng Internet để thực hiện các hoạt động tương tác. Tương tác trên BCĐT diễn ra với nhiều hình thức phong phú đa dạng như: Bình chọn, thăm dò dư luận, phản hồi ngay dưới mỗi tin bài, gửi email vào hộp thư tòa soạn, tham gia các cuộc giao lưu, bàn tròn trực tuyến...

Việc tương tác được thực hiện trên nhiều thiết bị khác nhau như máy tính, điện thoại smartphone, máy tính bảng... Tương tác trên BCĐT diễn ra cùng lúc với số lượng không giới hạn; trong cùng một thời điểm có thể có hàng chục, thậm chí hàng trăm bạn đọc có thể tương tác với BCĐT.

Mức độ lan tỏa và tham gia trao đổi tương tác cũng tăng với tốc độ chóng mặt đối với những tin bài phản ánh các vấn đề, sự kiện được bạn đọc quan tâm đặc biệt chủ yếu mà không xác định chủ thể, BCĐT không chỉ tương tác giữa công chúng với toà soạn, mà còn tương tác giữa công chúng với nhà báo, công chúng với công chúng, hay công chúng với nhân vật trong tác phẩm báo chí hình thức tương tác đa dạng (gửi thư điện tử, hay tổ chức diễn đàn... BCĐT còn cho phép những đoạn video cũng có tính tương tác hai chiều, kèm dữ liệu, có thể tra cứu). Công chúng có thể xem lại, tra cứu những nội dung tiếp theo và gửi sang điện thoại di động. Một trong những ưu điểm của tính tương tác trên BCĐT là nhận được sự phản hồi nhanh qua hệ thống thư điện tử.

Từ những tính năng vượt trội của BCĐT đặt ra những thách thức đối với báo chí truyền thống trong bối cảnh hiện nay và đặc biệt là đặt ra những yêu cầu mới trong công tác quản lý nhà nước đối với BCĐT đòi hỏi phải có tư duy nhận thức mới về QLNN đối với BCĐT, không thể áp dụng tư duy truyền thống, quản lý truyền thống trong QLNN đối với BCĐT.

2.1.3. Vai trò của báo chí điện tử trong đời sống xã hội

Tìm hiểu vai trò của BCĐT trong đời sống xã hội có ý nghĩa quan trọng, bởi lẽ hiểu được mặt vận động, phát triển của báo chí nói chung và BCĐT nói riêng; hiểu được những phương diện tương tác của BCĐT, hiểu được vị trí, giá trị của BCĐT trong mối quan hệ với đời sống, kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Ở nước ta, báo chí là công cụ chính trị của Đảng, Nhà nước, của các tổ chức, đoàn thể xã hội, là diễn đàn của nhân dân, là phương tiện thông tin đại chúng thiết yếu đối với đời sống xã hội. BCĐT cũng không nằm ngoài tôn chỉ, mục đích đó và BCĐT trở thành vũ khí quan trọng của nhân dân ta trong các cuộc đấu tranh chính trị, tham gia phản bác những luận điểm xuyên tạc, sai trái

của các thế lực thù địch, tham gia đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí trên mặt trận tư tưởng - văn hóa. Mặt khác, BCĐT cũng tạo nên những điều kiện cần thiết để cho quần chúng nhân dân có thể tham gia vào đời sống chính trị của đất nước (thông qua diễn đàn tương tác giữa độc giả với cơ quan BCĐT). Vì vậy, ý nghĩa và vị trí giá trị của thông tin trên BCĐT là rất quan trọng. Với nội dung thông tin có định hướng, có sức thuyết phục, BCĐT có khả năng trấn an dư luận xã hội, dẫn đến hành động xã hội phù hợp. BCĐT không chỉ là vũ khí tư tưởng sắc bén, lợi hại mà còn là hình thức tuyên truyền tập thể, cổ động tập thể, tổ chức tập thể; điều này càng phù hợp với thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay. Theo tác giả BCĐT giữ vai trò giá trị quan trọng đối với đời sống xã hội được thể hiện ở những mặt sau:

2.1.3.1. Là một công cụ, vũ khí quan trọng và hiệu quả trên mặt trận tư tưởng của Đảng và Nhà nước ta.

Với khả năng tác động mang tính rộng lớn, toàn diện và nhanh chóng vào xã hội, trước hết BCĐT là một kênh thông tin quan trọng chuyên tải những thông điệp chính trị của Đảng, Nhà nước nhằm giáo dục ý thức, chính trị, tư tưởng, định hướng dư luận và huy động sức mạnh của quần chúng để xây dựng và cải tạo xã hội. Bên cạnh đó, khả năng thiết lập mối quan hệ tương tác giữa công chúng độc giả và tòa soạn tiện lợi, nhanh chóng đã cho phép các tờ báo điện tử trở thành những “diễn đàn” để nhân dân thể hiện quan điểm, tư tưởng của mình trước các vấn đề trọng đại của đất nước, giúp Đảng, Nhà nước và các cơ quan chức năng kịp thời nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân từ đó có những quyết sách phù hợp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Báo chí điện tử trong quá khứ cũng như hiện tại được xem như cầu nối việc giáo dục lý tưởng, chính trị, xây dựng nếp sống lành mạnh gắn liền với việc phát huy những giá trị tinh thần to lớn của nhân loại. Lịch sử cũng chỉ ra rằng, bất cứ chế độ nào trên thế giới cũng sử dụng và khai thác triệt để các phương tiện truyền thông đại chúng nhằm phục vụ, củng cố và duy trì chế độ đó. Trong xã hội hiện đại, người nào nắm được các phương tiện thông tin đại chúng có thể “điều khiển” mọi người theo ý muốn, có nghĩa là dùng báo chí để hàng ngày

phát đi những thông điệp chính trị nhằm giáo dục ý thức, tư tưởng, định hướng dư luận và thuyết phục quần chúng nhân dân làm theo ý muốn của mình.

2.1.3.2. Là một kênh thông tin đối ngoại kịp thời và hiệu quả của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam

Báo chí điện tử sử dụng mạng thông tin toàn cầu Internet làm phương tiện để chuyển tải thông tin nên không bị giới hạn bởi yếu tố không gian địa lý. Vì thế, BCĐT là một trong những kênh thông tin quan trọng để chúng ta đăng tải và quảng bá những thông tin, hình ảnh tươi đẹp về đất nước và con người Việt Nam với bạn bè trên thế giới. BCĐT cũng là một phương tiện chuyển tải những quan điểm, thông điệp đối ngoại của Đảng, Nhà nước về các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội trong và ngoài nước, giúp Việt Nam trở nên gần gũi hơn với cộng đồng và bè bạn quốc tế.

2.1.3.3. Báo chí điện tử góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế, xã hội đất nước

Trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường như hiện nay, những thông tin chính xác, kịp thời, liên tục trên mạng Internet của BCĐT có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp trong việc mở rộng thị trường, xây dựng thương hiệu, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường các mối liên doanh, liên kết... Từ đó đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh phục vụ các mục tiêu tăng trưởng kinh tế của đất nước. Bên cạnh đó, những tin tức, phân tích, dự báo chuyên sâu về các ngành nghề, lĩnh vực kinh tế, những kinh nghiệm thành công và thất bại trong quản lý, kinh doanh, áp dụng công nghệ mới trên các trang BCĐT cũng góp phần giúp doanh nghiệp xây dựng được những định hướng sản xuất, kinh doanh phù hợp và hiệu quả.

Báo chí điện tử không chỉ dừng lại trong việc cung cấp thông tin thuần túy mà còn có thể hướng dẫn thị trường, hướng dẫn việc áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, giới thiệu những mô hình, điển hình tiên tiến trong sản xuất và kinh doanh mà còn phổ biến các kinh nghiệm thành công hay thất bại trong quản lý, kinh doanh và áp dụng công nghệ mới, tiết kiệm chi phí trong sản xuất. Không những thế, BCĐT cũng góp phần tạo nên hiệu quả kinh tế lớn cho xã hội

thông qua việc dự báo, cảnh báo những khó khăn, thách thức, tai họa cần phải vượt qua hay né tránh; phát hiện, đề xuất với Đảng, Nhà nước những khó khăn, bất cập, vướng mắc cần tháo gỡ. Trong thời gian qua, rất nhiều doanh nghiệp trong nước đã phát triển đều đặn, đạt được những thành tựu to lớn về kinh doanh, lợi nhuận và trở thành những tập đoàn kinh tế lớn đều có phần đóng góp không nhỏ của BCĐT.

2.1.3.4. Kích thích sự ham hiểu biết làm phong phú hơn đời sống văn hóa tinh thần của xã hội

Thông tin trên Internet nói chung và trên BCĐT nói riêng có tính thời sự rất cao. Tin tức thời sự, gần như ngay lập tức, người đọc có thể biết tin sớm nhất từ những khoảng cách xa nhất. Bên cạnh đó, khả năng lưu giữ thông tin một cách hệ thống và các đường link siêu liên kết trên báo cho phép độc giả có thể tìm kiếm, khai thác thông tin theo chủ đề, theo thời gian một cách dễ dàng và tiện lợi. Điều đó không chỉ mang lại hứng thú mà còn kích thích trí tò mò, sự ham hiểu biết, ham khám phá cái mới của người đọc. BCĐT cũng là một trong những kênh truyền bá sinh động nhất các giá trị văn hóa, tinh thần để nâng cao sự hiểu biết cũng như đáp ứng nhu cầu hưởng thụ, giải trí của nhân dân.

Làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của xã hội là một trong những vai trò mang tính khách quan của BCĐT. Bởi lẽ, BCĐT là kênh truyền bá một cách sinh động nhất các giá trị văn hóa, tinh thần để nâng cao trình độ hiểu biết và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ, giải trí của người dân.

Vai trò của BCĐT trong lĩnh vực văn hóa thể hiện trên nhiều mặt. (1) BCĐT làm giàu, làm đẹp cho vốn văn hóa dân tộc, nhất là ngôn ngữ, BCĐT là nơi vừa giữ gìn và sáng tạo ra nhiều từ mới, thuật ngữ mới cả trong cách viết và cách thể hiện, trong việc chuẩn ngôn ngữ nói và viết (2) BCĐT đăng tải các tác phẩm văn học nghệ thuật, khoa học, âm nhạc và các lĩnh vực khác (3) Qua BCĐT, công chúng có thể tiếp nhận nhiều tri thức văn hóa đa dạng, phong phú của các dân tộc khác để làm giàu cho văn hóa dân tộc mình (4) BCĐT góp phần nâng cao văn hóa, giải trí, làm cho mọi người ngày càng hiểu nhau, xích lại gần nhau hơn, chia sẻ tâm tư, tình cảm, cùng học tập và tiến bộ trong cuộc sống.

Như vậy, xã hội càng phát triển, trình độ dân trí ngày càng cao, sự hình thành nhân cách, lối sống của con người chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố tự nhiên và xã hội, trong đó, có Internet và BCĐT. Do vậy, trong giai đoạn mới, để thực hiện tốt vai trò của mình, các phương tiện thông tin và BCĐT phải thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ đấu tranh chống các tệ nạn xã hội; tăng cường truyền bá văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại; xây dựng nền đạo đức mới trên nền tảng đạo lý dân tộc; vun đắp, hoàn thiện hình mẫu con người Việt Nam hiện đại, kế thừa nét đẹp truyền thống của cha ông; nâng tầm trí tuệ, tri thức khoa học, công nghệ của mỗi công dân. Muốn vậy, mỗi tờ báo điện tử nói riêng và BCĐT nói chung cần nâng cao nhận thức chính trị, trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân, đồng thời nhanh chóng đổi mới nhiệm vụ, phát triển làm phong phú thêm thông tin để thông tin không chỉ đúng mà còn hay, sinh động, hấp dẫn cho mỗi độc giả và công chúng của BCĐT.

2.2. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử

2.2.1. Khái niệm quản lý nhà nước về báo chí điện tử

Báo chí điện tử là phương tiện thông tin đại chúng thiết yếu đối với đời sống xã hội, là cơ quan ngôn luận của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội... BCĐT không chỉ làm nhiệm vụ thông tin mà còn thực hiện công tác tuyên truyền làm cho các hoạt động xã hội phát triển theo định hướng của nhà cầm quyền và bình ổn xã hội. Do vậy, BCĐT cũng là hình thức hoạt động cần sự quản lý của nhà nước (QLNN) cũng như các hoạt động QLNN khác trong hệ thống chính trị hiện nay.

Thuật ngữ “quản lý nhà nước” có thể hiểu theo nghĩa rộng là hoạt động của nhà nước trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp, tư pháp nhằm thực hiện các chức năng đối nội và đối ngoại của nhà nước để đạt được những mục tiêu mà nhà nước đặt ra. Nói cách khác, QLNN là sự tác động của các chủ thể mang quyền lực nhà nước, chủ yếu bằng các văn bản quy định của pháp luật tới các đối tượng quản lý, nhằm thực hiện các chức năng của nhà nước nhằm mục đích hiện thực hóa những mục tiêu mà nhà nước xác định khi thực hiện vai trò và hoạt

động QLNN của mình cho từng lĩnh vực cụ thể. Như vậy, có thể khẳng định rằng vai trò của QLNN đối với nhà nước, cơ quan, tổ chức đơn vị là hết sức quan trọng trong đó pháp luật là phương tiện chủ yếu để QLNN; bằng pháp luật, nhà nước có thể trao quyền cho các tổ chức xã hội hoặc mỗi cá nhân để họ thay mặt nhà nước tiến hành các hoạt động QLNN.

Hiện nay, thuật ngữ “quản lý nhà nước” đã trở nên phổ biến hơn trong các văn bản quy định về chức năng nhiệm vụ của mỗi, đơn vị, cơ quan nhà nước hay trong các công trình nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, để hiểu và nhận thức đúng đắn và sâu sắc hơn về QLNN, cũng như những quan điểm khái niệm về QLNN thì các công trình, bài viết của các tác giả vẫn còn nhiều những quan điểm khác nhau về QLNN.

Theo tác giả G.V. Atamantruc một nhà nghiên cứu khoa học chuyên sâu về quản lý nhà nước của Nước cộng hòa liên bang Nga trong cuốn sách Lý thuyết Quản lý nhà nước, do GS,TS. Phạm Hồng Thái và Phí Văn Ba dịch tác giả đưa ra khái niệm về quản lý nhà nước: “Quản lý nhà nước đó là sự tác động thực tế mang tính tổ chức và điều chỉnh của nhà nước (thông qua hệ thống các cơ cấu của mình) lên sinh hoạt xã hội và cá nhân của con người nhằm mục đích chấn chỉnh trật tự, duy trì hoặc cải tạo nó, dựa trên sức mạnh quyền lực của nhà nước” [135; tr58].

Tài liệu về QLNN ở nước ta có nhiều quan điểm về QLNN. Theo Giáo trình Quản lý hành chính Nhà nước của Học viện Chính trị Quốc gia cho rằng: “Quản lý nhà nước là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực Nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người để duy trì và phát triển các mối quan hệ xã hội và trật tự pháp luật nhằm thực hiện những chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa [64; tr407].

Từ điển Xã hội của Nhà Xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội đưa ra khái niệm về QLNN: “Quản lý nhà nước là hoạt động thực thi quyền lực nhà nước do các cơ quan nhà nước thực hiện nhằm xác lập một trật tự ổn định, phát triển xã hội theo

những mục tiêu mà tầng lớp nhà cầm quyền theo đuổi...các hoạt động chấp hành, điều hành, quản lý thực hiện đảm bảo bằng sức của cơ quan nhà nước [126; tr92].

Theo Quan điểm của GS.TS Đinh Văn Mậu và GS.TS Phạm Hồng Thái trong giáo trình Luật hành chính Việt Nam thì: “Quản lý nhà nước là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước đối với quá trình xã hội và hành vi hoạt động của công dân do các cơ quan hành pháp từ Trung ương đến cơ sở tiến hành để thực hiện những chức năng và nhiệm vụ của nhà nước, phát triển các mối quan hệ xã hội, duy trì trật tự an ninh, thỏa mãn những nhu cầu hằng ngày của nhân dân [75].

Qua tổng quan những quan điểm, khái niệm của các tác giả có thể khái quát chính một số những thành tố cơ bản liên quan đến nội hàm của QLNN sau:

Quản lý nhà nước là sự tác động có mục đích của chủ thể quản lý đến các đối tượng quản lý.

Quản lý nhà nước xuất hiện ở bất kỳ nơi nào, lúc nào nếu ở nơi đó và lúc đó có hoạt động chung của cơ quan nhà nước với phát triển xã hội.

Quản lý nhà nước được thực hiện bằng tổ chức và quyền uy nhằm đảm bảo sự phục tùng và tạo sự thống nhất trong QLNN.

Mục đích, nhiệm vụ của QLNN là quản lý, chỉ đạo hoạt động chung của mỗi cá nhân trong tổ chức, phối hợp thực hiện, chấp hành những vấn đề chung trong một khung quy định của cơ quan nhà nước. Để tạo thành một hành động thống nhất của tập thể hướng đến mục tiêu đã định.

Như vậy, từ những vấn đề liên quan đến QLNN mà tác giả vừa khái quát, phân tích, luận giải ở trên. Theo quan điểm của tác giả quản lý nhà nước là:

“Quản lý nhà nước là sự tác động của các chủ thể mang tính quyền lực Nhà nước, bằng nhiều biện pháp tới các đối tượng quản lý nhằm thực hiện những chức năng đối nội và đối ngoại của Nhà nước trên cơ sở các quy luật phát triển của xã hội nhằm mục đích ổn định và phát triển đất nước”.

Quản lý nhà nước theo nghĩa rộng là hoạt động QLNN do các cơ quan trong bộ máy nhà nước tiến hành bao gồm: Cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp và cơ quan tư pháp của hệ thống chính trị.

Trong đề tài luận án này tác giả tiếp cận nội dung nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử theo nghĩa hẹp là hoạt động quản lý nhà nước **của cơ quan hành pháp về quản lý nhà nước** (hệ thống Chính phủ và chính quyền địa phương).

Cho nên, nói đến QLNN đối với BCĐT hiện nay ở Việt Nam là nói đến những hoạt động của hệ thống bộ máy hành pháp thực hiện theo quan điểm chủ trương, định hướng của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm đảm bảo cho hoạt động BCĐT ổn định và phù hợp với xu thế phát triển chung của xã hội. Với vai trò là thiết chế trung tâm trong hệ thống chính trị, Nhà nước đảm bảo cho công dân được thực hiện các quyền cơ bản của mình, trong đó có quyền về tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền được tiếp cận thông tin. Nhà nước có trách nhiệm điều tiết để đảm bảo BCĐT phát triển, đáp ứng các nhu cầu về thông tin của nhân dân. Tuy nhiên, QLNN đối với BCĐT trong tình hình hiện nay là một vấn đề đang được các ban, ngành, tổ chức chính trị của Đảng, Nhà nước và các nhà khoa học quan tâm trao đổi để từng bước hoàn thiện.

Theo GS.TS Nguyễn Thế Kỷ, Tổng Giám đốc Đài tiếng nói Việt Nam có quan điểm cho rằng: “Quản lý nhà nước về báo chí điện tử là dạng quản lý công vụ quốc gia của bộ máy nhà nước, là công việc của bộ máy hành pháp của một quốc gia trong tổng thể hệ thống chính trị ở nước ta” [70].

Còn theo quan điểm của PGS. TS Nguyễn Văn Dũng, Học viện Báo chí và Tuyên truyền có đưa ra quan điểm QLNN về BCĐT tương đối đơn giản và ngắn gọn như sau: “Quản lý nhà nước về báo chí điện tử không chỉ bằng hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, mà còn bằng sức mạnh của cả hệ thống chính trị”[57, tr 93]. Theo đó, tác giả đã phân tích, luận giải thêm về vai trò của cấp ủy đảng, chính quyền, trong đó cơ sở đảng của cơ quan BCĐT và cơ quan chủ quản BCĐT; vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, trong đó vai trò của Hội Nhà báo Việt Nam, chi hội nhà báo cơ sở cần được thể hiện và phát huy. Mỗi tòa soạn BCĐT và chi hội nhà báo có vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, giáo dục, giúp đỡ thành viên của mình, cũng như kiểm tra, giám sát mọi hoạt động chấp hành pháp luật và quy ước đạo đức nghề nghiệp của nhà báo; vai

trò của công chúng như là lực lượng xã hội quan trọng quyết định vai trò, vị thế và sức mạnh xã hội của cơ quan BCĐT. Công chúng là người giám sát mọi hoạt động của nhà báo, đánh giá và thẩm định sản phẩm báo chí điện tử [57].

Từ những nội dung cơ bản và quan trọng liên quan đến QLNN đối với BCĐT như đã phân tích, luận giải ở trên, tác giả có thể đưa ra những thành tố trực tiếp liên quan đến nội hàm khái niệm của hoạt động quản lý nhà nước về báo chí điện tử như sau:

Quản lý nhà nước đối với BCĐT là hoạt động của bộ máy nhà nước được giao trách nhiệm, quyền hạn QLNN về BCĐT

Quản lý nhà nước đối với BCĐT là hoạt động của cơ quan hành pháp mang tính thể chế hóa, hiện thực hóa cương lĩnh, đường lối nghị quyết của Đảng đối với BCĐT thành pháp luật, chính sách cơ chế của nhà nước.

Quản lý nhà nước đối với BCĐT là quá trình tác động của các chủ thể QLNN một cách có tổ chức, có định hướng mang tính quyền lực đến các hoạt động liên quan đến BCĐT của các đối tượng QLNN là BCĐT, các cơ quan BCĐT, nhà báo theo những yêu cầu nhất định, trong khuôn khổ pháp luật, nhằm phù hợp với thực tiễn hoạt động BCĐT trong nước cũng như xu thế hội nhập với quốc tế hiện nay.

Quản lý nhà nước đối với BCĐT là đảm bảo BCĐT thực hiện tốt nhiệm vụ thông tin theo mục tiêu, yêu cầu đề ra của nhà nước.

Như vậy, có thể rút ra khái niệm đối với quản lý nhà nước về báo chí điện tử theo nghĩa hẹp được định nghĩa như sau:

“Quản lý nhà nước về báo chí điện tử là quản lý hành chính của bộ máy hành pháp. Là sự tác động có tổ chức, bằng pháp luật và dựa trên quyền lực hành chính nhà nước đối với các quá trình tổ chức và hoạt động của báo chí điện tử nhằm bảo đảm sự phát triển của báo chí điện tử phục vụ việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và quyền tiếp cận thông tin, quyền tự do báo chí của công dân”.

Từ một số khái niệm nêu trên có thể xác định những nội hàm quan trọng liên quan đến hoạt động QLNN đối với BCĐT, như: Chủ thể quản lý, khách thể của hoạt động quản lý, đối tượng, mục đích của hoạt động quản lý:

Chủ thể của quản lý nhà nước đối với BCĐT là các cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức, cá nhân được Nhà nước phân công QLNN theo chức năng nhiệm vụ đã được Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định từ Trung ương cho đến địa phương quản lý đối với lĩnh vực thông tin truyền thông nói chung và loại hình BCĐT nói riêng.

Khách thể của quản lý nhà nước đối với BCĐT là "cái mà hoạt động quản lý hướng tới điều chỉnh", là những mối quan hệ xã hội và hành vi phát sinh trong tổ chức hoạt động của báo điện tử, như: Tổ chức, cá nhân có liên quan, tác động tới trạng thái an toàn, ổn định, hoạt động bình thường của các cơ quan, bộ phận BCĐT; đội ngũ phóng viên, biên tập viên, nhân viên công tác tại cơ quan của báo chí điện tử; bảo đảm BCĐT thực hiện đúng pháp luật, tôn chỉ, mục đích của báo chí

Đối tượng của hoạt động quản lý nhà nước đối với BCĐT là tất cả những tổ chức, tập thể, cá nhân v.v... thực hiện những hoạt động liên quan đến báo chí điện tử hiện nay.

Mục đích của hoạt động quản lý nhà nước đối với BCĐT là phát huy mọi nguồn lực tạo ra một cơ chế hợp lý cho hoạt động BCĐT, đảm bảo quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí, quyền được tiếp cận thông tin của công dân vì sự nghiệp chung của đất nước.

2.2.2. Đặc điểm của quản lý nhà nước về báo chí điện tử

Quản lý nhà nước về BCĐT thể hiện quyền lực nhà nước có tính chất đơn phương, mệnh lệnh buộc đối tượng quản lý phải chấp hành vô điều kiện những quy định của chủ thể quản lý, nếu đối tượng quản lý vi phạm quy định về quản lý, họ phải chịu trách nhiệm về vi phạm của mình trước pháp luật. Tính quyền lực trong QLNN đối với BCĐT thể hiện ở chỗ cơ quan nhà nước căn cứ vào Hiến pháp, các luật, pháp lệnh ban hành các văn bản QPPL tổ chức thi hành những văn bản ấy. Quá trình thi hành văn bản QPPL, cơ quan nhà nước nhân danh cho quyền lực nhà nước đơn phương ra quyết định có hiệu lực bắt buộc thi

hành với chủ thể liên quan, nếu chủ thể ấy không tự giác thực hiện quyết định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền nhân danh nhà nước áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với họ để bảo đảm thi hành quyết định của mình.

Quản lý nhà nước về BCĐT không chỉ bằng pháp luật, mà còn bằng sức mạnh của cả hệ thống chính trị. Báo chí nói chung và BCĐT nói riêng là công cụ quan trọng của Đảng và Nhà nước trong công tác chính trị tư tưởng báo chí, BCĐT phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng và sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước. Với yêu cầu mang tính nguyên tắc cao như vậy, dù các cơ quan QLNN giữ vai trò trung tâm trong quản lý nhưng hoạt động QLNN phải được đặt trong cơ chế tổng thể bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nêu cao vai trò của nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Cơ chế đó đòi hỏi QLNN về BCĐT phải kết hợp với sự tự quản của Hội nhà báo Việt Nam, đề cao trách nhiệm của người lãnh đạo (Tổng biên tập) và bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân.

Quản lý nhà nước về BCĐT là hoạt động có tính chiến lược, có chương trình và có kế hoạch cụ thể thực hiện mục tiêu đặt ra. QLNN đối với BCĐT luôn hướng tới mục tiêu nhất định nhằm bảo đảm trật tự QLNN về kinh tế, xã hội, ngoại giao, an ninh quốc phòng; bảo đảm trật tự, hiệu quả về tổ chức nhân sự trong hệ thống cơ quan nhà nước; bảo đảm phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chế độ công vụ, bảo đảm trật tự và hiệu quả QLNN về tài chính, ngân sách nhà nước, bảo đảm tài sản công; bảo đảm ổn định và trật tự an toàn xã hội... Để đạt được mục đích của QLNN về BCĐT, cơ quan ban hành quyết định quản lý đề ra chương trình, kế hoạch thực hiện quyết định QLNN trong thời hạn thực hiện, giai đoạn thực hiện, tổ chức chỉ đạo thực hiện, phối kết hợp giữa các cơ quan, ban ngành đoàn thể trong quá trình thực hiện, phân công, phân cấp thực hiện, nguồn cơ sở vật chất bảo đảm thực hiện, tổ chức thi đua khen thưởng người có thành tích, xử lý chủ thể vi phạm về các quy định BCĐT.

Quản lý nhà nước về BCĐT là hoạt động có tính chất chủ động sáng tạo, linh hoạt trong việc điều hành. Quá trình QLNN luôn nảy sinh những vấn đề phức tạp bởi bản chất QLNN là quản lý hành vi của con người, trong khi mỗi người luôn tham gia nhiều quan hệ xã hội, tính chất đa dạng của quan hệ xã hội

mà con người tham gia nói lên tính phức tạp trong hoạt động QLNN. Từ đó hoạt động QLNN đối với BCĐT phải linh hoạt, điều chỉnh được hành vi của mỗi người khi họ tham gia những quan hệ xã hội đa dạng ấy. Muốn bảo đảm trật tự QLNN, cơ quan có thẩm quyền phải thường xuyên liên kết, đánh giá, nhận xét kết quả thực hiện quyết định, quy định chung của hoạt động QLNN, tìm ra nguyên nhân của những tồn tại, kịp thời chỉ đạo thực hiện hoặc kịp thời ban hành, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh những quan hệ xã hội mới phát sinh, không để kẽ hở trong hoạt động QLNN. Như vậy, QLNN không thể rập khuôn, cứng nhắc mà phải kịp thời phát hiện những hành vi con người trong những quan hệ xã hội đa dạng, phức tạp để có tác động uốn nắn, nhắc nhở. Điển hình khi có Internet thì có thêm quan hệ xã hội mới là sự tham gia của con người về việc sử dụng mạng thông tin Internet, từ đó nảy sinh nhiều hành vi tiêu cực trong lĩnh vực này, điều đó đòi hỏi quá trình QLNN đối với BCĐT phải theo kịp, phải linh hoạt điều chỉnh hành vi của con người trong những quan hệ xã hội ấy phù hợp.

Quản lý nhà nước về BCĐT có tính liên tục và tương đối ổn định, cầu nối giữa nhân dân với nhà nước là hệ thống cơ quan QLNN đối với BCĐT từ Trung ương đến địa phương, thông qua đó nhà nước thực hiện công tác quản lý hành chính nhà nước đến từng người dân, trên nhiều lĩnh vực khác nhau, nói cách khác nhân dân hàng ngày giao tiếp với cơ quan QLNN để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình. Hoạt động của hệ thống cơ quan hành chính nhà nước là biện pháp, cách thức thể hiện quyền lực nhà nước - quyền hành pháp đưa pháp luật vào đời sống xã hội, điều đó đòi hỏi cơ quan hành chính nhà nước phải hoạt động thường xuyên, liên tục, đây là sự khác biệt giữa hoạt động cơ quan lập pháp với cơ quan hành pháp.

Quản lý nhà nước về BCĐT ở Việt Nam dựa trên quan điểm tổng thể chỉ đạo, định hướng QLNN về BCĐT. Tuy nhiên, BCĐT có những đặc thù riêng nên QLNN về BCĐT cần phải có phương thức quản lý phù hợp với loại hình báo chí này.

2.2.3. Vai trò của quản lý nhà nước về báo chí điện tử

Quản lý nhà nước đối với BCĐT là hoạt động quản trị nhà nước đặc biệt nhằm mục đích tạo ra môi trường pháp lý bình đẳng, nhằm định hướng để BCĐT phát triển và bảo vệ quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin. QLNN đối với hoạt động BCĐT nếu được sử dụng đúng mục đích sẽ mang lại những vai trò như sau:

Quản lý nhà nước về BCĐT tạo môi trường pháp lý thuận lợi giúp BCĐT hoạt động bình đẳng, ổn định, phát triển phù hợp với xu thế chung của xã hội trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Đồng thời QLNN về BCĐT còn để ngăn chặn các hoạt động chạy theo lợi nhuận, bất chấp hậu quả về chính trị, tư tưởng và an ninh, xã hội, làm ảnh hưởng đến định hướng tư tưởng, văn hóa, xã hội.

Quản lý nhà nước về BCĐT để nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo đảm BCĐT hoạt động đúng định hướng, góp phần ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội...

Quản lý nhà nước về BCĐT nhằm bảo đảm công dân thực hiện quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí, quyền tiếp cận thông tin của công dân có nội dung xác định cụ thể, chứ không phải là một thứ quyền chung chung, trừu tượng. Để bảo đảm thực hiện các quyền trên, đòi hỏi người làm báo và cơ quan báo chí có trách nhiệm thực hiện các quyền đó của công dân đăng tải, phát sóng tác phẩm, ý kiến của công dân; trường hợp không đăng tải, phát sóng thì phải trả lời công dân và nêu rõ lý do; báo chí phải trả lời hoặc yêu cầu tổ chức, người có chức vụ trả lời bằng thư hoặc trả lời trên báo chí về kiến nghị, khiếu nại, tố cáo mà công dân gửi đến.

Như vậy, QLNN về BCĐT là để tạo môi trường pháp lý thuận lợi để công dân thực hiện quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận trên báo chí và quyền tiếp cận thông tin của công dân một cách đầy đủ và bảo đảm. QLNN về BCĐT nhằm bảo tồn, phát triển nền văn hóa dân tộc, hiện đại, nhân văn, mở ra cơ hội cho sự hòa nhập giữa các nền văn hóa, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa và tiến bộ về khoa học và công nghệ của nhân loại, bảo đảm cho quá trình hội nhập thông tin báo chí toàn cầu. Mặt khác, QLNN về BCĐT là loại trừ những hành vi, hoạt

động của BCĐT làm phương hại đến độc lập dân tộc và an ninh trật tự xã hội vi phạm bí mật nhà nước, bí mật đời tư, vi phạm thuần phong mỹ tục, tác động xấu đối với xã hội...

Trong hoạt động, BCĐT có sự đấu tranh về ý thức hệ biểu hiện cả trên phương diện văn hóa - tư tưởng, cả trong các quan hệ kinh tế. Cho nên, QLNN đối với BCĐT phải bảo đảm phù hợp các quy luật phát triển và phải thể hiện ở phương diện văn hóa tư tưởng, phương diện kinh tế của hoạt động BCĐT. QLNN phải mở đường cho tự do sáng tạo, đồng thời ngăn chặn những độc hại đối với hoạt động văn hóa - tư tưởng; phát triển nền kinh tế, thị trường định hướng XHCN, thúc đẩy hội nhập quốc tế.

2.3. Chủ thể, đối tượng, nguyên tắc, nội dung quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử

2.3.1. Chủ thể quản lý nhà nước về báo chí điện tử

Có thể thấy QLNN về BCĐT bao giờ cũng là một tác động hướng đích, có mục tiêu xác định cụ thể, tức là quá trình tác động có nội dung, mục đích rõ ràng, đặt trong mối quan hệ biện chứng ràng buộc và cộng hưởng của hệ thống thống chính trị nước ta.

Chính phủ là chủ thể cơ quan QLNN về mặt hành pháp đối với BCĐT, Chính phủ thống nhất, sắp xếp về cơ cấu QLNN về BCĐT ở các cấp cho phù hợp với thực tiễn phát triển của BCĐT. Sở dĩ Chính phủ là chủ thể cao nhất, trong hệ thống cơ quan QLNN về BCĐT vì Chính phủ là thiết chế trung tâm của bộ máy nhà nước, có chức năng tổ chức thực thi quyền lực nhà nước, quản lý điều hành các mặt của đời sống xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Chính phủ là thiết chế vừa mang tính chất chính trị, vừa mang hành chính nhà nước. Trong điều kiện xây dựng một nền hành chính trong sạch, vững mạnh, xây dựng Chính phủ kiến tạo, hành động, liêm chính và đáp ứng mục tiêu cải cách tư pháp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN đối với mọi lĩnh vực nói chung trong đó có hoạt động BCĐT thì càng đòi hỏi vai trò chủ thể QLNN của Chính phủ phải được phát huy mạnh mẽ và quyết liệt. Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Do đó, trong

các chủ thể QLNN về BCĐT, Chính phủ có vị trí pháp lý cao nhất, đảm bảo trật tự trong tổ chức và hoạt động của nền hành chính nhà nước, đồng thời thể hiện tính thống nhất, thông suốt có hiệu lực và hiệu quả trong hoạt động QLNN, điều hành, chỉ đạo hoạt động của các bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quản lý về mặt nhà nước đối với BCĐT. Chính phủ là thiết chế với hệ thống hành chính nhà nước, nắm quyền thống nhất quản lý điều hành, quyết định các chủ trương, cơ chế, chính sách, thể chế QLNN đối với hoạt động BCĐT. Các quyết định của Chính phủ phải được tất cả các cơ quan BCĐT, các chủ thể, cá nhân có thẩm quyền, có liên quan chấp hành nghiêm túc theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

Bộ Thông tin và Truyền thông là chủ thể quan trọng trong QLNN về BCĐT. Hằng năm, theo sự phân công của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng chương trình công tác và phương hướng kế hoạch thực hiện, những vấn đề mang tính chiến lược về BCĐT. Với vị trí là cơ quan của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông có thẩm quyền điều hành hoạt động hành chính về QLNN đối với hoạt động BCĐT. Trong đó chú trọng tới vai trò của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông với tư cách là một thành viên của Chính phủ, đồng thời là người đứng đầu bộ máy hành chính nhà nước trong lĩnh vực BCĐT có nhiệm vụ lãnh đạo công tác của Bộ Thông tin và Truyền thông mà trực tiếp là lãnh đạo Cục báo chí, chịu trách nhiệm QLNN đối với hoạt động BCĐT mà Chính phủ phân công quản lý. Bên cạnh việc giúp Chính phủ xây dựng các chính sách, văn bản, chương trình, kế hoạch, chiến lược hoạt động đối với BCĐT, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật BCĐT trong phạm vi toàn quốc, ban hành văn bản pháp luật để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, kiểm tra việc thi hành các văn bản đó và xử lý các văn bản trái pháp luật theo quy định của pháp luật. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông là chủ thể chịu trách nhiệm cá nhân trước Thủ tướng Chính phủ, cùng với thành viên khác của Chính phủ chịu trách nhiệm về hoạt động của Chính phủ liên quan đến hoạt động của báo chí điện tử.

Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Công an và Bộ Thông tin và Truyền thông giúp Chính phủ QLNN về hoạt động công tác của BCĐT trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ TT&TT thực hiện QLNN về báo chí.

Cục Báo chí thuộc Bộ TT&TT, Ủy ban Nhân dân các cấp tỉnh theo sự phân cấp của Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông QLNN về BCĐT thông qua các Sở Thông tin - Truyền thông và các bộ phận trực thuộc.

2.3.2. Đối tượng quản lý nhà nước về báo chí điện tử

Đối tượng quản lý nhà nước bao gồm các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động báo chí điện tử, cụ thể như:

2.3.2.1. Đối tượng quản lý nhà nước là cơ quan chủ quản báo chí điện tử

Tổ chức đứng tên xin cấp giấy phép hoạt động của BCĐT, thành lập và trực tiếp quản lý BCĐT, bao gồm cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia và có liên quan đến hoạt động BCĐT tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Như vậy, cơ quan chủ quản vừa chịu trách nhiệm QLNN của cơ quan BCĐT mình phụ trách, đồng thời cũng là đối tượng QLNN.

2.3.2.2. Đối tượng quản lý nhà nước là cơ quan báo chí điện tử

Cơ quan thực hiện loại hình BCĐT. Cơ quan BCĐT là cơ quan ngôn luận của Đảng, cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức từ cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên được thành lập theo quy định, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cán bộ, công nhân viên, cộng tác viên, nhân viên hợp đồng tại các cơ quan BCĐT đều phải chịu sự QLNN của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Cơ quan BCĐT có nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể như:

Thông tin trung thực về mọi mặt của tình hình đất nước và thế giới phù hợp với lợi ích của đất nước và của Nhân dân.

Tuyên truyền, phổ biến, góp phần xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thành tựu của đất nước và

thế giới theo tôn chỉ mục đích của cơ quan báo chí; góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu văn hóa lành mạnh của Nhân dân, bảo vệ và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Phát hiện, nêu gương người tốt, việc tốt, nhân tố mới, điển hình tiên tiến; đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

Phổ biến tuyên truyền, mở rộng sự hiểu biết lẫn nhau giữa các nước và các dân tộc, tham gia vào sự nghiệp của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, hữu nghị, hợp tác, phát triển bền vững.

Quyền hạn của cơ quan BCĐT như sau:

Được cơ quan chủ quản BCĐT cấp vốn, kinh phí hoạt động, trợ giá, bù lỗ. Ngoài các chế độ ưu đãi về thuế, ưu đãi về phí đối với hoạt động xuất bản, phát hành báo chí, các cơ quan báo chí của các tổ chức chính trị, báo chí phục vụ thiếu nhi, phục vụ đồng bào miền núi, hải đảo, đồng bào các dân tộc thiểu số, báo chí đối ngoại và khoa học kỹ thuật được Nhà nước xem xét để tài trợ hàng năm với khoản kinh phí nhất định.

Được tổ chức hoạt động kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực in ấn, chế bản, phát hành sách báo, quảng cáo, quay phim, nhiếp ảnh và kinh doanh các thiết bị, vật tư liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ báo chí để tạo nguồn thu đầu tư trở lại cho sự nghiệp phát triển báo chí. Cơ quan báo chí có nhu cầu mở rộng lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ ở các lĩnh vực khác liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan báo chí thì phải được sự đồng ý của cơ quan chủ quản và báo cáo cơ quan QLNN về báo chí để biết. Hoạt động kinh doanh, dịch vụ phải đăng ký kinh doanh tách biệt với hoạt động nghiệp vụ của cơ quan báo chí và phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh, dịch vụ mà cơ quan báo chí kinh doanh,

Được nhận và sử dụng các khoản tài trợ tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước vào các hoạt động phù hợp quy định của luật

pháp. Cơ quan chủ quản báo chí có trách nhiệm hướng dẫn việc tiếp nhận sử dụng các khoản tài trợ tự nguyện theo đúng quy định của Nhà nước. Người đứng đầu cơ quan báo chí chịu trách nhiệm trước cơ quan chủ quản báo chí và trước pháp luật về việc quản lý và sử dụng các khoản tài trợ.

2.3.2.3. Đối tượng quản lý nhà nước các cá nhân có liên quan

Cá nhân có liên quan đến hoạt động BCĐT gồm nhiều vị trí, chức danh, tên gọi khác nhau, tùy theo nhiệm vụ, công việc được phân công (Tổng biên tập, phó tổng biên tập, nhà báo, phóng viên, biên tập viên, thư ký tòa soạn, kỹ thuật viên, nhân viên phát hành...).

Người đứng đầu cơ quan BCĐT lãnh đạo và quản lý cơ quan BCĐT về mọi mặt, bảo đảm thực hiện tôn chỉ, mục đích của cơ quan BCĐT và chịu trách nhiệm trước thủ trưởng cơ quan chủ quản và trước pháp luật về mọi hoạt động của cơ quan BCĐT.

Người đứng đầu cơ quan chủ quản BCĐT không được kiêm nhiệm chức vụ người đứng đầu cơ quan BCĐT.

Nhà báo (bao gồm những người tham gia làm báo như phóng viên, biên tập viên). Nhà báo phải là người có quốc tịch Việt Nam, có địa chỉ thường trú tại Việt Nam, có đủ các tiêu chuẩn chính trị, đạo đức và nghiệp vụ báo chí do Nhà nước quy định, đang hoạt động hoặc công tác thường xuyên với một cơ quan báo chí Việt Nam và được cấp thẻ nhà báo.

Nhà báo có những quyền sau đây: Hoạt động BCĐT trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; hoạt động báo chí ở nước ngoài theo quy định của pháp luật và được pháp luật bảo hộ trong nghề nghiệp; được khai thác và được cung cấp thông tin trong hoạt động BCĐT theo quy định của pháp luật; được đến các cơ quan hoạt động nghiệp vụ...; được hoạt động nghiệp vụ báo chí tại các phiên tòa xét xử công khai; được bố trí khu vực riêng để tác nghiệp; được liên lạc trực tiếp với người tiến hành tố tụng để lấy tin, phỏng vấn theo quy định của pháp luật; khước từ việc tham gia biên soạn hoặc thể hiện tác phẩm BCĐT trái với quy định của pháp luật về BCĐT.

Nhà báo có những nghĩa vụ sau đây: Thông tin trung thực về tình hình trong nước và thế giới phù hợp với lợi ích của đất nước và của nhân dân; phản ánh ý kiến, nguyện vọng chính đáng của nhân dân; Bảo vệ quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phát hiện, tuyên truyền và bảo vệ nhân tố tích cực; đấu tranh phòng, chống các tư tưởng, hành vi sai phạm; không được lạm dụng danh nghĩa nhà báo để sách nhiễu và làm việc vi phạm pháp luật; phải cải chính, xin lỗi trong trường hợp thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước người đứng đầu cơ quan BCĐT về nội dung tác phẩm BCĐT của mình và về những hành vi vi phạm pháp luật.

2.3.3. Nguyên tắc quản lý nhà nước về báo chí điện tử

2.3.3.1. Nguyên tắc chung

Theo Giáo trình Quản lý hành chính nhà nước của Học Viện hành chính quốc gia cho rằng: “Nguyên tắc QLNN là tư tưởng chỉ đạo hành động của tổ chức và hoạt động của QLNN” [64; tr420]. Nguyên tắc QLNN không phải do một cơ quan nào, một người nào tự ý đặt ra mà nó được hình thành trên cơ sở quy luật khách quan, trên kết quả nghiên cứu sâu sắc các điều kiện thực tế xã hội, trên bản chất chế độ chính trị, xã hội trong thời gian, không gian và hoàn cảnh cụ thể. Nguyên tắc QLNN luôn luôn phát triển bởi vì các hiện tượng chính trị, xã hội mà nguyên tắc phản ánh cũng như khả năng nhận thức của chúng ta luôn phát triển. Do vậy, tùy những đối tượng quản lý cụ thể có những nguyên tắc quản lý phù hợp và tương ứng.

Trong cuốn sách Lý thuyết quản lý nhà nước tác giả G.V. Atamantruc của Nga, do GS, TS. Phạm Hồng Thái và Phí Văn Ba dịch tác giả có đưa ra khái quát chung cho nguyên tắc QLNN:

“Nguyên tắc quản lý nhà nước là quy luật, mối quan hệ hoặc mối liên hệ qua lại của bản chất xã hội, chính trị, của các nhóm yếu tố khác của quản lý nhà nước, được biểu thị dưới hình thức luận điểm khoa học nhất định, đa phần được

củng cố bằng pháp luật và được áp dụng trong hoạt động lý luận và thực tiễn của con người về quản lý” [135; tr236].

Những tính chất khác biệt của các nguyên tắc QLNN gồm tính biện chứng và tính hệ thống dựa trên tính biện chứng này của chúng. Mỗi quy luật, mỗi quan hệ và mỗi liên hệ qua lại đều phức tạp theo cấu trúc của mình, đôi khi hàm chứa những điểm mâu thuẫn, khác hướng. Giữa các nguyên tắc khác nhau có thể phát hiện những mâu thuẫn nhất định và đồng thời cả những bổ sung lẫn nhau và chuyển hoá qua lại. Khi đặc trưng nguyên tắc này hay nguyên tắc khác cần phải tính đến mối liên hệ qua lại của nó với các nguyên tắc khác, sự bổ sung bởi các nguyên tắc khác và sự lệ thuộc vào các nguyên tắc khác. Các mối liên hệ qua lại và tương tác phức tạp giữa các nguyên tắc tồn tại trong khuôn khổ hệ thống, mà trong đó chúng cân bằng hoặc tăng cường lẫn nhau, mở ra đầy đủ bản chất của mình và các khả năng điều chỉnh của mình.

Mỗi nguyên tắc đều có vị trí dành riêng cho nó về mặt cấu trúc chính là trong hệ thống; trong hệ thống và thông qua hệ thống nó biểu lộ cả tính cá biệt của mình. Hệ thống cũng xác định các giới hạn, các phương thức và thể hiện khác của việc áp dụng cụ thể các nguyên tắc. Nghĩa là việc bộc lộ đầy đủ nội dung và tiềm năng của mỗi nguyên tắc QLNN chỉ là có thể trong khuôn khổ và với việc tính đến những sự lệ thuộc có tính hệ thống của nó.

Trong khía cạnh được xem xét này, điều quan trọng là phải hình dung rành mạch vấn đề về sự biểu thị của các nguyên tắc QLNN trong hình thức pháp luật trong đó có các quy phạm Luật Hiến pháp, Luật Hành chính và các ngành luật khác. Do đó, khi nói về các nguyên tắc QLNN, thì hình dung các hiện tượng và các quá trình quản lý khách quan với tư cách như là các nguồn gốc của mình, phải vạch ra bản chất, vai trò QLNN của các nguyên tắc; trên cơ sở biểu thị chính xác hiện thực, cần phải mô tả đúng các quy luật, các quan hệ, các mối liên hệ qua lại của hiện thực QLNN; phải được phản ánh dưới hình thức phù hợp với những đòi hỏi của logic biện chứng, phải chỉ ra bản chất đang phát triển của mối quan hệ QLNN có tính nhà nước nhất định, tạo khả năng sử dụng có hiệu quả các kiến thức khoa học trong thực tế.

Theo quan điểm của G.V Atamantruc của nước Nga thì cơ sở xây dựng cho một nguyên tắc QLNN cần phải đáp ứng những đòi hỏi sau:

(1). Phản ánh không phải bất kỳ các quy luật, các quan hệ và các mối liên hệ qua lại nào của QLNN, mà chỉ các quy luật, các quan hệ và các mối liên quan qua lại căn bản nhất, chính nhất, cần thiết một cách khách quan của QLNN.

(2). Chỉ đặc trưng các quy luật, các quan hệ và các mối liên hệ qua lại bền vững trong QLNN.

(3). Bao quát chủ yếu là các quy luật, các quan hệ và các mối liên hệ qua lại vốn là thuộc tính đối với QLNN là một hiện tượng xã hội toàn vẹn, tức là có đặc điểm chung, chứ không phải đặc điểm riêng.

(4). Phản ánh tính đặc thù của QLNN, sự khác biệt của nó với các loại hình quản lý khác.

2.3.3.2. Nguyên tắc cụ thể về quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử

Từ những nội dung phân tích và tổng hợp của nguyên tắc QLNN chung ở trên thì trong hoạt động QLNN đối với BCĐT hiện nay ở nước ta cũng phải đặt ra một số những yêu cầu mang tính nguyên tắc như:

(1). Quản lý nhà nước đối với BCĐT phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Thể chế chính trị của nước ta Đảng cầm quyền, lãnh đạo toàn diện đất nước. Đảng lãnh đạo nhà nước xã hội chủ nghĩa trên một số bình diện. Lãnh đạo các cơ quan nhà nước thể chế hóa các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và tổ chức thực hiện các chính sách đó thông qua hoạt động của bộ máy nhà nước, bảo đảm giữ vững bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa và hiện thực hóa các chủ trương, chính sách của Đảng trong đời sống; xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu xã hội của nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của cơ quan nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức. Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền, quản lý xã hội, con người và bộ máy QLNN bằng pháp luật. Vì vậy, QLNN trên lĩnh vực BCĐT phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng trong khuôn khổ pháp luật.

(2). *Quản lý nhà nước đối với BCĐT phải bảo đảm quyền tự do ngôn luận, quyền tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin.*

Tôn trọng quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận trên BCĐT là một nguyên tắc hiến định. Thông qua báo chí, công dân có quyền nhận tin, đưa tin, quyền bày tỏ quan điểm của mình về những vấn đề đã và đang xảy ra trong đời sống xã hội. Công dân cũng có quyền tham gia ý kiến với Đảng và Nhà nước về các chủ trương, chính sách, đường lối, định hướng... Tất cả điều này như là một biểu hiện khuôn mẫu cho một xã hội dân chủ, xuất phát từ lợi thế của BCĐT, vai trò của BCĐT trong việc định hướng và bình ổn dư luận xã hội.

Để đảm bảo nguyên tắc này, nhà nước cần phải luôn tạo ra những cơ chế pháp lý phù hợp với các loại hình hoạt động báo chí nhằm phục vụ tốt nhất cho nhu cầu của đông đảo quần chúng nhân dân. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng cần đề ra một phương thức hướng các hoạt động BCĐT tuân thủ pháp luật, nhằm tạo điều kiện tốt nhất để các cơ quan chức năng nhà nước thuận lợi hơn trong việc quản lý nhà nước.

Do vậy để chứng minh, phân tích, luận giải cho quyền tự do ngôn luận, quyền tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin thì Hiến pháp 2013 quy định quy định rất rõ “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình” việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định, tại Luật Báo chí 2016 có hẳn một chương quy định và bảo đảm thực hiện quyền tự do báo chí của công dân (Chương II Quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân) cụ thể như: Sáng tạo tác phẩm báo chí; Cung cấp thông tin cho báo chí; Phản hồi thông tin trên báo chí; Tiếp cận thông tin báo chí; Liên kết với cơ quan báo chí thực hiện sản phẩm báo chí; In, phát hành báo in. Quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân; Phát biểu ý kiến về tình hình đất nước và thế giới; Tham gia ý kiến xây dựng và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Góp ý kiến, phê bình, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trên báo chí đối với các tổ chức của Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác.

Vấn đề tôn trọng quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận trên báo chí luôn được đặt ra và xem như quyền cơ bản của con người mà các thể chế chính trị của các nước buộc phải tôn trọng. QLNN bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công chúng, tức là phải có các biện pháp để đưa tất cả các thành quả của BCĐT được phổ cập đến các đối tượng thụ hưởng khác nhau trong xã hội được quy định rất rõ tại Luật Tiếp cận thông tin năm 2016. Với nguyên tắc, Nhà nước đã có chính sách để người dân được dễ dàng tiếp cận các ấn phẩm, loại hình báo chí; huy động các nguồn lực khác nhau để bảo đảm sự hoạt động của các cơ quan báo chí với nhiều tôn chỉ mục đích khác nhau nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu được thông tin và phát triển dân trí của các tầng lớp nhân dân. Mặt khác, Nhà nước có chính sách đẩy mạnh sự phát triển và khả năng sẵn sàng phục vụ của các cơ quan báo chí đối với các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

(3). Không ngừng đổi mới tư duy lãnh đạo, chỉ đạo quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử

Chủ động, kiên trì thúc đẩy phát triển đúng hướng đi đôi với QLNN chặt chẽ, có hiệu quả toàn bộ hệ thống cũng như từng cơ quan BCĐT. Thời kỳ mới đang đặt ra những yêu cầu mới đối với hoạt động của BCĐT. Trước tác động của cơ chế thị trường, mọi hoạt động của BCĐT luôn đối mặt với nguy cơ tự phát. Do vậy, QLNN về BCĐT phải đặc biệt quan tâm đến những đặc điểm của tình hình mới, phòng ngừa và hạn chế tiêu cực. Bên cạnh đó, cũng cần đề phòng khuynh hướng nhân danh sự lãnh đạo, QLNN để bóp nghẹt sức năng động, sáng tạo của các cơ quan cũng như cá nhân nhà báo. QLNN chặt chẽ chính là điều kiện bảo đảm cho BCĐT phát triển đúng quy hoạch, phù hợp quy mô, số lượng, tránh lãng phí. Do vậy, QLNN về BCĐT đòi hỏi phải vừa mềm dẻo, vừa nguyên tắc mới có thể đạt hiệu quả theo mong muốn.

Quản lý nhà nước về BCĐT sao cho bắt kịp trình độ phát triển rất cao của phương tiện kỹ thuật, công nghệ truyền thông hiện đại. Bản thân QLNN phải chứa đựng hàm lượng công nghệ cao và chính đội ngũ cán bộ làm công tác QLNN phải hiểu và sử dụng thành thạo trang thiết bị phương tiện kỹ thuật. Tức

là hệ thống QLNN về BCĐT phải áp dụng công nghệ mới và cán bộ tham gia công tác QLNN đối với lĩnh vực này phải có trình độ am hiểu về công nghệ, kỹ thuật tiên tiến về cách làm BCĐT... Điều này kéo theo việc các văn bản pháp luật cũng phải phù hợp với công nghệ mới kỹ thuật mới, có khuôn khổ pháp lý phù hợp với yêu cầu mới.

(4). Quản lý nhà nước đối với BCĐT phải phù hợp với cơ chế vận hành trong điều kiện kinh tế thị trường

Quản lý nhà nước đối với BCĐT đồng thời bảo đảm quyền thụ hưởng thành quả hoạt động BCĐT một cách bình đẳng của tất cả công dân. Nghĩa là QLNN về BCĐT phải điều chỉnh kịp thời những tác động của thị trường, quy luật cung cầu. BCĐT phải đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của quần chúng, nhưng phải mang tính định hướng, không chạy theo khuynh hướng giạt gân, câu khách. QLNN về BCĐT phải phù hợp với các chuẩn mực và cam kết với quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Bằng hoạt động của mình, BCĐT đã góp phần đáng kể vào việc ổn định chính trị, phát triển kinh tế và định hướng dư luận xã hội một cách tích cực. Nhiều nước trên thế giới đã khai thác triệt để hiệu quả hoạt động BCĐT nhằm phục vụ cho mục tiêu xây dựng xã hội thịnh vượng, công bằng, dân chủ và văn minh thông qua sự điều tiết của pháp luật. Riêng ở nước ta, pháp luật trong QLNN về BCĐT là công cụ khá quan trọng nhằm bảo tồn, phát triển nền văn hóa dân tộc hiện đại, nhân văn; tiếp thu tinh hoa văn hóa và tiến bộ về khoa học, công nghệ của nhân loại, đảm bảo cho quá trình hội nhập môi trường thông tin, BCĐT được nhanh chóng và thành công. Với điều kiện đó, hoạt động BCĐT ngày nay có những tiến bộ rõ rệt và đáp ứng khá tốt nhu cầu thông tin của mọi người dân quan tâm. Đây được xem như một nguyên tắc biểu hiện tính nhân văn sâu sắc với mục tiêu nâng cao chất lượng dân trí.

(5). Kiên quyết đấu tranh chống lợi dụng việc tôn trọng tự do báo chí, tự do ngôn luận làm trái pháp luật

Báo chí điện tử luôn có những ảnh hưởng nhất định đến tình hình an ninh chính trị của một quốc gia và cả quốc tế bởi tính đặc thù và tính quần chúng của

nó. Nhất là ngày nay, vấn đề tôn trọng quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận trên báo chí luôn được đặt ra và xem như quyền cơ bản của con người mà các thể chế chính trị và hình thức nhà nước buộc phải tôn trọng. Ý thức được vấn đề này, các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước luôn tìm cách lợi dụng các quyền trên của công dân để lôi kéo chống phá Đảng, Nhà nước ta ở mọi thời điểm, mọi nơi, mọi lúc để phá hoại hoà bình, độc lập, toàn vẹn chủ quyền của đất nước; kích động bạo lực và tuyên truyền chiến tranh; chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc; gây rối trật tự công cộng; xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự; cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân trong công cuộc xây dựng đất nước.

2.3.4. Nội dung quản lý nhà nước về báo chí điện tử

Quản lý nhà nước về BCĐT là hoạt động chấp hành và điều hành của cơ quan nhà nước, cá nhân có thẩm quyền được tiến hành trên cơ sở của pháp luật, nhằm kiểm soát, bảo vệ hoạt động đối với BCĐT. Trong các nội dung QLNN về BCĐT theo tác giả với mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài luận án, tác giả sẽ tập trung nghiên cứu 4 nội dung cơ bản sau:

2.3.4.1. Xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử

Như đã phân tích, luận giải các vấn đề chính đã nêu ở các phần trên của đề tài luận án, theo quan điểm của tác giả muốn quản lý nhà nước bằng pháp luật thì trước hết phải có luật và xây dựng các văn bản pháp luật, các văn bản quy định ấy pháp phải đúng, phải đủ, phải phù hợp với tình hình và điều kiện thực tiễn của đối tượng cần điều chỉnh và nghiên cứu nhằm mục đích để cho đối tượng điều chỉnh hoạt động, phát triển trong khuôn khổ quy định của pháp luật. Do vậy, đề QLNN về BCĐT đòi hỏi các cơ quan ban, ngành của Đảng và Nhà nước không ngừng nghiên cứu, xây dựng, ban hành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong các lĩnh vực có liên quan đến BCĐT.

Xây dựng và ban hành văn bản QPPL là kết quả của quá trình nhận thức về sự vận động và phát triển những vấn đề nảy sinh trong quan hệ hữu cơ của cơ quan QLNN là chủ thể với các đối tượng quản lý trong lĩnh vực BCĐT. Trên cơ

sở đó, xây dựng các thể chế QLNN phù hợp với thực tiễn khách quan của BCĐT, tạo lập hành lang pháp lý cho những quan hệ ấy phát triển theo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước.

Nhà nước quy định thẩm quyền cho từng cơ quan trong việc xây dựng và ban hành các văn bản QPPL điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong các lĩnh vực liên quan đến QLNN về BCĐT. Căn cứ pháp lý cho hoạt động này là Hiến pháp, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản QPPL, Luật Báo chí, Luật An ninh mạng... Từ nguyên tắc Đảng lãnh đạo, quá trình xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật về BCĐT đã hiện thực hóa các chủ trương, đường lối về BCĐT của Đảng. Các chủ trương, đường lối đối với BCĐT của Đảng tạo ra những cơ sở chính trị quan trọng cho quá trình ban hành các văn bản pháp luật về BCĐT. Thực tiễn công tác lập pháp trong lĩnh vực BCĐT trong thời gian qua đã cho thấy các chiến lược, chính sách phát triển về BCĐT của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

Tuy nhiên, hoạt động xây dựng và ban hành văn bản pháp luật về BCĐT phải khẳng định được chức năng xã hội của Nhà nước và pháp luật trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội là rất phức tạp đối với hoạt động của BCĐT. Như vậy, để xây dựng, ban hành các văn bản QLNN về BCĐT được tốt và phù hợp với những ưu thế vượt trội của BCĐT và sự phát triển của lĩnh vực này đòi hỏi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải có một bộ máy, tổ chức, cá nhân QLNN đủ mạnh và chuyên sâu am hiểu về BCĐT, từ đây sẽ tham mưu với Đảng, Nhà nước tạo ra một hành lang pháp lý phù hợp đối với loại hình BCĐT ở Việt Nam hiện nay.

2.3.4.2. Tổ chức và thực hiện văn bản quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử

Việc tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về BCĐT nhằm đưa các quy phạm pháp luật vào điều chỉnh các quan hệ về lĩnh vực BCĐT, được tiến hành trên hai bình diện chủ yếu là triển khai thực hiện và áp dụng các văn bản pháp luật về báo chí điện tử.

Về triển khai thực hiện pháp luật đối với BCĐT: Trong phạm vi thẩm

quyền, các cơ quan QLNN tổ chức triển khai các quy định trong các văn bản pháp luật liên quan đến BCĐT bằng việc quán triệt, tập huấn, tọa đàm, tuyên truyền phổ biến giáo dục, hướng dẫn việc thực hiện tại các cơ quan, đơn vị cơ sở, cho các đối tượng QLNN với nhiều hình thức và biện pháp phù hợp.

Về áp dụng pháp luật đối với BCĐT: Đây là việc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền QLNN các lĩnh vực có liên quan đến BCĐT bằng các hoạt động nghiệp vụ, với trình độ chuyên môn cao của các cán bộ, công chức có thẩm quyền, tổ chức cho các chủ thể tham gia hoạt động BCĐT thực hiện những quy định của pháp luật đối với BCĐT ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt những quan hệ pháp luật cụ thể trong các lĩnh vực liên quan đến báo chí điện tử ở nước ta.

Với nội dung trên, hoạt động áp dụng pháp luật đối với BCĐT là sự tác động QLNN bằng quyền lực nhà nước của các cơ quan có thẩm quyền và một số cơ quan khác của Đảng, Nhà nước được ủy quyền để thi hành pháp luật đối với BCĐT. Đây là yếu tố quyết định sự tuân thủ nghiêm chỉnh các quy phạm pháp luật đối với BCĐT; nhằm tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả, chấp hành nghiêm túc QLNN đối với báo chí điện tử.

Tổ chức thực hiện pháp luật đối với BCĐT là hoạt động thường xuyên, liên tục, quan trọng của cơ quan hành chính nhà nước. Các bộ, ngành, địa phương hằng năm phải thực hiện tổng kết hoạt động năm trước và đề ra phương hướng nhiệm vụ năm sau. Đối với các văn bản QPPL mới, còn phải lập chương trình hành động, xác định tiến độ thực hiện, phân công cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp. Đây là cơ sở để tiến hành giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực BCĐT.

2.3.4.3. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với báo chí điện tử

Thanh tra là một chức năng thiết yếu của QLNN, là hoạt động kiểm tra, xem xét việc làm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, thường được thực hiện bởi một cơ quan chuyên trách, theo một trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, nhằm kết luận đúng, sai, đánh giá ưu, khuyết điểm, phát huy nhân tố tích cực, phòng

ngừa xử lý các vi phạm, qua đây góp phần hoàn thiện cơ chế QLNN, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của nhà nước, các quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Từ cách hiểu đó, thanh tra về hoạt động QLNN về BCĐT ở nước ta là một chức năng thiết yếu, quan trọng của cơ quan chuyên trách thực hiện kiểm tra các đối tượng quản lý trên lĩnh vực liên quan đến BCĐT nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, chấn chỉnh, sửa chữa những sai lầm, xử lý vi phạm trong hoạt động chấp hành các quy định của pháp luật của nhà nước trên lĩnh vực hoạt động đối với báo chí điện tử.

Còn đối với kiểm tra là một hoạt động thường xuyên. Do tính chất này mà chúng ta không thể nói là đã có một hệ thống kiểm tra hữu hiệu nếu chỉ có người lãnh đạo tổ chức và những bộ phận tổ chức chuyên trách tham gia vào hoạt động kiểm tra công việc. Điều quan trọng là phải thành lập được hệ thống tự kiểm tra và một nề nếp kiểm tra lẫn nhau trong nội bộ tổ chức và giữa hai nhân tố chủ quan và khách quan trong tổ chức hoặc hai nhân tố khác nhau trong cùng một công việc của cơ quan tổ chức.

Kiểm tra trên lĩnh vực BCĐT là việc xem xét các hành vi, hoạt động của chủ thể có chấp hành đúng các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước trên các lĩnh vực BCĐT, từ đó xem xét các mức độ vi phạm để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật về BCĐT ở nước ta hiện nay.

Khiếu nại là việc cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại thẩm quyền hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc quyết định kỷ luật của cán bộ công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó trái với pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tố cáo là việc cá nhân báo cho cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ cơ quan tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại, đe dọa gây thiệt hại đến lợi của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Do vậy, theo quan điểm của tác giả hiểu khiếu nại, tố cáo liên quan đến BCĐT ở những khía cạnh chính như sau:

Khiếu nại, tố cáo nảy sinh trong lĩnh vực BCĐT là công dân, cán bộ liên quan đến BCĐT cho rằng cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo ban hành ra quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính trái luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước, của tổ chức, cá nhân. Họ cho rằng cán bộ công chức, cơ quan QLNN về BCĐT lợi dụng chức vụ, quyền hạn có liên quan đến BCĐT để trục lợi hoặc làm sai, để nhằm mục đích trù dập cá nhân, tổ chức liên quan đến BCĐT.

Thông qua việc xem xét các khiếu nại, tố cáo, cơ quan nhà nước có thể phát hiện những vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện pháp luật đối với BCĐT, thậm chí phát hiện những bất cập, không hợp lý trong pháp luật đối với QLNN về BCĐT việc ban hành những kết luận, quyết định trong giải quyết khiếu nại, tố cáo đây cũng là hoạt động kịp thời để sửa chữa những sai sót trong thực hiện pháp luật đối với BCĐT. Bên cạnh đó kiến nghị với cơ quan cấp trên có thẩm quyền bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp luật để phù hợp hơn với thực tiễn trên lĩnh vực BCĐT ở nước ta hiện nay.

Như vậy, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực QLNN đối với BCĐT là một công việc hết sức quan trọng và cần thiết. Tuy vậy, trình tự và thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thực tiễn còn nhiều điều chưa hợp lý, thời gian chờ đợi còn lâu, do vậy cần được hoàn thiện theo hướng phân biệt xử lý theo thủ tục hành chính và xét xử theo trình tự, quy định của pháp luật.

2.3.4.4. Xử lý vi phạm trên lĩnh vực báo chí điện tử

Xử lý vi phạm pháp luật trên lĩnh vực BCĐT có thể được hiểu là hoạt động của các chủ thể có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật hiện hành, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính hay hình sự đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực về BCĐT.

Vi phạm pháp luật về BCĐT bao gồm: Vi phạm pháp luật dân sự; vi phạm pháp luật hành chính; vi phạm kỷ luật nhà nước (chủ yếu đối với cán bộ, công chức, viên chức hành chính trực tiếp hoạt động về BCĐT); vi phạm pháp luật hình sự.

Do vậy, xử lý vi phạm pháp luật về BCĐT có thể được tiến hành ở hai mức độ: Xử lý vi phạm hành chính và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi vi phạm pháp luật về BCĐT (tùy theo từng trường hợp cụ thể).

Xử lý vi phạm hành chính về BCĐT chủ yếu là áp dụng xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân và tổ chức có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm quy định về QLNN về BCĐT, các điều kiện đảm bảo ổn định BCĐT mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực BCĐT.

Tóm lại, Nhà nước quản lý toàn bộ xã hội, hoạt động của BCĐT liên quan đến nhiều lĩnh vực xã hội khác nhau nên cần được QLNN. Mục đích QLNN đối với BCĐT nhằm bảo đảm cho hoạt động của BCĐT diễn ra trong khuôn khổ của pháp luật vì lợi ích chung cho toàn xã hội.

Nội dung QLNN nói trên mang tính phổ biến ở mỗi nơi, song tùy thời gian mà nội dung nào là trọng tâm, trọng điểm và cần có kế hoạch để áp dụng biện pháp QLNN thích hợp. Từng nội dung QLNN nói trên được phân cấp hợp lý để vừa làm rõ trách nhiệm của các chủ thể quản lý vừa tránh buông lỏng QLNN về BCĐT; vừa khắc phục tình trạng quan liêu, đùn đẩy, gây phiền hà cho các đối tượng quản lý vừa tạo được hoạt động thông suốt, đồng bộ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến lĩnh vực này.

2.4. Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử hiện nay

Có nhiều yếu tố tác động đến QLNN về BCĐT: Các yếu tố khách quan và chủ quan; các yếu tố cơ bản và không cơ bản; các yếu tố trực tiếp và gián tiếp... Các yếu tố tác động đến QLNN về BCĐT mang tính hệ thống, chỉnh thể, nhiều khía cạnh khác nhau. Các yếu tố tác động đến QLNN về BCĐT không phải ở trong trạng thái tĩnh mà luôn luôn ở trong trạng thái động, được thay đổi cùng với sự phát triển của xã hội. Theo tác giả có một số yếu tố cơ bản và trực tiếp tác động đến QLNN về BCĐT như sau:

2.4.1. Yếu tố chính trị

Chính trị là tất cả những hoạt động, những vấn đề gắn với quan hệ giai cấp, dân tộc, quốc gia và các nhóm xã hội xoay quanh một vấn đề trung tâm đó là vấn

đề giành, giữ và sử dụng quyền lực nhà nước. Ngày nay, Chính trị là nghệ thuật hay khoa học vận hành và QLNN xã hội bằng quyền lực nhà nước nhưng nó phải bị hạn chế bằng luật pháp và được giám sát bởi nhân dân thông qua các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, đoàn thể, thông tin đại chúng. QLNN đối với hoạt động BCĐT cần phải chú trọng tới yếu tố chính trị bởi chính trị có ảnh hưởng hết sức quan trọng đến hoạt động QLNN. Những quy định pháp luật về BCĐT chính là sự thể chế hóa đường lối quan điểm của Đảng ta về công tác tư pháp nói chung và BCĐT nói riêng. Tuy nhiên, khi đã có pháp luật thì việc thực hiện chúng có hiệu quả hay không lại phụ thuộc vào quan điểm chính trị và quyết tâm chính trị của các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương. Có thể nói, chính trị là yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp, quan trọng đến hoạt động QLNN về BCĐT. Nếu các cấp ủy Đảng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đều có quyết tâm chính trị, sẵn sàng hỗ trợ trong việc QLNN về BCĐT, thì hoạt động QLNN sẽ được diễn ra một cách thuận lợi, trôi chảy. Nhưng nếu vẫn còn sự thờ ơ và thiếu sự quan tâm từ chính các chủ thể đối với công tác và hoạt động của BCĐT thì hoạt động này sẽ gặp nhiều khó khăn, thách thức trong quá trình triển khai. Thực tế, có thể nhận thấy chính trị có ảnh hưởng đến QLNN đối với hoạt động BCĐT ở các khía cạnh sau đây:

Nhận thức chính trị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. Điều này có nghĩa, các chủ thể liên quan có nhận thức một cách sâu sắc về chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác hoạt động đối với BCĐT. Nói cách khác, các nghị quyết, văn bản pháp luật của Đảng, Nhà nước có được các cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp cận và lĩnh hội một cách đầy đủ, chính xác để từ đó xác định được quan điểm, mục tiêu chung trong công tác của BCĐT. Hơn nữa, từ sự nắm bắt đó, các chủ thể này xác định được một cách rõ ràng trách nhiệm, nghĩa vụ của mình, từ đó đề ra được các phương hướng, biện pháp cụ thể trong quá trình thực hiện pháp luật về BCĐT.

Quyết tâm chính trị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. Đây là khía cạnh tư tưởng, ý chí nội tâm của các chủ thể có liên quan. Nhận thức chính trị là vấn đề quan trọng, nhưng nếu các chủ thể không có ý chí quyết tâm,

không coi công tác QLNN về BCĐT là trách nhiệm của mình thì sẽ rất khó để biến nhận thức thành hành động cụ thể.

Quyết tâm chính trị là điều ẩn sâu bên trong, do đó, điều quan trọng là quyết tâm đó phải được biểu hiện ra bên ngoài bằng hành động chính trị, tức bằng các hoạt động thực tế của mỗi người. Vì vậy, yếu tố chính trị ảnh hưởng trực tiếp đến QLNN đối với hoạt động BCĐT là thông qua các hành động chính trị cụ thể, thiết thực của các cơ quan, tổ chức, cá nhân chứ không phải qua lời nói, sự hô hào hay những chỉ thị suông. Nói cách khác, nhận thức chính trị hay quyết tâm chính trị phải được thể hiện trên thực tế thông qua các nghị quyết, các chương trình, kế hoạch... của các cơ quan, ban, ngành địa phương. Và điều quan trọng là các cơ quan hữu quan thực hiện các quyết tâm đó thông qua các hành động cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Bên cạnh đó, các cơ quan hữu quan phải huy động được sự hưởng ứng, sự tham gia nhiệt tình, đầy trách nhiệm của tất cả các cơ quan, tổ chức và mọi công dân đối với công tác QLNN về BCĐT.

2.4.2. Yếu tố pháp lý

Quản lý nhà nước về BCĐT và pháp luật QLNN đối với hoạt động BCĐT có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Pháp luật QLNN được hiểu tổng thể mục đích, định hướng, các nguyên tắc, các quy phạm pháp luật có mối quan hệ nội tại thống nhất với nhau, được phân thành các nhóm thể hiện trong các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ban hành. Hệ thống pháp luật QLNN về BCĐT gồm hai bộ phận cấu thành là hệ thống cấu trúc pháp luật QLNN và hệ thống các quy định, điều kiện về BCĐT. Hệ thống cấu trúc pháp luật QLNN là cơ sở cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về BCĐT, còn hệ thống các quy định và điều kiện về BCĐT là cơ sở cho việc xây dựng nội dung giới thiệu tổng quan QLNN về BCĐT.

Xét ở khía cạnh QLNN đối với hoạt động BCĐT thì yếu tố pháp lý có ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả QLNN đối với hoạt động BCĐT. Nếu yếu tố pháp lý không được quan tâm thì QLNN về BCĐT sẽ theo khuynh hướng tự do, tùy tiện, không theo định hướng thống nhất vì thế sẽ tản mạn, thiếu thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Nếu không có hệ thống các quy định của pháp luật đối với hoạt động

BCĐT thì không thể có cơ sở pháp lý để tiến hành các hoạt động QLNN. Trên thực tiễn, yếu tố pháp lý ảnh hưởng đến QLNN đối với hoạt động BCĐT là tương cao.

Quy phạm pháp luật về QLNN được ban hành đảm bảo tính hệ thống, toàn diện, phù hợp thực tiễn và mang tính khả thi thì đây sẽ là điều kiện tiên quyết để BCĐT hoạt động có hiệu quả. Nhưng nếu hệ thống các quy định của pháp luật không đầy đủ, chồng chéo, mâu thuẫn hoặc xa rời thực tế sẽ cản trở quá trình tổ chức hoạt động của BCĐT và ảnh hưởng không nhỏ đến QLNN đối với BCĐT.

Các quy định về BCĐT được quy định một cách chặt chẽ, có sự phối hợp đồng bộ trên các lĩnh vực khác nhau sẽ tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tuân thủ pháp luật một cách chặt chẽ, từ đó tăng cường nâng cao hiệu lực QLNN. Ngược lại, nếu các quy định pháp luật trong lĩnh vực QLNN đối với hoạt động BCĐT không đồng bộ, thiếu chặt chẽ thì kết quả đạt được sẽ không cao.

Pháp lý về QLNN về BCĐT, ngoài các nội dung nói trên còn có chính sách pháp lý khuyến khích để BCĐT phát triển có ảnh hưởng quan trọng đến chất lượng và hiệu quả của BCĐT. Pháp lý QLNN về BCĐT là yếu tố quan trọng bảo đảm hoạt động của BCĐT tiến hành mang tính pháp quyền, bắt buộc, nghiêm túc và đầy đủ.

Mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp lý QLNN về BCĐT là một trong những yếu tố có ảnh hưởng quan trọng, rất lớn đến hoạt động QLNN của Đảng, Nhà nước nói chung và của lĩnh vực BCĐT nói riêng. Có nhiều tiêu chuẩn để đánh giá mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp lý QLNN về BCĐT, trong đó có các tiêu chuẩn chính như: Tính toàn diện, tính thống nhất, tính phù hợp, tính phổ quát, tính đặc thù... Mỗi tiêu chuẩn và tổng thể các tiêu chuẩn nói trên có tác động rất lớn đến QLNN về BCĐT, cụ thể là tác động đến quan điểm, chủ trương, xây dựng văn bản QPPL, thực hiện chương trình, nội dung, phương thức QLNN về BCĐT. Nếu hệ thống pháp lý QLNN về BCĐT có mức độ hoàn thiện cao là cơ sở để cung cấp toàn diện, đồng bộ, có hệ thống, đầy đủ, logic đến chủ thể và đối tượng QLNN về BCĐT. Còn ngược lại, nếu hệ thống pháp lý QLNN về BCĐT còn thiếu tính toàn diện, tính thống nhất, tính phù hợp, tính phổ quát, tính

đặc thù thì hoạt động QLNN về BCĐT sẽ không toàn diện, không đồng bộ, thống nhất, đầy đủ, logic nhất là trong tình hình hiện nay.

2.4.3. Yếu tố kinh tế xã hội

Kinh tế là tổng hòa các mối quan hệ tương tác lẫn nhau của con người và xã hội liên quan trực tiếp đến việc sản xuất, trao đổi, phân phối, tiêu dùng các loại sản phẩm hàng hóa và dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của con người trong một xã hội với một nguồn lực có hạn. Hoạt động kinh tế là quá trình mà con người cố gắng thực hiện những công việc để sử dụng hiệu quả nguồn lực sẵn có của mình như: Tiền, sức khỏe, tài năng và nhiều tài nguyên khác, để tạo ra những sản phẩm phù hợp với nhu cầu nhân loại. Cũng như các hoạt động khác, BCĐT ra đời, tồn tại và phát triển chịu sự ảnh hưởng nhất định bởi yếu tố kinh tế, nó là tấm gương phản chiếu của nền kinh tế, vì vậy một nền kinh tế phát triển, ổn định là điều kiện quan trọng bậc nhất đảm bảo cho hiệu quả của hoạt động BCĐT. Kinh tế phát triển sẽ làm cho mối quan hệ tương tác giữa cơ quan QLNN về BCĐT được tiến hoạt động hài hòa theo đúng mục đích, đúng kế hoạch, đúng thời gian cũng như đúng đối tượng. Nếu như kinh tế chậm phát triển, đời sống cơ sở, vật chất, kỹ thuật, cán bộ, công nhân viên gặp nhiều khó khăn sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của QLNN về BCĐT.

2.4.4. Yếu tố văn hóa xã hội

Văn hóa là trình độ phát triển của con người và của xã hội được biểu hiện trong các kiểu và hình thức tổ chức đời sống và hành động của con người cũng như trong giá trị vật chất và tinh thần mà con người tạo ra. Do đó, văn hoá là yếu tố ảnh hưởng lớn đến QLNN nói chung và QLNN đối với hoạt động BCĐT nói riêng. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay, bên cạnh những mặt tích cực thì đã bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế như: Sự phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng; tham nhũng, tiêu cực vẫn còn xảy ra; các tệ nạn xã hội còn phức tạp, trình độ dân trí chưa cao, vấn đề an sinh xã hội chưa được đảm bảo... Tất cả những điều này đã và đang ảnh hưởng trực tiếp đến QLNN về BCĐT, có thể trực tiếp hay gián tiếp làm tăng hoặc giảm năng lực quản lý nhà nước.

Trong lĩnh vực BCĐT, nếu các bên đương sự, các cá nhân trong xã hội được sinh hoạt ở môi trường văn hóa xã hội lành mạnh, phong tục tập quán và những quy

phạm xã hội được thống nhất, hài hòa, với mặt bằng dân trí cao, xã hội phát triển thì người dân biết điều chỉnh hành vi của mình phù hợp với những quy định của pháp luật thì QLNN về BCĐT sẽ dễ dàng, thuận lợi và mang lại hiệu quả và ngược lại, đối với nơi có trình độ văn hóa - xã hội thấp, các cá nhân tham gia hoạt động BCĐT do thiếu hiểu biết pháp luật sẽ dễ có hành vi tiêu cực, mù quáng.

Xét dưới góc độ tâm lý của người Việt Nam, do luôn “dĩ hoà vi quý”, luôn coi trọng tình cảm, giữa cái lý và cái tình, do vậy trong pháp luật một số vụ việc vẫn phải sử dụng tiền lệ án, phép vua thua lệ làng, trăm cái lý không bằng một tý cái tình... Dẫn đến trong phương thức xử lý các mối quan hệ trong QLNN về BCĐT còn hình thức, nề nang, nặng về tình cảm, vì thế nhiều khi ý thức chấp hành pháp luật bị đặt sau tình cảm, cảm tính. Vì vậy, các cơ quan QLNN phải tích cực, chủ động làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật của các bên tham gia để chấp hành tốt các quy định chung của QLNN. Tuy nhiên, để hình thành và phát triển ý thức pháp luật trong từng cá nhân cụ thể, dẫn đến nâng cao ý thức pháp luật trong toàn xã hội thì không thể trong một sớm một chiều, mà là một công việc phải được thực hiện một cách bền bỉ, lâu dài dựa trên nền tảng văn hóa xã hội của những thời điểm cụ thể, con người cụ thể trong hoạt động QLNN về BCĐT của mỗi quốc gia.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2:

Báo chí điện tử là loại hình báo chí ra đời muộn hơn báo in, phát thanh và truyền hình. Đến nay, tuy cách gọi loại hình báo chí này còn khác nhau, nhưng về bản chất BCĐT (bao gồm báo điện tử, báo mạng điện tử, báo mạng, báo trực tuyến) là loại hình báo chí, sử dụng chữ viết, hình ảnh, âm thanh, được xây dựng dưới hình thức một trang web, phát hành dựa trên nền tảng của mạng Internet.

Báo chí điện tử tuy ra đời muộn, nhưng lại có một số đặc trưng nổi trội hơn so với các loại hình báo chí khác như: Thông tin nhanh, thường xuyên, liên tục; tính tương tác cao, nhiều chiều; tính lan tỏa nhanh, không biên giới; khả năng liên kết, lưu trữ lớn và tìm kiếm thông tin dễ dàng; có khả năng tích hợp các loại hình truyền thông... Được sự hỗ trợ của công nghệ truyền thông và

Internet, BCĐT phát triển nhanh, đặc biệt trong mối quan hệ tương tác và liên kết giữa BCĐT với các loại hình báo chí khác và MXH nên có sức khuếch tán thông tin vô cùng lớn, có thể chi phối thông tin trong xã hội, nhất là những sự việc phức tạp, nhạy cảm, vì vậy cần đổi mới cơ chế quản lý nhà nước để phù hợp với đặc trưng của báo chí điện tử.

Báo chí điện tử là cơ quan của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, là diễn đàn của nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, QLNN của Nhà nước và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Đảng, Nhà nước ta rất quan tâm đến sự phát triển của BCĐT và QLNN về BCĐT; không ngừng đổi mới tư duy lãnh đạo, chỉ đạo QLNN đối với BCĐT; ban hành các nghị quyết, chỉ thị và nhiều văn bản liên quan đến QLNN, tạo điều kiện cho BCĐT phát triển, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới và hội nhập quốc tế; chủ động, kiên trì thúc đẩy phát triển đúng hướng đi đôi với QLNN chặt chẽ, có hiệu lực, hiệu quả.

Quản lý nhà nước đối với BCĐT là hoạt động của cơ quan hành pháp quản lý công vụ hành chính của bộ máy nhà nước. Đó là sự tác động có tổ chức và được điều chỉnh bằng pháp luật, trên cơ sở quyền lực nhà nước đối với các quá trình xã hội liên quan đến hoạt động BCĐT, do các cơ quan có thẩm quyền trong hệ thống hành pháp từ Trung ương đến cơ sở triển khai thực hiện, nhằm phát triển các mối quan hệ xã hội, thỏa mãn nhu cầu tự do báo chí, tự do ngôn luận, tiếp cận thông tin của công dân.

Báo chí điện tử có một số đặc trưng nổi trội và gắn bó chặt chẽ với mạng Internet và công nghệ thông tin, vì vậy ngoài các nội dung cần QLNN như các loại hình báo chí khác, cơ quan QLNN cần quản lý cả hạ tầng và đội ngũ kỹ thuật viên CNTT liên quan đến BCĐT. QLNN về BCĐT hiện nay chủ yếu là điều chỉnh bằng pháp luật, thuyết phục, cưỡng chế và thanh tra, kiểm tra trong các hoạt động chung của BCĐT.

Ngoài ra, QLNN về BCĐT còn ảnh hưởng bởi các yếu tố chính trị, yếu tố pháp lý, yếu tố kinh tế, yếu tố văn hóa xã hội trong tổng thể của các mối quan hệ xã hội. Chính vì vậy, những vấn đề lý luận trên sẽ là cơ sở, nền tảng để tác giả thực hiện phân thực tiễn QLNN về BCĐT.

Chương 3

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BÁO CHÍ ĐIỆN TỬ Ở NƯỚC TA

3.1. Tình hình tổ chức và hoạt động của báo chí điện tử ở nước ta

3.1.1. Tình hình tổ chức báo chí điện tử

Không chỉ ở Việt Nam mà cả báo chí thế giới đang chứng kiến một sự “di dân” từ báo in sang các loại hình báo chí điện tử. Nói cách khác, BCĐT đang ngày càng trở thành một kênh thông tin được lựa chọn bởi đông đảo bạn đọc, đặc biệt là bạn đọc trẻ. Vì thế, chắc chắn sẽ mở ra cơ hội cho BCĐT tiếp tục phát triển và khẳng định vị thế của mình trong thị trường báo chí, cơ sở quan trọng đó chính là sự thay đổi trong thói quen đọc báo của độc giả và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số đã đem lại cho BCĐT những lợi thế vượt trội so với các loại hình báo chí khác. Theo thống kê của Cổng thông tin Điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông (nguồn “<http://mic.gov.vn>”):

Tính đến tháng 1/2019, cả nước đã có 150 cơ quan báo chí điện tử trong đó (có 24 cơ quan báo chí điện tử độc lập, 126 cơ quan báo chí có thêm loại hình báo chí điện tử), gần 1.600 trang thông tin điện tử tổng hợp và 420 trang mạng xã hội đã tạo ra một bức tranh sinh động trong hoạt động truyền thông ở nước ta. Những tờ BCĐT hàng đầu của nước ta hiện nay như VnExpress, VietNamNet, Dân trí, Vietnamplus... đã xác lập được vị trí vững chắc trong hệ thống báo chí ở Việt Nam, mỗi tờ báo có số lượt truy cập lên tới hàng chục triệu lượt người/ngày. Ngoài những ưu thế của một loại hình báo chí hiện đại dựa trên công nghệ thông tin và Internet thì BCĐT ngày càng khẳng định vị thế vượt trội của mình như khả năng cập nhật thông tin nhanh, dung lượng thông tin lưu trữ khổng lồ, công cụ tìm kiếm tiện ích, tích hợp nhiều công nghệ hiện đại và khả năng tương tác nhiều chiều với độc giả.

Chính vì vậy, tổ chức báo chí điện tử ở nước ta theo quy định tại (Chương III, Tổ chức báo chí) của Luật Báo chí 2016 có nhiều nội dung liên quan, tuy nhiên trong khuôn khổ của đề tài luận án tác giả tiếp cận và chọn lọc một số nội dung chính phù hợp với BCĐT như sau:

3.1.1.1. Những điều kiện pháp lý để thành lập cơ quan báo chí điện tử

Theo Điều 14 của Luật Báo chí được Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 05 tháng 04 năm 2016 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, các cơ quan báo chí thành lập phải dựa trên những điều kiện sau: “Cơ quan của Đảng, cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức tôn giáo từ cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam được thành lập cơ quan báo chí”. Trên thực tế, trong những năm qua các cơ quan BCĐT phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng theo báo cáo Tổng kết năm của Cục báo chí, Bộ Thông tin và Truyền thông về số liệu cơ quan báo chí điện tử một số năm qua như sau (*nguồn Cục Báo chí*):

Năm 2015 mới chỉ có 06 cơ quan BCĐT độc lập và 28 cơ quan BCĐT có đăng ký thực hiện thêm loại hình BCĐT thì năm 2016 đã tăng lên 11 cơ quan BCĐT hoạt động độc lập và có đến 31 cơ quan báo chí có thêm loại hình BCĐT và năm 2017 cả nước đã tăng lên 19 cơ quan BCĐT độc lập hoạt động trên lĩnh vực BCĐT và có 50 cơ quan báo chí xin thêm loại hình hoạt động BCĐT, năm 2018 cơ quan BCĐT độc lập đã phát triển nhanh chóng lên đến 25 cơ quan BCĐT đi theo đó hàng loạt các tờ báo truyền thông cũng xin thêm ấn phẩm, phụ trương, trang điện tử phát triển mạnh mẽ. Luật Báo chí 2016 tại Điều 29 thực hiện thêm loại hình báo chí “ Cơ quan báo chí có đủ điều kiện quy định tại Điều 17 của Luật này nếu có nhu cầu thực hiện thêm loại hình báo chí khác thì cơ quan chủ quản báo chí gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép hoạt động” Như vậy, tính đến tháng 01 năm 2019 cả nước đã có 150 cơ quan BCĐT (độc lập và thực hiện thêm loại hình BCĐT) sự phát triển về loại hình BCĐT trên đã phản ánh thế mạnh và ưu thế vượt trội của BCĐT trong những năm qua ở Việt Nam.

Theo Điều 17 của Luật Báo chí 2016 quy định về điều kiện cấp giấy phép hoạt động báo chí và Thông tư số 48/2016/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ký ngày 26 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết về cấp giấy phép hoạt động của báo chí trong đó có báo chí điện tử thì điều kiện cấp giấy phép

hoạt động báo chí (nguồn Luật Báo chí 2016 và Thông tư 48 của Bộ Thông tin và Truyền thông):

Xác định loại hình báo chí; tôn chỉ, mục đích phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản; đối tượng phục vụ; chương trình, thời gian, thời lượng, phương thức truyền dẫn, phát sóng (đối với báo nói, báo hình); tên miền, nơi đặt máy chủ và đơn vị cung cấp dịch vụ kết nối (đối với báo điện tử) hoạt động tại Việt Nam.

Có phương án về tổ chức và nhân sự bảo đảm hoạt động của cơ quan báo chí; có người đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật Báo chí 2016 để đảm nhiệm chức vụ người đứng đầu cơ quan báo chí.

Có tên và hình thức trình bày tên cơ quan báo chí; tên và hình thức trình bày tên ấn phẩm báo chí; tên và biểu tượng kênh phát thanh, kênh truyền hình; tên và hình thức trình bày tên chuyên trang của báo điện tử.

Có trụ sở và các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật; phương án tài chính; có các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; đối với báo điện tử phải có ít nhất một tên miền “.vn” đã đăng ký phù hợp với tên báo chí và sử dụng hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam; đối với báo nói, báo hình phải có phương án, kế hoạch thuê hoặc sử dụng hạ tầng truyền dẫn, phát sóng.

Phù hợp với quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Như vậy, có thể nói vấn đề cấp phép, phát hành, lưu trữ BCĐT luôn là một vấn đề thời sự, nóng của Chính phủ và các bộ, ngành liên quan. Bởi việc cấp phép, phát hành BCĐT có liên quan chặt chẽ đến việc đưa nội dung thông tin lên mạng Internet và làm sao để quản lý được nội dung thông tin đó.

Theo thời gian, ngay từ khi có BCĐT ở Việt Nam Chính phủ đã có quy định về nội dung cấp phép, phát hành thông tin báo chí trên Internet được quy định trong các văn bản: Nghị định 21/CP ngày 5/3/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế tạm thời về quản lý, thiết lập và sử dụng mạng Internet ở Việt Nam đã quy định rõ tại Điều 1 và Điều 3: “Mọi thông tin đưa vào, truyền đi và nhận đến mạng Internet qua cửa đi quốc tế tại Việt Nam phải tuân thủ các quy định tại

Điều 10 Luật Báo chí 1999 và Điều 22 Luật xuất bản của Việt Nam”; Nghị định 21/CP, quyết định số 1110/báo chí ngày 21/5/1997 của Bộ Văn hoá - Thông tin ban hành Quy định về việc cấp phép cung cấp thông tin lên mạng Internet; Quyết định số 52/VHTT - QĐ ngày 9/2/1999 của Bộ Văn hoá - Thông tin về việc cấp giấy phép cung cấp thông tin lên mạng Internet; Quán triệt tinh thần Nghị định 55/CP của Chính phủ, ngày 10/10/2002, Bộ Văn hoá - Thông tin đã có Quyết định số 27/2002/QĐ - BVHTT ban hành Quy chế quản lý và cấp giấy phép cung cấp thông tin và thiết lập trang tin điện tử trên mạng Internet, tại điều 6 của Nghị định 55/CP quy định: “Thông tin dựa vào lưu trữ, truyền đi và nhận đến trên Internet phải tuân thủ các quy định tương ứng của Luật báo chí, Luật xuất bản, Pháp lệnh bảo vệ bí mật Nhà nước và các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và quản lý thông tin trên Internet”. Điều 12 của Nghị định này quy định: “Dịch vụ thông tin Internet là một loại dịch vụ ứng dụng Internet bao gồm dịch vụ phát hành báo chí (báo nói, báo hình, báo điện tử), phát hành xuất bản phẩm trên Internet và dịch vụ cung cấp các loại hình tin tức điện tử khác trên Internet”. Như vậy, để hiểu sâu về tổ chức của cơ quan BCĐT tác giả xin giới thiệu sơ lược quyền hạn và nhiệm vụ của cơ quan chủ quản BCĐT được quy định tại Điều 15 của Luật Báo chí 2016 cụ thể như sau:

“Cơ quan chủ quản báo chí là cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 14 của Luật này đứng tên đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo chí, thành lập và trực tiếp quản lý cơ quan báo chí”. Cơ quan chủ quản báo chí có những quyền hạn sau đây: (1) Xác định loại hình báo chí, tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, ngôn ngữ thể hiện của từng loại hình, từng loại sản phẩm báo chí, nhiệm vụ, phương hướng hoạt động của cơ quan báo chí (2) Bổ nhiệm người đứng đầu cơ quan báo chí sau khi có sự thống nhất ý kiến bằng văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông (3) Miễn nhiệm, cách chức người đứng đầu cơ quan báo chí và gửi văn bản thông báo về việc miễn nhiệm, cách chức người đứng đầu cơ quan báo chí tới Bộ Thông tin và Truyền thông (4) Thanh tra, kiểm tra hoạt động của cơ quan báo chí; khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật. Cơ quan chủ quản báo chí có những nhiệm vụ sau đây: (1) Chỉ đạo cơ quan báo chí thực hiện

đúng tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ, phương hướng hoạt động; tổ chức nhân sự và chịu trách nhiệm về hoạt động của cơ quan báo chí (2) Bảo đảm nguồn kinh phí ban đầu và điều kiện cần thiết cho hoạt động của cơ quan báo chí (3) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với cơ quan báo chí, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật (4) Người đứng đầu cơ quan chủ quản báo chí không được kiêm nhiệm chức vụ người đứng đầu cơ quan báo chí và liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình đối với các sai phạm của cơ quan báo chí trực thuộc.

3.1.1.2. Tổ chức nhân sự và mô hình hoạt động cơ quan báo chí điện tử

Trong thực tiễn hiện nay về tổ chức BCĐT được hiểu là tập hợp người, sắp xếp, bố trí, thành các bộ phận theo cơ cấu nhất định và kỷ luật chặt chẽ để hoạt động vì lợi ích chung hay cơ cấu tổ chức là việc cấu trúc một phần, một số phần hay toàn bộ một tổ chức, một đơn vị nào đó trên cơ sở xem xét các chức năng, nhiệm vụ để thực hiện một quy trình hoàn thiện. Vì vậy, cơ cấu tổ chức cơ quan BCĐT là tập hợp đội ngũ nhà báo, sắp xếp, bố trí thành các ban (phòng) chuyên môn để giao nhiệm vụ tham gia vào quy trình sản xuất sản phẩm BCĐT, đồng thời có kỷ luật chặt chẽ để hoạt động xuất bản bảo đảm đúng mục đích, mục tiêu mà tòa soạn đặt ra.

Đơn vị báo chí điện tử thường cơ cấu tổ chức nhân sự như sau:



Trong một cơ quan BCĐT ban lãnh đạo bao gồm các chức danh như: Tổng Biên tập, các Phó Tổng biên tập. Mỗi một chức danh có chức năng, nhiệm

vụ khác nhau trong tổ chức, QLNN điều hành các hoạt động đối nội, đối ngoại và tổ chức sản xuất các sản phẩm BCĐT.

Tổng Biên tập (Tổng Giám đốc, Giám đốc): Là người đứng đầu cơ quan báo chí, chịu trách nhiệm trước cơ quan chủ quản BCĐT, trước pháp luật và công chúng về nội dung, hình thức các sản phẩm BCĐT; chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành phân công nhiệm vụ các bộ phận chuyên môn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng Biên tập (Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc): Là những người dưới quyền của Tổng Biên tập (Tổng Giám đốc, Giám đốc). Nhiệm vụ của các Phó Tổng Biên tập (Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc) do Tổng Biên tập (Tổng Giám đốc, Giám đốc) giao theo từng lĩnh vực chuyên môn liên quan đến sản xuất sản phẩm BCĐT. Thông thường ở một số cơ quan BCĐT có ít nhất hai Phó Tổng Biên tập, đó là Phó Tổng Biên tập phụ trách nội dung (phóng viên, thư ký tòa soạn, bạn đọc và cộng tác viên) và Phó Tổng Biên tập phụ trách trị sự (nhân sự, tài chính, hành chính, phát hành và quảng cáo...) của cơ quan BCĐT.

Trong một cơ quan BCĐT thường xây dựng thành các phòng ban chuyên môn và tương ứng với nó là các chức danh phụ trách các phòng ban đó. Cụ thể, mỗi đơn vị báo chí thường có các phòng ban như: Ban Thư ký tòa soạn; phòng Phóng viên; Ban Trị sự; Phòng bạn đọc và Cộng tác viên; Phòng PR và Quảng cáo... Trong mỗi phòng, ban, đội ngũ biên tập viên, phóng viên của cơ quan BCĐT đều có quy định chức năng nhiệm vụ riêng theo tiêu chuẩn và quy định tại Điều 25, 27 của Luật Báo chí 2016 về quyền và nghĩa vụ của nhà báo, điều kiện tiêu chuẩn được xét cấp thẻ nhà báo. Trong thời gian tới Chính phủ sẽ triển khai Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/04/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025 đây là một bước đột phá mới về sắp xếp, kiện toàn về quản lý báo chí trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới.

3.1.2. Tình hình hoạt động báo chí điện tử

Sự phát triển tất yếu của BCĐT trong thời gian qua và trong những năm tới chắc chắn sẽ góp phần đa dạng hóa các nguồn thông tin, phương tiện chuyên

tải thông tin đến độc giả đồng thời mang lại không ít lợi ích cho sự phát triển kinh tế, xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng tiềm ẩn những yếu tố tác động trực tiếp đến cơ quan BCĐT và đội ngũ những người làm BCĐT đồng thời đặt ra những yêu cầu, thách thức không nhỏ đối với QLNN của các cơ quan chức năng đối với BCĐT. Trước hết, sự phát triển của BCĐT sẽ kéo theo sự gia tăng về số lượng tờ báo, tòa soạn và phóng viên, biên tập viên, khiến cho môi trường hoạt động của BCĐT trở nên đa dạng, “nhộn nhịp” và phức tạp hơn. Bên cạnh những tờ báo chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật và định hướng tuyên truyền của cơ quan chủ quản, những phóng viên, biên tập viên, nhà báo đáp ứng tốt các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp và phẩm chất chuyên môn thì cũng sẽ xuất hiện những tờ báo bị thương mại hóa, chạy theo thị hiếu tầm thường, xa rời tôn chỉ, mục đích hay những phóng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, vi phạm pháp luật. Bên cạnh đó, với nguồn lợi khổng lồ từ doanh thu quảng cáo, càng ngày càng có nhiều công ty truyền thông quan tâm đầu tư vào loại hình BCĐT dẫn đến tình trạng tư nhân tham gia liên kết, chi phối hoạt động BCĐT ngày càng trở nên phổ biến và khó kiểm soát. Dưới danh nghĩa “xã hội hóa hoạt động báo chí”, các cơ quan BCĐT sẽ liên kết với các công ty truyền thông tư nhân, thực chất là bán giấy phép để cho các công ty này quyết định tất cả các công đoạn trong quy trình xuất bản ấn phẩm. Với các công ty này thì rõ ràng BCĐT chỉ là một công cụ kinh doanh nên việc dễ xảy ra các sai phạm như đăng tin bài phản cảm, có nội dung nhạy cảm để thu hút độc giả hoặc vi phạm các quy định trong Pháp lệnh Quảng cáo là điều khó tránh khỏi và tất yếu sẽ dẫn đến những vấn đề phức tạp trong hoạt động này....

Luật Báo chí 2016 có quy định về (Hoạt động báo chí tại Chương IV) có nhiều nội dung. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài luận án, tác giả sẽ tiếp cận những vấn đề liên quan đến hoạt động báo chí điện tử theo ba nội dung chính kết quả đạt được của hoạt động BCĐT; những tồn tại và hạn chế trong hoạt động của BCĐT; nguyên nhân của hạn chế hoạt động BCĐT:

3.1.2.1. Những kết quả đạt được của hoạt động báo chí điện tử

Trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2015, nhận thấy việc phát hành BCĐT là xu thế của báo chí thế giới, sẽ góp phần nâng cao thương hiệu của cơ quan báo chí, vì vậy hầu hết các báo in có lượng phát hành lớn như: Báo Nhân dân, Tuổi trẻ, Thanh niên, Tiền phong, Công an Nhân dân, Quân đội Nhân dân, Công an TP. Hồ Chí Minh.... Đều ra phiên bản điện tử để tăng tính hấp dẫn, cạnh tranh thông tin với BCĐT độc lập.

Trong những năm gần đây, BCĐT có sự phát triển nhanh chóng cả về số lượng, chất lượng, hình thức, nội dung; đội ngũ cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí và phóng viên, biên tập viên được bổ sung thường xuyên, chất lượng ngày một cao hơn. BCĐT độc lập dần khẳng định được thương hiệu và vị thế. Các trang thông tin điện tử của các báo in cũng đã quan tâm hơn đến hình thức và giao diện để tạo phong cách riêng. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động BCĐT được các cấp, các ngành quan tâm ưu tiên đầu tư, tạo điều kiện ngày càng thuận lợi cho hoạt động BCĐT. Các cơ quan BCĐT đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thành tựu công cuộc đổi mới của đất nước; đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực và thông tin, quan điểm sai trái, thù địch; góp phần tích cực vào việc nâng cao dân trí, làm phong phú hơn đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân; tạo bước chuyển biến quan trọng trong công tác thông tin đối ngoại, nêu bật chủ trương, đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa của Đảng, Nhà nước ta trên trường quốc tế ...

Theo Báo cáo kết quả thăm dò trên mạng của (*nguồn Báo điện tử Vnexpress. <https://pay.vnexpress.com> cập nhật tháng 01/2018*) tờ báo có lượng độc giả đọc nhiều nhất Việt Nam hiện nay đã có cuộc khảo sát liên quan đến nội dung và chất lượng của báo kết quả như sau: (1). Có đến 76,8% số người được hỏi cho rằng BCĐT thực hiện tốt việc thông tin tuyên truyền quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng; (2). Có 75,5% cho rằng BCĐT thực hiện tốt việc thông tin tuyên truyền chính sách, pháp luật của nhà nước; (3). Có 80,9% cho rằng BCĐT thực hiện tốt việc thông tin, tuyên truyền các vấn đề, sự kiện trong

nước; (4). Có 82,7% cho rằng BCĐT thực hiện tốt việc thông tin về các vấn đề sự kiện quốc tế; (5). Có 63,9% cho rằng BCĐT thực hiện tốt việc tuyên truyền giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc; (6). Có 57,8% cho rằng BCĐT thực hiện tốt việc tuyên truyền quảng bá các tinh hoa, văn hóa nhân loại; (7). Có 59,9% cho rằng BCĐT đáp ứng nhu cầu giải trí, thưởng thức của nhân dân; (8). Có 77,5% cho rằng BCĐT thông tin đáp ứng việc thông tin nhanh chóng, kịp thời; (9). Có 59,7% cho rằng BCĐT thông tin đa dạng, nhiều chiều.

Như vậy, trong những năm qua với sức hút của BCĐT, cùng với sự phủ sóng toàn quốc của Internet, sự phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin và phương tiện kỹ thuật cá nhân đã thúc đẩy hoạt động BCĐT ngày càng phát triển mạnh mẽ, mang lại những tin tức, hình ảnh, sự kiện sống động trên mỗi trang BCĐT; qua đây góp phần nâng cao dân trí cho tầng lớp nhân dân, đồng thời quảng bá hình ảnh, thông tin, phát triển, kinh tế, xã hội của nước ta đến với các nước trên thế giới.

3.1.2.2. Những tồn tại, hạn chế trong hoạt động của báo chí điện tử

Bên cạnh những ưu điểm nói trên, một số cơ quan BCĐT còn thiếu nhạy bén chính trị, chưa làm tốt chức năng tư tưởng, văn hoá, có biểu hiện xa rời sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, xa rời tôn chỉ, mục đích, thông tin không trung thực, thiếu chính xác, phản ánh nhiều về tiêu cực, tệ nạn xã hội, đưa tin, rút tit theo hướng giật gân câu khách, ít tuyên truyền các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, cô vũ phong trào thi đua yêu nước; khuynh hướng tư nhân hoá, tư nhân “núp bóng” để ra báo, kinh doanh báo chí ngày càng tăng, nhất là BCĐT của các hội, hiệp hội. Một số báo thông tin vượt ra khỏi phạm vi tôn chỉ, mục đích để trở thành (hoặc muốn trở thành) một tờ báo chính trị - xã hội của cả nước, dẫn đến sao nhãng nhiệm vụ chính của mình (của ngành, đoàn thể, địa phương mình); đề cập quá nhiều các vấn đề của các ngành, đoàn thể, địa phương khác; nội dung thông tin trên báo chí thường giống nhau, bắt chước hoặc sao chép của nhau, nhất là khi có các vấn đề phức tạp, nhạy cảm, các vụ án... Về mức độ đưa tin, bài thiếu khách quan, trung thực; không kiểm chứng trên BCĐT.

Theo đồng chí Nguyễn Thế Kỷ - Tổng Giám đốc Đài tiếng nói Việt Nam nhận xét: “Chưa bao giờ báo chí Việt Nam lại có quá nhiều thông tin dễ dãi và thiếu kiểm chứng như thế, chưa bao giờ có tình trạng báo chí đăng tải cả tin đồn, tin thất thiệt; báo chí không ít lần góp phần dựng lên và đập đổ những nhân vật ảo phù phiếm” [70; tr 56]; Theo Báo cáo đánh giá công tác báo chí năm 2015 và phương hướng nhiệm vụ năm 2016 của Ban Tổ chức hội nghị Báo chí toàn quốc năm 2015 (*nguồn Báo cáo năm 2015 phục vụ Hội nghị Tổng kết*) : “Tình trạng vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực báo chí tiếp tục gia tăng, nhất là đối với BCĐT. Một số BCĐT và trang tin điện tử tổng hợp lấy tin, bài, hình ảnh của báo khác mà không xin phép, không dẫn nguồn, gây bức xúc trong các cơ quan báo chí”, BCĐT thường khoét sâu vào mặt trái, tiêu cực xã hội, đòi tư của những nhân vật nổi tiếng là tương đối phổ biến: “Một số báo và trang thông tin điện tử của ta còn thiếu nhạy bén chính trị, chưa làm tốt chức năng tư tưởng, văn hóa, xa rời tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ”; “còn nhiều bài trên báo điện tử chạy theo những tin bài giật gân, câu khách, chủ yếu khai thác mảng đề tài nhiều người quan tâm; hay cuộc sống đời thường của các ngôi sao nổi tiếng”. Từ những vấn đề trên, trong hoạt động thực tiễn của BCĐT vẫn còn diễn ra những mặt tồn tại và hạn chế như sau:

Tình trạng báo chí điện tử đăng tải thông tin có nội dung nhạy cảm về chính trị, gây phản ứng tiêu cực trong dư luận xã hội vẫn tiếp tục diễn ra

Tình trạng rất đáng lo ngại trong hoạt động BCĐT ở Việt Nam, có tác động không nhỏ tới uy tín và vai trò lãnh đạo của Đảng, Nhà nước đối với các mặt đời sống xã hội. Một số báo, trong đó có những tờ báo điện tử uy tín có lượng truy cập lớn đã cho đăng tải những bài báo chỉ tập trung vào khía cạnh phản biện, phê phán một chiều và thiếu tính xây dựng đối với đường lối chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo dư luận trái chiều trong xã hội, như loạt bài của VietnamNet (*theo nguồn Báo cáo Tổng kết năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông*): “Mười năm phấn đấu không bằng một lần cơ cấu” (05/5/2011), “Đảng đã mở cửa, Mặt trận có đi theo không” (14/3/2011); “Việc của Đảng là việc của quốc gia”; “Bản khoản vì danh sách ứng viên tranh cử Quốc hội quá tròn” (báo Dân trí) .

Đặc biệt, một số tờ báo khai thác quá mức chủ đề chống tham nhũng, tiêu cực hay tình trạng khó khăn kinh tế vốn luôn nhận được sự quan tâm của đông đảo độc giả với những bình luận nhạy cảm, mang nặng cảm tính đã làm giảm sút niềm tin của quần chúng vào sự lãnh đạo của Đảng và các cơ quan công quyền. Điển hình như (theo nguồn Báo cáo Tổng kết năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông): “17.300 người làm gì mà không phát hiện tham nhũng?” (Thanh niên, 05/01/2013), “Giám sát quyền lực” (Tiền phong 06/01/2013); “Có nên truy tìm bằng chứng chạy việc?” (VietnamNet 05/01/2013) . Một số bài báo lại chỉ tập trung phản ánh các sai phạm, yếu kém ở những tập đoàn, tổng công ty nhà nước, cơ quan công quyền rồi giật tít, quy kết trách nhiệm.

Một số báo chí vẫn chưa nghiêm chỉnh chấp hành định hướng tuyên truyền của cơ quan quản lý, đăng tải tin, bài về những tin bài không được phép đăng tải hoặc có nội dung trái với định hướng tuyên truyền. Một số báo chí vẫn chưa nghiêm chỉnh chấp hành định hướng tuyên truyền của cơ quan quản lý, đăng tải tin, bài về những tin bài không được phép đăng tải hoặc có nội dung trái với định hướng tuyên truyền (theo nguồn Báo cáo Tổng kết năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông): Thời gian qua là những tin bài về vấn đề Biển Đông và công tác đấu tranh bảo vệ chủ quyền của ta trên Biển như chùm bài đưa tin Trung Quốc cắt cáp tàu Bình Minh 02 của các báo Tuổi trẻ TP.HCM, Lao động, Pháp luật TP.HCM, VnExpress, VietnamPlus (của Thông tấn xã Việt Nam) hay “No China Shop - nơi không bán hàng Trung Quốc” (Lao động 9/3/2013); “Chính trị gia Đan Mạch: Hy vọng thế giới không còn thứ rác rưởi Trung Quốc” (Tri thức trẻ 13/8/2013) ... Gây ảnh hưởng tiêu cực đến quan hệ đối ngoại và chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta trong vấn đề giải quyết tranh chấp ở Biển Đông.

Nguy hiểm hơn là tình trạng có những bài báo thông tin các vụ, việc theo hướng kích động độc giả, gây ra phản ứng tiêu cực trong dư luận, khiến tình hình phức tạp hơn và ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội (theo nguồn Báo cáo Tổng kết năm 2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông): Vụ hai phóng viên VOV bị hành hung tại Văn Giang, Hưng Yên vào tháng 5 năm 2012 đã

được rất nhiều báo đưa tin, phản ánh, trong đó báo Infornet ngày 09/05/2012 giật tít: “Phóng viên VOV bị đánh: Báo động tình trạng phạm pháp của cảnh sát” hay báo giaoduc.net ngày 09/05/2012 đăng tải bài “Lãnh đạo VOV cần quyết liệt hơn trong việc bảo vệ hai nhà báo bị đánh”.

Tình trạng thương mại hóa, xa rời tôn chỉ mục đích, chạy theo thị hiếu tầm thường trên các báo điện tử diễn ra với tần suất cao hơn so với các loại hình báo chí khác

Các tờ báo điện tử bị khuynh hướng “thương mại hóa” chi phối, chạy đua, cạnh tranh nhau một cách không lành mạnh dẫn đến tình trạng lộ lọt bí mật nhà nước hoặc tầm thường hóa nội dung thông tin, xem nhẹ chức năng định hướng dư luận và giáo dục của báo chí với những tin bài có nội dung dung tục, xa lạ với văn hóa người Việt, sa vào các tình tiết vụ vặt hoặc chưa được kiểm chứng nguồn tin nên không đảm bảo tính chính xác, khoa học.

Một số BCDT có những trang chuyên đề như là một trang web liên kết với tờ báo (như Vnexpress có số hóa, Ngôi sao...; Vietnamnet có Giai điệu xanh...), trên “thị trường” BCDT ở Việt Nam hiện nay có hàng chục nghìn trang web thương mại ra đời không thể gọi là báo. Đây chỉ là các trang web thương mại, để quảng bá doanh nghiệp, thương hiệu, sản phẩm; có trang trở thành trang tin điện tử giật gân, lá cải chỉ tập trung khai thác và đăng tải những bài liên quan đến hậu trường, đời tư của người nổi tiếng, những vụ án mạng man rợ, hay chặn gó để thu hút người xem.

Tình trạng này một phần là do ý thức làm báo của một bộ phận phóng viên, biên tập viên và công tác quản lý của các cơ quan báo chí chưa thực sự nghiêm túc và tuân thủ các nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt là trong khâu kiểm chứng nguồn tin và kiểm duyệt tin, bài trước khi phát hành.

Tình trạng tư nhân tham gia liên kết, chi phối hoạt động báo chí, trong đó có báo chí điện tử ngày càng diễn biến phức tạp

Với danh nghĩa “xã hội hóa hoạt động báo chí”, một số cơ quan báo chí đã liên kết với các cơ quan truyền thông tư nhân cho ra đời BCDT, những trang tin điện tử kém chất lượng. Thực chất, trong trường hợp này, cơ quan báo chí là tâm

bình phong “hợp thức hóa” giấy phép hoạt động còn cơ quan truyền thông mới là chủ thể chính điều hành, quyết định tất cả các công đoạn trong quy trình sản xuất, phát hành ấn phẩm báo chí. Có những chuyên mục, cơ quan báo chí khoán trắng cho đối tác liên kết và không có trách nhiệm kiểm duyệt nội dung trong khi với các doanh nghiệp ấn phẩm báo chí chỉ đơn thuần là một công cụ kinh doanh mang lại lợi nhuận cho công ty. Điều này tất yếu ảnh hưởng đến chất lượng của các sản phẩm BCĐT được đăng tải, phát hành trên BCĐT.

Những liên kết trá hình và sự thiếu trách nhiệm của một số cơ quan báo chí đã dẫn đến tình trạng một số trang thông tin điện tử tổng hợp hoạt động như một cơ quan báo chí phát triển tràn lan, vượt ra khỏi giới hạn cho phép như 24h.com.vn, kenh14.vn, zingnews, gonevs.vn... (*nguồn Cục báo chí*) biên tập viên của các trang này tự xưng là phóng viên, biên tập viên báo chí, tham gia đưa tin ở các sự kiện văn hóa, văn nghệ, thể thao và cho ra đời những thông tin “sốc, sên” thậm chí sai sự thật gây ảnh hưởng tiêu cực hoặc xâm phạm uy tín, danh dự của tổ chức, nhân phẩm công dân, gây khó khăn cho nhiều doanh nghiệp và làm mất uy tín của giới truyền thông.

Tình trạng một bộ phận cán bộ lãnh đạo, phóng viên, biên tập viên cơ quan báo chí điện tử thoái hóa, biến chất về chính trị, đạo đức lối sống và non kém về chuyên môn nghiệp vụ vẫn rất đáng lo ngại.

Việc đăng tải các tin bài có nội dung nhạy cảm về chính trị, phản cảm về văn hóa trên các trang báo điện tử chủ yếu xuất phát từ nguyên nhân chủ quan từ phía những người làm báo như thái độ dễ dãi, thiếu trách nhiệm của ban biên tập, trình độ chuyên môn còn hạn chế của phóng viên, biên tập viên, nhãn quan chính trị hoặc thậm chí thiếu sâu sắc của người kiểm duyệt, quản lý trang báo, thậm chí là sự thoái hóa về chính trị và xuống cấp về đạo đức, lối sống của một bộ phận phóng viên, biên tập viên.

Thực tế cho thấy một bộ phận phóng viên BCĐT đang có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, thông qua bài viết của mình tích cực tuyên truyền cho quan điểm đòi mở rộng hơn nữa “tự do báo chí”, tách báo chí ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước hoặc liên kết với nhau tạo “dòng

thông tin” làm nóng các vấn đề một cách có chủ ý, gây bức xúc, lo lắng cho nhân dân. Những hoạt động này không chỉ đi ngược lại tôn chỉ, mục đích của báo chí, gây mâu thuẫn, chia rẽ nội bộ trong các cơ quan, đơn vị và quần chúng nhân dân mà còn khiến họ trở thành mục tiêu để các thế lực thù địch tiến hành móc nối, mua chuộc, lôi kéo và lợi dụng trở thành cơ sở cung cấp tin bài thuộc phạm vi bí mật nhà nước cho chúng.

3.1.2.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong hoạt động của báo chí điện tử trong thời gian qua

(1). Nguyên nhân khách quan:

Xét trên bình diện này, tác giả cho rằng thực trạng phát triển của BCĐT như nêu ở trên trước hết chịu sự tác động của tình hình phát triển của báo chí thế giới. Ngay từ khi xuất hiện, BCĐT đã đi vào đời sống văn hóa, tinh thần của nhiều tầng lớp trong xã hội. Bên cạnh những tích cực vượt trội của BCĐT thì trong hoạt động của BCĐT cũng có những ảnh hưởng nhất định đối với xã hội nhất là giới trẻ, tình hình an ninh, trật tự của một quốc gia và luôn hàm chứa nhiều mối lo ngại. Ngoài ra, cùng với làn sóng thương mại hóa, đa phương hóa, đa dạng hóa, quốc tế hóa báo chí của thế giới cũng làm ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình BCĐT trong nước theo cả chiều hướng tích cực và tiêu cực.

Hoạt động của BCĐT ngày càng theo chiều hướng phức tạp, khó kiểm soát. Do những đặc điểm mang tính đặc thù của BCĐT một loại hình báo chí hiện đại hoạt động và phát triển dựa trên công nghệ thông tin và Internet.

Như đã đề cập, BCĐT là một phương tiện truyền thông hiện đại, có tốc độ phát triển nhanh chóng cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ và Internet. Tính đa phương tiện, khả năng cập nhật thông tin phi tuyến tính về thời gian và không gian khiến cho các quy định của Luật Báo chí, Luật Quảng cáo, Luật An ninh mạng còn những bất cập chưa tương xứng với sự phát triển của BCĐT trong giai đoạn hiện nay. Mặt khác, diện tích quảng cáo, phụ trương, phụ san, các trang website liên kết rất khó thực hiện đối với loại hình báo chí này. Khả năng tương tác và tiếp cận độc giả mọi lúc mọi nơi cũng khiến cho công tác giám sát, nắm tính hình hoạt động BCĐT gặp không ít khó khăn, trở ngại.

Các thế lực thù địch trong và ngoài nước luôn luôn tìm cách chống phá công cuộc xây dựng đất nước, phát triển xã hội của ta. Trong đó, vấn đề nhân quyền và tự do ngôn luận, tự do báo chí luôn là chiêu bài và biện pháp hiệu quả để các thế lực thù địch tiến hành các âm mưu, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt của mình để tiến hành các hoạt động chống phá Việt Nam.

Như đã phân tích, luận giải, khái quát ở trên BCĐT hội tụ những đặc tính rất dễ trở thành mục tiêu tấn công của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam. Chúng luôn lợi dụng mọi sơ hở để tấn công Đảng, Nhà nước qua báo chí nói chung và báo điện tử nói riêng (đặc biệt đối với báo điện tử, việc phát tán thông tin diễn ra rất nhanh), thậm chí nắm báo chí khi có cơ hội để biến nó thành vũ khí tấn công Đảng, Nhà nước và chế độ. Để thực hiện “diễn biến hoà bình”, theo báo cáo thống kê của (*lực lượng An ninh Thông tin “Cục A87, Bộ Công an”*) cho thấy, kẻ địch đã xây dựng và huy động triệt để sức mạnh của phương tiện thông tin đại chúng với nhiều đài phát thanh, nhà xuất bản, báo và tạp chí hải ngoại. Mỗi ngày, có hàng nghìn văn hoá phẩm đồi trụy, phản động được tuồn vào trong nước theo nhiều con đường khác nhau nhất là qua “hàng vạn” địa chỉ Internet và vệ tinh thông tin, tác động trực tiếp vào đạo đức, lối sống, làm băng hoại tâm hồn, tình cảm của một bộ phận nhân dân, nhất là lớp trẻ, gây khó khăn rất lớn cho công tác QLNN trên lĩnh vực này.

Ngoài ra, là loại hình báo chí dựa trên công nghệ thông tin và Internet, BCĐT cũng là mục tiêu của các loại tội phạm công nghệ cao. Thực tế, mạng Internet nói chung và BCĐT nói riêng đang phải đối mặt với tình trạng tội phạm ngày càng gia tăng. Theo thống kê sơ bộ (*lực lượng An ninh Công nghệ cao “Cục A68, Bộ Công an”*) hiện có khoảng 65.000 virus máy tính. Bằng nhiều con đường khác nhau, một virus máy tính chỉ sau một vài giờ đã có thể lan khắp thế giới. Ngoài virus, sâu, thư rác...BCĐT thường xuyên đối mặt với nạn tin tặc (hacker) [29]. Điển hình là trong năm 2012, một loạt tờ báo mạng lớn như Dân trí, Vnexpress, Vietnamnet [29]... Đã bị tin tặc tấn công, phong toả, vô hiệu hoá dẫn đến sự bất ổn về an ninh thông tin.

(2). Nguyên nhân chủ quan:

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về báo điện tử còn thiếu, chưa theo kịp và bao quát được những vấn đề mới phát sinh trong hoạt động của loại hình báo chí BCĐT hiện nay. Mặc dù trong thời gian qua, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về BCĐT ngày càng được bổ sung và hoàn thiện. Từ năm 1999 đến nay, các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực báo chí và liên quan đến báo chí (Luật Báo chí, Luật An ninh mạng, Luật Quảng cáo, Luật Tiếp cận thông tin...) các văn bản pháp luật này bước đầu phục vụ có hiệu quả công tác QLNN. Tuy nhiên, với sự phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin và sự thay đổi nhanh chóng của đời sống thì nhìn chung, các văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là các quy định liên quan đến BCĐT còn thiếu đồng bộ, việc sửa đổi, bổ sung chậm được tiến hành.

Luật Báo chí hiện hành cũng chỉ nhắc đến BCĐT như “danh xưng” của một loại hình báo chí, thêm nữa những quy định của Luật lại được xây dựng trên cơ sở báo in nên một số điều không thích hợp với BCĐT như vấn đề lưu trữ BCĐT, dung lượng thông tin quảng cáo trên BCĐT... Các quy định về những vấn đề mới như blog, trang tin điện tử cá nhân, mạng xã hội... Chưa rõ ràng, cụ thể trong khi các trang này ngày càng phổ biến và có xu hướng hoạt động như một dạng báo chí, có số lượng truy cập lớn, tác động mạnh đến dư luận xã hội đặc biệt là tầng lớp trẻ.

Đối với những quy định đã tương đối rõ ràng thì việc tổ chức thực hiện vẫn diễn ra tình trạng chông chéo giữa các cơ quan chức năng mà chủ yếu là do ở một số nơi, các cấp có thẩm quyền chưa phân định được chức năng, vai trò, vị trí của mình. Từ đó dẫn đến buông lỏng QLNN hoặc thực hiện không đúng trách nhiệm và quyền hạn.

Lực lượng chuyên trách QLNN về BCĐT còn thiếu, một bộ phận chưa phát huy tốt khả năng của mình trước yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra. Bên cạnh đó, một số cán bộ trực tiếp tiến hành hoạt động QLNN về BCĐT lại chưa nắm vững được các quy định pháp luật liên quan đến vấn đề này, chưa được trang bị những kiến thức cần thiết đối với cơ chế hoạt động của BCĐT. Đây là loại hình báo chí

hiện đại, dựa trên công nghệ thông tin và Internet vì thế bản thân sự quản lý phải chứa đựng hàm lượng công nghệ cao và đội ngũ cán bộ quản lý phải hiểu và sử dụng được QLNN ở những mặt thiết yếu. Nói cách khác, chủ thể QLNN phải có hiểu biết nhất định về khoa học công nghệ nhưng thực tế, số lượng cán bộ chuyên trách được đào tạo thêm về tin học rất ít chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của công tác.

Các quy định về cơ chế phối hợp trong hoạt động QLNN về BCĐT chưa rõ ràng, chặt chẽ và mang tính ràng buộc cao giữa các chủ thể liên quan. Công tác thanh kiểm tra, thanh tra còn nhiều buông lỏng. Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý chưa rõ ràng, tạo nên nhiều nấc QLNN trung gian, trùng lặp gây lãng phí thời gian và khiến cơ quan báo chí có điều kiện ỷ lại, dựa dẫm vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan chức năng của Đảng, cơ quan QLNN, làm suy giảm sự năng động, sáng tạo của cơ quan BCĐT. Dưới góc độ pháp lý, các quy định xác định rõ các nguyên tắc làm việc và quy chế phối hợp trong sự vận hành của bộ máy QLNN về BCĐT vẫn còn thiếu; chưa định rõ thẩm quyền và trách nhiệm giữa cơ quan QLNN, cơ quan chỉ đạo, cơ quan chủ quản, người đứng đầu cơ quan BCĐT. Chưa thường xuyên kiểm tra nhắc nhở việc chấp hành tốt các quy định của pháp luật đối với BCĐT.

Do nhận thức chính trị và năng lực QLNN của các cơ quan chủ quản BCĐT còn hạn chế. QLNN trên lĩnh vực BCĐT của các cơ quan chủ quản còn bộc lộ nhiều sơ hở, thiếu sót. Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông chưa kịp thời chỉ đạo định hướng tuyên truyền về một số vấn đề nhạy cảm, khiến cơ quan báo chí “lúng túng” trong việc đăng tải thông tin; công tác quy hoạch báo chí còn lỏng lẻo; việc quản lý hoạt động liên kết “xã hội hóa báo chí” bất cập, dễ xảy ra nhiều sai sót, nhất là việc xuất bản ấn phẩm phụ, chuyên đề tạp chí. Lãnh đạo của một số báo chưa coi trọng công tác kiểm duyệt tin, bài dẫn đến tình trạng sai phạm ngày càng tăng.

3.2. Thực tiễn quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử ở nước ta

Với tốc độ phát triển quá nhanh của BCĐT đặt trong hệ thống quy định pháp luật hiện hành cũng như điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện tại cũng gây

ra những khó khăn không nhỏ cho hoạt động QLNN, đòi hỏi phải liên tục có sự điều chỉnh để phù hợp, thích nghi với sự phát triển của BCĐT. Khi BCĐT mới ra đời, Đảng và Nhà nước ta quan niệm “quản lý được đến đâu, phát triển tới đó” nhưng chỉ một thời gian ngắn sau đó, trước sự phát triển không cưỡng lại được của BCĐT trong xu thế đi lên không ngừng của công nghệ thông tin và Internet, Đảng và Nhà nước đã phải thay đổi hoàn toàn tư duy QLNN của mình và thừa nhận “phát triển tới đâu thì quản lý tới đó”. Trong nội dung này của đề tài luận án tác giả sẽ phân tích, luận giải làm sâu sắc hơn những vấn đề của thực tiễn tổ chức các cơ quan QLNN ở các cấp đối với BCĐT.

3.2.1. Thực tiễn tổ chức các cơ quan quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử

3.2.1.1. Chủ thể quản lý nhà nước về báo chí điện tử ở Trung ương

Chính phủ thống nhất QLNN đối với báo chí trong cả nước. Cơ quan nhà nước có chức năng giúp Chính phủ QLNN trong lĩnh vực báo chí, trước đây là Bộ Văn hóa - Thông tin. Đơn vị trực tiếp giúp lãnh đạo Bộ là Cục Báo chí. Nhưng từ tháng 8/2007, theo Nghị quyết số 01/2007/QH12, ngày 31/7/2007 của Quốc hội khóa XII, Quyết định số 1000/QĐ-TTg, ngày 08/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ, chức năng QLNN về báo chí chuyển về Bộ TT&TT, đồng thời chuyển Cục Báo chí về Bộ TT&TT. Như vậy từ 1997 (khi Việt Nam bắt đầu có BCĐT) đến tháng 7/2007, Bộ Văn hóa - Thông tin chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng QLNN về báo chí, trong đó có BCĐT. Từ tháng 8/2008 đến nay Bộ TT&TT nhận trách nhiệm QLNN về BCĐT.

Ngày 01/8/2008, Bộ TT&TT thành lập Cục Quản lý Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử, giúp Bộ trưởng Bộ TT&TT quản lý nhà nước và thực thi pháp luật trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, bao gồm: Phát thanh, truyền hình, BCĐT, trang tin điện tử, mạng xã hội, trò chơi điện tử. Cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử bao gồm: Văn phòng, Phòng Phát thanh, Truyền hình, Phòng Thông tin điện tử, Phòng Kỹ thuật, Công nghệ, Phòng Chính sách và Hợp tác quốc tế, Cơ quan đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, Phòng Thông tin điện tử

chịu trách nhiệm chính trong hoạt động QLNN về BCĐT. Về nhân sự, tại thời điểm mới thành lập Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử có 30 biên chế, trong đó Phòng Thông tin điện tử là phòng quản lý, cấp phép BCĐT và các loại hình thông tin điện tử khác chỉ có 12 người, Phòng Thanh tra, Pháp chế 6 người, Phòng Kỹ thuật công nghệ 5 người và Cơ quan đại diện tại TP. Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm theo dõi, QLNN thông tin của BCĐT ở TP Hồ Chí Minh có 7 người. Những năm gần đây, xu hướng các cơ quan báo chí in đều có phiên bản BCĐT. Để thuận lợi trong QLNN về BCĐT, ngày 28/8/2014, Bộ Thông tin và Truyền thông giao Cục Báo chí là đơn vị trực tiếp giúp lãnh đạo Bộ QLNN đối với hoạt động của BCĐT.

Tổng biên chế thời điểm tháng 1/2018 *(theo nguồn cung cấp Cục Báo chí)* Cục Báo chí có 27 người, gồm các phòng chuyên môn: Phòng Báo chí Trung Ương (6 người), Phòng Báo chí địa phương (4 người), Phòng Thanh tra, pháp chế (4 người), Phòng Hướng dẫn nghiệp vụ và Hợp tác quốc tế (4 người), số còn lại là khối văn phòng. Cục Báo chí tổ chức QLNN về BCĐT được chia theo địa giới Trung ương, địa phương, gắn liền với báo chí in đối với các BCĐT trực thuộc báo chí in. Tức là Phòng Báo chí Trung ương quản lý báo, tạp chí in, BCĐT ở Trung ương, Phòng Báo chí địa phương quản lý báo, tạp chí in, BCĐT ở địa phương. Lãnh đạo và chuyên viên của phòng chiếm 60% học về chuyên ngành báo chí, 20% chuyên ngành luật, còn lại là các ngành khác thuộc xã hội và nhân văn, có 23/27 là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Với đội ngũ QLNN về BCĐT như trên có thể khẳng định rằng đội ngũ cán bộ làm chuyên môn quá mỏng (18 người) so với khối lượng cơ quan BCĐT cần QLNN; số cán bộ có chuyên môn sâu về luật quá ít, đó cũng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, có các đơn vị khác phối hợp tham mưu cho Bộ trong việc QLNN về BCĐT như: Thanh tra Bộ TT&TT là cơ quan giúp Bộ trưởng QLNN về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra hành chính đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền QLNN của Bộ TT&TT; tiến hành thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực thông tin và truyền thông đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân

hoạt động trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi QLNN của Bộ TT&TT; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật; Cục Tần số vô tuyến điện là cơ quan thuộc Bộ TT&TT thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông QLNN và thực thi nhiệm vụ QLNN chuyên ngành về tần số vô tuyến điện trên phạm vi cả nước; Cục Thông tin đối ngoại là cơ quan trực thuộc Bộ TT&TT, thực hiện chức năng QLNN về thông tin đối ngoại; giúp Bộ trưởng chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác thông tin đối ngoại; là đầu mối điều phối, tổ chức thực hiện công tác thông tin đối ngoại của các bộ, ban, ngành, địa phương, đơn vị trong cả nước. Mô hình QLNN trên có ưu điểm là các cục chức năng có thể QLNN chuyên sâu từng lĩnh vực, nhưng lại có nhiều hạn chế, bất cập trong QLNN và khó khăn cho các cơ quan BCĐT, cụ thể như sau:

Thứ nhất là, hiện nay, các cơ quan BCĐT có xu hướng phát triển theo mô hình hội tụ đa phương tiện, nghĩa là trên BCĐT, sẽ tích hợp các loại hình báo chí khác nhau như truyền hình, phát thanh... Khi một cơ quan báo chí xin cấp phép hoạt động BCĐT, có kèm thêm cả truyền hình trực tuyến, thì việc thẩm định, cấp phép truyền hình do Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử chịu trách nhiệm, còn thẩm định hồ sơ xin cấp phép hoạt động BCĐT lại do Cục Báo chí đảm nhận. Như vậy, cơ quan xin ra báo phải nộp hồ sơ xin cấp phép hai nơi (Cục Báo chí và Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử). Tương tự đối với Đài phát thanh và Truyền hình, kênh truyền hình khi xin phép cũng phải qua Cục Tần số và Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin, điện tử...

Thứ hai là, phía cơ quan QLNN, khi cấp phép hoạt động BCĐT, truyền hình trực tuyến trên BCĐT, theo mô hình quản lý hiện nay thì Cục Báo chí và Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử sẽ xử lý hồ sơ bằng hai quy trình riêng biệt, độc lập. Như vậy, trên cùng một loại hình báo chí, trên cùng một tên miền, sẽ cấp hai giấy phép hoạt động báo chí khác nhau. Nội dung thông tin trong chương trình truyền hình được phát ở BCĐT sẽ do Cục Báo chí hay Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử chịu trách nhiệm, đến nay cũng chưa

có quy định về vấn đề này. Nếu cả hai đều kiểm soát sẽ gây sự chông chéo, nếu không ai kiểm soát đây sẽ là kẽ hở trong QLNN.

Thứ ba là, về cung cấp và chỉ đạo thông tin tại giao ban hằng tuần do Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì phối hợp với Bộ TT&TT và Hội Nhà báo Việt Nam. Do mô hình QLNN như trên, Cục Báo chí và Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử thay nhau mỗi Cục chịu trách nhiệm báo cáo tại giao ban một tháng. Trong tháng đó mỗi lãnh đạo Cục chịu trách nhiệm một tuần. Người nào chịu trách nhiệm báo cáo thì mới tham dự giao ban, dẫn đến tình trạng lãnh đạo các cục chức năng thiếu sự bao quát thường xuyên hoạt động của các cơ quan BCĐT. Có những vấn đề đã lưu ý, định hướng trước đó nhưng do không làm được nên nhận xét sẽ không sát tình hình. Có thông tin sai phạm của BCĐT đã được nhắc các tuần trước đó, nhưng các tuần tiếp theo vẫn được Cục chức năng bên Bộ TT&TT nhắc lại...

Thứ tư là, công tác thông tin đối ngoại chủ yếu vẫn thông qua các cơ quan BCĐT nhưng Cục Đối ngoại không phải là cơ quan QLNN, chỉ đạo BCĐT nên cũng khó khăn trong công tác triển khai chỉ đạo và QLNN hoạt động đối ngoại đối với các cơ quan BCĐT... Các bộ, cơ quan ngang bộ với vai trò cơ quan chủ quản tham gia QLNN đối với BCĐT.

3.2.1.2. Chủ thể quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử ở các bộ và cơ quan ngang bộ trong tình hình hiện nay

Các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện chức năng, nhiệm vụ QLNN về báo chí theo quy định tại Điều 7, Luật Báo chí 2016 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, cho đến thời điểm này hiện tại chưa có Nghị định và văn bản nào hướng dẫn cụ thể thực hiện Luật Báo chí 2016. Nhưng tại Điều 7 của Luật này có quy định cụ thể cơ quan QLNN về báo chí như sau:

Chính phủ thống nhất QLNN về báo chí. Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện QLNN về báo chí. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện QLNN về báo chí. Ủy ban Nhân

dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm QLNN về báo chí tại địa phương.

Trong những năm về trước, hoạt động QLNN về BCĐT có quy định tại Nghị định số 51/2002/NĐ-CP, ngày 26/4/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí năm 1999 có quy định: Cơ quan chủ quản báo chí là tổ chức đứng tên xin cấp giấy phép hoạt động báo chí và trực tiếp QLNN về báo chí. Cơ quan chủ quản báo chí có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: Xác định, chỉ đạo việc thực hiện tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ và phạm vi phát hành chủ yếu, công suất, thời gian, tần số, phạm vi tỏa sóng, ngôn ngữ thể hiện của cơ quan báo chí được quy định trong giấy phép; chỉ đạo cơ quan báo chí thực hiện nhiệm vụ, phương hướng và kế hoạch hoạt động, tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ báo chí; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức người đứng đầu cơ quan báo chí trực thuộc sau khi trao đổi ý kiến với cơ quan QLNN về báo chí; kiểm tra hoạt động của cơ quan báo chí; tạo điều kiện cần thiết cho cơ quan báo chí hoạt động; chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình đối với các sai phạm của cơ quan báo chí trực thuộc. Trong những năm qua, các bộ, cơ quan ngang bộ đã có nhiều cố gắng trong công tác chỉ đạo, QLNN cơ quan báo chí có thuận lợi và khó khăn như:

Thứ nhất là, nhiều bộ, cơ quan ngang bộ đã chủ động xây dựng quy chế QLNN cơ quan BCĐT thuộc quyền, tổ chức giao ban với các cơ quan BCĐT hàng tuần, hàng tháng, tạo điều kiện cho cơ quan BCĐT hoạt động đúng quy định, thống nhất trong chỉ đạo, quản lý và trong công tác phối hợp của cơ quan BCĐT với các đơn vị liên quan thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, như: Bộ Công An, Bộ Tổng tham mưu quân đội nhân dân Việt Nam, Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh...

Thứ hai là, thực hiện sự chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ TT&TT, các bộ, cơ quan ngang bộ đã dự kiến quy hoạch báo chí, trực thuộc, tạo điều kiện cho BCĐT phát triển, tránh sự trùng lặp nội dung, không tập trung vào phục vụ công tác tuyên truyền về lĩnh vực QLNN của Bộ chủ quản.

Thứ ba là, nhiều bộ, cơ quan ngang bộ đã quan tâm đến công tác giải quyết các khiếu nại, tố cáo, vướng mắc của tổ chức, cá nhân liên quan đến cơ quan BCĐT trực thuộc. Bộ tham gia QLNN theo chức năng nhiệm vụ. Cụ thể như: Bộ Nội vụ hướng dẫn và phối hợp tổ chức thi nâng bậc cho phóng viên, biên tập viên; Bộ Tài chính xây dựng chính sách tài chính về báo chí; Bộ Công an bảo đảm an toàn an ninh mạng và triển khai Luật An ninh mạng...

Thứ bốn là, về công tác thanh tra, theo Luật Thanh tra thì Thanh tra Bộ TT&TT là cơ quan giúp Bộ trưởng QLNN về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra hành chính đối với các cơ quan báo chí... Tuy nhiên, việc nhiều cơ quan cùng có nhiệm vụ thanh tra dẫn đến có đơn vị trong 1 năm có thể có nhiều cuộc thanh tra, có đơn vị thì nhiều năm không được thanh tra. Trong xử lý vi phạm, có trường hợp cùng một lỗi vi phạm như nhau, nhưng quan điểm xử phạt áp dụng mức tiền phạt giữa Thanh tra bộ và thanh tra Cục quản lý báo chí lại khác nhau...

Thứ năm là, thực hiện thanh tra, phối hợp với các cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Luật Báo chí đối với các cơ quan BCĐT và các tổ chức, cá nhân ở địa phương theo quy định. Xử lý vi phạm đối với các hành vi vi phạm pháp luật về BCĐT, nhất là các hành vi cản trở tác nghiệp báo chí, lợi dụng hoạt động BCĐT để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Các bộ phận chính tham mưu giúp giám đốc sở thông tin và truyền thông thực hiện chức năng QLNN về BCĐT.

Bên cạnh những thành tựu trên, còn nhiều cơ quan chủ quản, nhất là khối hội, hiệp hội chưa làm hết trách nhiệm và quyền hạn của mình, cơ quan chủ quản chỉ thực hiện xong phần xin cấp phép hoạt động, rồi “khoán” cho tổng biên tập tự lo. Có cơ quan chủ quản chỉ xin ra giấy phép sau đó “bán cái” cho công ty tư nhân. Công ty tư nhân tự điều hành tờ báo, quyết định từ khâu tuyển dụng cán bộ lãnh đạo, phóng viên, biên tập viên đến nội dung thông tin, (*theo nguồn Cục Báo chí*): Tờ Tri thức trực tuyến (Zing new) thuộc Hội Xuất bản Việt Nam, nhưng toàn bộ công việc điều hành, công tác cán bộ, chịu trách nhiệm về tài chính đến trang trải tờ báo từ A đến Z đều do Công ty VNG chịu trách nhiệm. Tương tự Tờ

báo Tri thức trẻ thuộc Hiệp hội doanh nghiệp trẻ, nhưng toàn bộ con người, nội dung, tài chính... đều do Công ty Vccorp quyết định... Bà Nguyễn Thị Tâm Đan, nguyên Chủ nhiệm Ủy Ban Văn hóa, Giáo dục thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội phát biểu tại cuộc họp Thẩm định dự thảo Luật Báo chí (ngày 23/7/2015): “Nhiều cơ quan chủ quản cứ xin để ra được tờ báo, xong rồi "khoán" hết cho tổng biên tập”. Cũng tại cuộc họp này, Ông Hoàng Hữu Lượng, Cục Trưởng Cục báo chí, Bộ TT&TT nhận xét: “Thậm chí cơ quan chủ quản không chịu trách nhiệm về sai phạm của cơ quan BCĐT trực thuộc, dù khi có lợi nhuận thì cơ quan BCĐT phải đóng góp cho cơ quan chủ quản”, còn ông Đỗ Quý Doãn, nguyên Thứ trưởng Bộ TT&TT thì cho rằng “Lâu nay vai trò của chủ quản rất mờ nhạt, nghe rất hoành tráng như lại không chịu trách nhiệm gì cả khi có sự việc xảy ra”.

Từ thực tiễn nêu trên, có thể thấy năng lực của nhiều cơ quan chủ quản BCĐT còn hạn chế; công tác QLNN nhiều bất cập; chưa hoàn thành chức trách được giao. Chính từ những yếu kém trên dẫn đến nhiều cơ quan BCĐT, nhất là khối BCĐT của hội, hiệp hội, ngành có khuynh hướng “thương mại hóa”, chạy theo lợi ích trước mắt, xa rời sự lãnh đạo của Đảng và QLNN.

3.2.1.3. Chủ thể quản lý nhà nước về báo chí điện tử ở địa phương

Ở địa phương, trách nhiệm QLNN về BCĐT thuộc về ủy ban nhân dân các cấp tỉnh theo sự phân cấp của Chính phủ. Đây là các cơ quan nhà nước có sự can thiệp một cách trực tiếp, sâu sắc nhất đối với việc QLNN về BCĐT thông qua các sở thông tin - truyền thông và các bộ phận trực thuộc. Sở thông tin - truyền thông là cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có chức năng tham mưu, giúp ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện QLNN về BCĐT, báo chí, xuất bản; bưu chính và chuyển phát; viễn thông và Internet; truyền dẫn phát sóng; tần số vô tuyến điện; công nghệ thông tin, điện tử, phát thanh và truyền hình; cơ sở hạ tầng thông tin truyền thông; quảng cáo trên báo chí, mạng thông tin máy tính và xuất bản phẩm (sau đây gọi tắt là thông tin và truyền thông); các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của sở; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền

hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan QLNN về BCĐT ở địa phương, sở thông tin và truyền thông giúp ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc QLNN về BCĐT ở địa phương, thể hiện ở các mặt công tác sau:

Thứ nhất là, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan để xây dựng quy hoạch báo chí, BCĐT ở địa phương cho phù hợp trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thứ hai là, xây dựng và trình ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về QLNN về báo chí, BCĐT ở địa phương như: quy định QLNN về BCĐT trên địa bàn; quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho BCĐT của tỉnh, thành phố; quy chế QLNN văn phòng đại diện, phóng viên thường trú.... Hướng dẫn các cơ quan BCĐT nhà báo thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về BCĐT.

Thứ ba là, chủ trì, phối hợp với ban tuyên giáo, hội nhà báo tỉnh, thành phố thực hiện giao ban báo chí ở địa phương. Một số địa phương thực hiện việc giao ban định kỳ hàng tuần như Thành phố Hồ Chí Minh; hàng tháng như Thành phố Hà Nội... thực hiện việc QLNN hoạt động của văn phòng đại diện và phóng viên thường trú của báo chí, BCĐT Trung ương và địa phương khác trên địa bàn.

Thứ bốn là, tham mưu cho ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố đẩy mạnh việc tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho phóng viên, biên tập viên các cơ quan BCĐT, đặc biệt là người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các sở, ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện, xã. Cấp phép và QLNN các cuộc họp báo chí, của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn.

Bên cạnh những việc làm được, một số địa phương còn chưa quan tâm đến đầu tư về nhân sự, trang thiết bị phục vụ hoạt động QLNN về BCĐT trên địa bàn; chưa thực sự sâu sát, hỗ trợ lãnh đạo địa phương trong quy trình bổ nhiệm dẫn đến một số địa phương tự bổ nhiệm cán bộ làm lãnh đạo cơ quan báo chí mà

không hiệp y với ban Tuyên giáo Trung ương và Bộ TT&TT theo quy định của Đảng, Nhà nước.

3.2.2. Thực tiễn thực hiện quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử

Phát triển BCĐT phải đi đôi với QLNN chặt chẽ hệ thống BCĐT. Thời kỳ mới đang đặt ra những yêu cầu mới của hoạt động BCĐT. Tuy nhiên, trước tác động của cơ chế thị trường, mọi hoạt động của BCĐT luôn tiềm ẩn nguy cơ tự phát. Do vậy, lãnh đạo chủ thể của QLNN về BCĐT phải đặc biệt quan tâm đến những đặc điểm của tình hình mới, phòng ngừa và hạn chế tiêu cực. Ở nội dung này của đề tài luận án tác giả sẽ khái quát, phân tích, làm sâu sắc hơn những vấn đề của thực tiễn thực hiện QLNN về BCĐT ở nước ta hiện nay qua 4 mặt công tác trực tiếp, cụ thể như sau:

3.2.2.1. Thực tiễn ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Trong quá trình nghiên cứu, thu thập các văn bản QPPL liên quan đến QLNN về BCĐT trong thực tiễn là không nhiều, nội dung văn bản còn nhiều chông chéo, trong cùng một văn bản đề cập tới nhiều vấn đề khác nhau; các văn bản này do nhiều cơ quan chức năng ban hành, phối hợp. Chính vì vậy, trong nội dung này tác giả lựa chọn những văn bản quan trọng, tiêu biểu phù hợp với từng nội dung liên quan để phân tích, luận giải sâu sắc với thực tiễn.

Tờ báo mạng điện tử đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam năm 1997, cũng ngay trong năm Chính phủ đã ban hành Nghị định số 21/CP ngày 5/3/1997 về: “Quy chế tạm thời về quản lý, thiết lập, sử dụng mạng Internet ở Việt Nam”, trong đó không có quy định nào quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của BCĐT. Để điều chỉnh việc QLNN, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet tại Việt Nam, Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2001/NĐ - CP ngày 23/08/2001 quy định: “Về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet”, trong đó quy định rõ: Internet là một hệ thống thông tin được kết nối với nhau bởi giao thức truyền thông Internet (IP) và sử dụng một hệ thống địa chỉ thống nhất trên phạm vi toàn cầu để cung cấp các dịch vụ và ứng dụng khác nhau cho người sử dụng. Ở Việt Nam Internet là một bộ phận quan trọng thuộc cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia, bảo vệ theo pháp luật Việt Nam, không ai được xâm phạm bảo đảm

an toàn, an ninh cho các hệ thống thiết bị và thông tin trên Internet là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, mọi tổ chức và cá nhân. Ngoài các văn bản trên, Thủ tướng Chính phủ còn ban hành các quyết định số 136/TTg ngày 3/3/1997 về “Thành lập Ban điều phối quốc gia mạng Internet Việt Nam”, quyết định số 300/TTg ngày 8/5/1997 bổ nhiệm các thành viên ban điều phối quốc gia mạng Internet. Hai văn bản này không có quy định trực tiếp đến cơ quan báo chí nhưng cũng là một nhân tố gián tiếp tác động đến hoạt động BCĐT ở nước ta sau này.

Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật báo chí được Quốc hội khoá X, nước Cộng hòa XHCNVN sửa đổi, bổ sung và thông qua tại kỳ họp thứ V, ngày 12/6/1999, tại Điều 3: được sửa đổi bổ sung: “Các loại hình báo chí: Báo chí nói trong Luật này là báo chí Việt Nam, bao gồm: báo in (báo, tạp chí, bản tin thời sự, bản tin thông tấn), báo nói (chương trình, phát thanh), báo hình (chương trình truyền hình, chương trình nghe nhìn thời sự thực hiện bằng các phương tiện kỹ thuật khác nhau), **báo điện tử** (được thực hiện trên mạng thông tin máy tính) bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, tiếng nước ngoài). Điều 22, Luật sửa đổi, bổ sung Luật báo chí cũng quy định: “In báo chí, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình, **đưa báo điện tử lên mạng máy tính**”. Trong đó “**...Báo điện tử** được thực hiện trên mạng thông tin máy tính theo quy định của Chính phủ”. Tại Nghị định số 51/2002/NĐ - CP ngày 26/4/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật báo chí 1999 quy định “nội dung quản lý báo chí” và “cơ quan quản lý nhà nước về báo chí trong hai nội dung này đều đề cập đến BCĐT.

Nhận rõ mặt tích cực và mặt trái của Internet và của BCĐT. Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) đã ra Chỉ thị 52-CT/TW, ngày 22-7-2005: “Về phát triển và quản lý báo chí điện tử ở nước ta hiện nay” đây là văn bản đầu tiên và trực tiếp định hướng cho việc QLNN về BCĐT. Trong đó nhấn mạnh “Tiếp tục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tác động của mạng thông tin toàn cầu và các báo điện tử đến sản xuất và đời sống xã hội”. Đổi mới nội dung, phương thức chỉ đạo, QLNN của các cơ quan nhà nước đối với BCĐT để BCĐT thực sự là vũ khí

chính trị tư tưởng quan trọng, sắc bén của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể; phục vụ đắc lực sự nghiệp đổi mới.

Sau 10 năm BCĐT có mặt ở Việt Nam vào tháng 08/2007 Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1000/QĐ-TTg quy định về chức năng QLNN đối với báo chí chuyển về Bộ TT&TT, đồng thời chuyển Cục Báo chí về Bộ TT&TT. Từ tháng 8/2008 đến nay Bộ TT&TT nhận trách nhiệm QLNN về BCĐT. Mặt khác, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố cũng thực hiện chức năng QLNN về Internet và BCĐT. Theo đó, Chính phủ đã xây dựng và ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật quan trọng như: Nghị định số 97/2008/NĐ-CP, ngày 28-8-2008 của Chính phủ: “Về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet; Nghị định số 28/2009/NĐ-CP, ngày 20-3-2009 của Chính phủ “Quy định xử phạt hành chính trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet”; Thông tư số 07/2008/TT-BTTTT, ngày 18-12-2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn một số nội dung về “Hoạt động cung cấp thông tin trên trang điện tử cá nhân”. Tuy nhiên, trong thực tiễn thực hiện chúng ta chưa kiểm soát có hiệu quả các sản phẩm, về nội dung website của doanh nghiệp số nước ngoài tại Việt Nam. Thực trạng này không thể tiếp tục diễn ra, vì các sản phẩm dù có nguồn gốc từ bất kỳ quốc gia nào, khi phát hành ở Việt Nam phải tuân thủ luật pháp Việt Nam.

Nghị định số 159/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ “Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản”, tại Điều 29 của Nghị định này quy định “Vi phạm quy định về xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử” trong đó có (khoản a) quy định tương đối cụ thể đối với loại hình của BCĐT “phát hành xuất bản phẩm điện tử trên mạng Internet không có tên miền Internet Việt Nam theo quy định của pháp luật” nếu vi phạm các vấn đề trên đều phải xử phạt tùy theo mức độ...Nghị định số 72/2013/NĐ ngày 15/7/2013 của Chính phủ quy định về “Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng” quy định báo điện tử dưới hình thức trang thông tin điện tử [K1, Điều 20]. Nội dung các văn bản quy định rõ nhưng trên thực tế, việc phối hợp giữa các cơ quan đơn vị chưa được thực hiện một cách nghiêm

túc. Vai trò của uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc QLNN hoạt động Internet trên địa bàn chưa có quy định cụ thể.

Gần đây nhất, Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam (khóa XIII), tại kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 05/04/2016 về Luật báo chí 2016 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 trong đó có quy định về “Nội dung quản lý nhà nước về báo chí tại Điều 6 và Cơ quan quản lý nhà nước về báo chí tại Điều 7); Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam (khóa XIV), tại kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12/06/2018 về Luật An ninh mạng (2018) có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 trong đó có quy định về “Phòng, chống hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội tại Điều 18” trong đó có quy định một số vấn đề có liên quan đến báo chí nói chung và BCĐT nói riêng ở nước ta hiện nay.

3.2.2.2. Thực tiễn tổ chức thi hành quy định pháp luật

Thực tiễn tổ chức thi hành pháp luật đối với báo chí nói chung và BCĐT nói riêng ở nước ta trong thời gian qua vẫn còn ở mức độ hạn chế. Tuy nhiên, hoạt động này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong QLNN về BCĐT và được thể hiện qua các hoạt động cụ thể sau:

Vi phạm của cơ quan BCĐT (*theo nguồn Cục Báo chí*). Từ năm 2010 - 2015 có nhiều cơ quan BCĐT có những sai sót thường xuyên, thậm chí nghiêm trọng, nhưng cơ quan QLNN mới đình chỉ thu hồi giấy phép 2 cơ quan BCĐT đó là Doanh nhân toàn cầu do cơ quan này tự động xin ngừng hoạt động và Tạp chí Doanh nghiệp và Thương hiệu do không đủ điều kiện hoạt động; đình bản có thời hạn 6 cơ quan BCĐT có một số sai phạm đó là Doanh nhân toàn cầu, Báo Tâm nhìn, Tri thức trẻ, Trang tin điện tử Dân sinh (LD-XH điện tử) và Tạp chí điện tử Thực phẩm chức năng. Nhận định về vấn đề này, TBT một cơ quan báo BCĐT cho rằng “có rất nhiều trường hợp thông tin sai trái nghiêm trọng chỉ là của các báo điện tử hay các trang thông tin điện tử nhưng chỉ bị phạt ở những mức độ nào đó và tiếp tục được tồn tại”. Qua công tác thực tiễn cho thấy có nhiều cơ quan báo chí hoạt động không đúng tôn chỉ mục đích như: Tạp chí Viettimes, báo điện tử Tâm nhìn, Một thế giới, giáo dục.vn...một số báo liên tục

có sai sót trong nội dung thông tin bài báo và trong phần bình luận của độc giả nhưng chưa bị xử lý, báo Dân trí, Đất Việt, Vietnam.net... Một số báo đưa nhiều thông tin chưa chuẩn xác, tiêu cực, xâm phạm đến danh dự, quyền riêng tư của tổ chức, cá nhân nhưng chưa bị xử lý như: Người đưa tin, An ninh tiền tệ, Pháp luật và cuộc sống, Hôn nhân và Pháp luật, Người tiêu dùng...

Tiếp theo đó, ngày 13/11/2017 Bộ TT&TT có quyết định số 1974 quyết định thu hồi “Tạp chí điện tử Nhà quản lý” do có vi phạm đăng tin và bài không đúng viết về “Bình Phước Báo chí đứng bên lề công cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng?” đăng ngày 21/8/2017, bị phạt 40 triệu đồng, Tạp chí này cũng thông tin sai sự thật gây ảnh hưởng nghiêm trọng trong bài viết “Doanh nghiệp Việt bán hàng giả chuyện bây giờ mới... lộ” đăng ngày 26/10/2017, bị phạt 10 triệu đồng. Bộ TT&TT cũng đã có quyết định số 1992 về thu hồi giấy phép hoạt động “Tạp chí Doanh nghiệp - Doanh nhân và Thương hiệu”. Lý do thu hồi vì cơ quan chủ quản (Hội Khoa học phát triển nguồn nhân lực - nhân tài Việt Nam) đề nghị chấm dứt hoạt động của tạp chí in này. Cục trưởng Cục Báo chí ra Quyết định số 255 xử phạt vi phạm hành chính đối với Báo điện tử “Người đưa tin”. Lý do, trong bài viết đăng trên chuyên trang Phụ nữ & Đời sống (tên miền phununews.vn) ngày 29/10/2017 của báo này có thông tin vi phạm quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 8 Nghị định số 159/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản. Báo điện tử Người đưa tin bị xử phạt 140 triệu đồng, đồng thời bị áp dụng hình phạt bổ sung: Đình bản tạm thời (tước quyền sử dụng giấy phép) của chuyên trang Phụ nữ và Đời sống (tên miền phununews.vn) của Báo điện tử Người đưa tin trong thời gian 3 tháng.

Về thu hồi thẻ nhà báo của đội ngũ phóng viên BCĐT do vi phạm các quy định về báo chí (*theo nguồn Cục Báo chí*), Theo báo cáo của Cục Báo chí, Bộ TT&TT từ năm 2010 đến tháng 10/2018 cả nước đã tổ chức thu hồi 126 thẻ nhà báo, trong đó 36 thẻ thu hồi do các nhà báo vi phạm quy định về báo chí, số còn lại thẻ nhà báo bị thu hồi trong các trường hợp cơ quan báo chí bị giải thể, chuyển công tác và nghỉ công tác. Trong số 36 thẻ bị thu hồi do vi phạm các quy định như chưa

đủ tiêu chuẩn, bị xử lý kỷ luật, hoặc sa thải, đặc biệt có một số trường hợp phóng viên có sai phạm nghiêm trọng còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại các cuộc giao ban, Ban Tuyên giáo Trung ương và Bộ TT&TT nhận xét, đánh giá hoạt động của các cơ quan báo chí, trong đó có BCĐT; lưu ý, trao đổi, nhắc nhở, phê bình những cơ quan báo chí đăng, phát tin, bài có nội dung thông tin chưa chính xác, thiếu thận trọng, vi phạm quy định về kỷ luật thông tin...; cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí thông qua việc phổ biến trực tiếp, hoặc mời đại diện cơ quan chức năng thuộc các bộ, ban, ngành, địa phương đến báo cáo một số vấn đề quan trọng, nổi cộm, nhất là các sự kiện và vụ việc phức tạp, nhạy cảm liên quan đến hoạt động ngân hàng, biên giới, chủ quyền biển, đảo, quốc gia, lãnh thổ... giúp cho cơ quan báo chí có những thông tin chính thống để cân nhắc, xử lý thông tin liên quan trước khi cho đăng, phát. Các đồng chí chủ trì giao ban định hướng các cơ quan báo chí tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chương trình, mục tiêu lớn của Chính phủ...

Ngoài việc chỉ đạo và cung cấp thông tin tại giao ban định kỳ, khi có sự vụ đột xuất, lãnh đạo các vụ, cục chức năng của Ban Tuyên giáo Trung ương và Bộ TT&TT còn chỉ đạo trực tiếp các cơ quan báo chí, BCĐT qua điện thoại, hoặc triệu tập họp đột xuất để cung cấp, chỉ đạo thông tin, nhằm hạn chế thông tin gây bất lợi về chính trị, kinh tế, tư tưởng... Việc chủ động cung cấp và chỉ đạo thông tin đã giúp lãnh đạo các cơ quan báo chí nắm được bản chất sự việc, có kế hoạch thông tin kịp thời, tạo sự đồng thuận trong xã hội, ủng hộ và đồng hành cùng Đảng, Chính phủ trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc, đấu tranh vạch trần các luận điệu vu cáo, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động, đặc biệt là các vụ việc liên quan đến tôn giáo, dân chủ, nhân quyền.

Thực tế Luật báo chí, hay một số văn bản khác có quy định về báo chí nói chung, vấn đề này nếu đem áp dụng vào loại hình BCĐT cho thấy sẽ có nhiều bất cập bởi cơ quan BCĐT không đơn thuần giống như cơ quan báo chí truyền thống. BCĐT ngoài đội ngũ phóng viên, biên tập viên còn có một đội ngũ kỹ thuật viên; việc xuất bản tờ báo là thực hiện trên mạng Internet. Ngoài ra, toà

soạn BCĐT đòi hỏi phải có một hệ thống mạng Internet và máy tính. Những yêu cầu này đối với cơ quan báo chí truyền thống không đòi hỏi cao...

3.2.2.3. Thực tiễn kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức và hoạt động của báo chí điện tử

Về thực tiễn tổ chức hoạt động thanh tra, kiểm tra, trong những năm qua, công tác hướng dẫn thanh tra, kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo về BCĐT (theo nguồn cung cấp Thanh tra Bộ TT&TT) như sau:

Trong thực tiễn hoạt động thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo từ năm 2010 đến năm 2015 Thanh tra Bộ đã tổ chức thanh, kiểm tra, định kỳ, đột xuất, thường xuyên là 9 đợt phát hiện 83 trường hợp vi phạm, nhắc nhở 12 trường hợp, đề nghị xử lý hành chính 71 trường hợp. Giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại 13 vụ có liên quan đến BCĐT, trong đó chuyển cơ quan điều tra của Bộ Công an 1 vụ (vụ nhà báo Hoàng Khương Báo tuổi trẻ) một số trường hợp khác bị xử lý kỷ luật theo kết luận của Tranh tra Bộ TT&TT.

Trong thời gian qua thực tế cho thấy những năm gần đây công tác thanh kiểm tra, giải quyết tố cáo, khiếu nại của cơ quan QLNN đã được quan tâm hơn trước, nhiều trường hợp xử lý kịp thời có tác động tốt đối với dư luận xã hội (theo nguồn cung cấp Thanh tra Bộ TT&TT) từ năm 2016 đến nay Thanh tra Bộ TT&TT thanh kiểm tra 9 đợt và giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại phát hiện 52 trường hợp vi phạm, giáo dục nhắc nhở 7 trường hợp, đề nghị xử lý hành chính 43 trường hợp, 2 trường hợp xét thấy có dấu hiệu của vi phạm hình sự chuyển cơ quan điều tra, Công an (vụ nhà báo Lê Duy Phong của Báo điện tử Giáo dục Việt Nam, Đào Thị Thanh Bình phóng viên Báo Thương hiệu và Công luận) và nhiều cộng tác viên, nhân viên hợp đồng của các cơ quan BCĐT bị truy tố (vụ Ngô Văn Khích làm cộng tác viên cho một số trang thông tin điện tử, vụ Công an tỉnh Bắc Giang cũng bắt giữ 3 phóng viên thử việc Thời báo Làng nghề Việt khi đang tổng tiền một cá nhân...) Theo quan điểm của TS Lưu Đình Phúc, Cục trưởng Cục Báo chí, Bộ TT&TT cho biết các địa phương, thời gian qua không ít các cơ quan báo chí đã chạy theo lợi nhuận kinh tế, sử dụng những phóng viên, cộng tác

viên chưa đủ tiêu chuẩn, thiếu đạo đức, yếu kém về chuyên môn nghiệp vụ dẫn đến dễ xảy ra vi phạm ở nhiều nơi trên cả nước.

Hội Nhà báo Việt Nam trong thời gian qua Hội đã xử lý 8 trường hợp, trong đó có 2 trường hợp bị khai trừ và thu hồi thẻ hội viên (ông Hồ Minh Sơn, nguyên Phó Tổng Biên tập kiêm Trưởng cơ quan đại diện Thời báo Sông Mê Kông khu vực phía Nam và bà Trần Thị Tuyết Diệu, hội viên Hội Nhà báo tỉnh Phú Yên). Có 6 trường hợp khác đang làm thủ tục để ra quyết định khai trừ và thu hồi thẻ hội viên. Theo nhà báo Hồ Quang Lợi, Phó Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam khẳng định rằng “không có sai phạm nào chỉ một người, sai phạm của một cá nhân hay một tập thể đều liên đới đến người quản lý, điều hành tổ chức đó”. Khi xử lý một sai phạm liên quan đến cơ quan báo chí, người chịu trách nhiệm trực tiếp, đầu tiên trước pháp luật là người đứng đầu, quản lý đơn vị báo chí; sau đó là những người liên quan, người trực tiếp gây ra sai phạm.

3.2.2.4. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực báo chí điện tử

Về xử lý vi phạm hành chính trên lĩnh vực BCDT tác giả sẽ tiếp cận qua từng năm để đánh giá cho cụ thể và chi tiết (*theo Báo cáo Thanh tra Bộ TT&TT*) trong những năm qua Thanh tra Bộ đã xử lý như sau:

Năm 2010, Thanh tra Bộ xử lý 6 trường hợp vi phạm, nhắc nhở 02 trường hợp, cảnh cáo 01 trường hợp xử phạt vi phạm hành chính 2 trường hợp với tổng số tiền là (34.000.000 triệu đồng Việt nam).

Năm 2011, Thanh tra Bộ xử lý 16 trường hợp vi phạm, nhắc nhở 01 trường hợp, xử phạt vi phạm hành chính 13 trường hợp với tổng số tiền là (67.000.000 triệu đồng Việt Nam).

Năm 2012, Thanh tra Bộ xử lý 17 trường hợp vi phạm, nhắc nhở 03 trường hợp, xử phạt vi phạm hành chính 14 trường hợp với tổng số tiền là (83.000.000 triệu đồng Việt Nam).

Năm 2013, Thanh tra Bộ xử lý 04 trường hợp vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính (47.000.000 triệu đồng Việt Nam). Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử xử phạt 13 trường hợp, phạt tiền (136.000.000 triệu đồng Việt Nam).

Năm 2014, Thanh tra Bộ xử lý 35 trường hợp vi phạm, cảnh cáo 03 trường hợp, xử phạt vi phạm hành chính bằng tiền 32 trường hợp với tổng số tiền (792.000.000 triệu đồng Việt Nam). Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử trong 9 tháng đầu năm xử phạt 11 trường hợp, phạt tiền (502.000.000 triệu đồng Việt Nam), đình bản 03 tháng báo Tri thức trẻ, khiển trách 02 tổng biên tập (Báo VietnamNet và Pháp Luật xã hội).

Năm 2015, Thanh tra Bộ và Cục Báo chí xử phạt vi phạm hành chính 05 trường hợp, tổng số tiền là (414.000.000 triệu đồng Việt Nam).

Năm 2016 Thanh tra Bộ xử lý 07 trường hợp vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính (56.000.000 triệu đồng Việt Nam). Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử xử phạt 13 trường hợp, phạt tiền (212.000.000 triệu đồng Việt Nam) nhắc nhở một cá nhân của cơ quan BCĐT.

Năm 2017, Thanh tra Bộ đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với 27 trường hợp. Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là (714.000.000 triệu đồng Việt Nam). Cục đã thu hồi 1 giấy phép hoạt động báo chí và 10 thẻ nhà báo đối với các trường hợp sai phạm.

Năm 2018 Thanh tra Bộ đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với 16 trường hợp. Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là (521.000.000 triệu đồng Việt Nam). Cục đã thu hồi 1 giấy phép hoạt động của cơ quan BCĐT và 6 thẻ nhà báo vi phạm về quy định báo chí.

Theo Báo cáo của Bộ TT&TT trong những năm qua sai phạm chủ yếu của các báo là thực hiện không đúng tôn chỉ mục đích ghi trong giấy phép; đăng tin, bài và hình ảnh thiếu thẩm mỹ không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam; đăng bình luận của độc giả không đúng sự thật, xúc phạm đến uy tín, danh dự của cá nhân, đơn vị; rút tít không phù hợp với nội dung thông tin trong bài; thông tin chưa chính xác, sai sự thật, vi phạm bí mật đời tư công dân; nội dung thể hiện quan điểm, lập trường không phù hợp với quan điểm lập trường của Đảng và Nhà nước ta; vi phạm về quảng cáo và hoạt động báo chí không phép...

Các cơ quan báo chí ở địa phương cụ thể là các sở TT & TT, đã có hàng trăm phản hồi từ cơ sở đến với cơ quan báo chí khi báo chí đưa tin thiếu chính

xác, xúc phạm danh dự và ảnh hưởng đến uy tín, cá nhân, tập thể, nhưng không có bất kỳ một cơ quan báo chí nào đăng phát. Một số báo khi có sai sót, có văn bản gửi lại cho tỉnh xin cáo lỗi và xin kỷ luật phóng viên theo quy chế tòa soạn, nhưng cũng chưa có tờ báo nào đăng đính chính, hoặc đăng cáo lỗi theo quy định. Những dấu hiệu “cửa quyền” này của cơ quan báo chí đều được cơ quan QLNN biết nhưng cũng không bị xử lý. Thực tế là khi thấy báo chí thông tin sai sự thật, các tổ chức, cá nhân khiếu nại với cơ quan báo chí mà ít khi khiếu nại với cơ quan QLNN về BCĐT vì e ngại cơ quan báo chí trả thù.

3.3. Đánh giá chung về quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử

3.3.1. Kết quả về quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử hiện nay

Công tác QLNN trong lĩnh vực BCĐT thời gian qua đã đạt được một số những kết quả tương đối quan trọng trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên trách cụ thể như:

3.3.1.1. Báo chí điện tử là loại hình báo chí mới, có nhiều đặc thù khác với các loại hình báo chí truyền thống, do vậy khó khăn trong công tác QLNN.

Sự phát triển của BCĐT mau lẹ và phụ thuộc nhiều vào hạ tầng Internet và công nghệ thông tin. Trong khi đó đội ngũ cán bộ làm công tác QLNN chưa được trang bị kiến thức kịp thời về loại hình báo chí này. Nhưng với sự quyết tâm và nỗ lực, những năm qua, các cục vụ chức năng đã giúp Chính phủ, Đảng, Nhà nước, Quốc hội soạn thảo ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến QLNN về BCĐT. Sửa đổi, bổ sung một số nhu cầu mới phát sinh trong hoạt động của BCĐT và công tác QLNN về BCĐT, góp phần thúc đẩy sự phát triển của BCĐT và công tác QLNN về BCĐT như đã trình bày trong các phần trên của đề tài luận án.

Sau khi Đề án Quy hoạch và phát triển, quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025 được Bộ Chính trị thông qua; Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025; Luật Báo chí 2016 và một số điều của Luật An ninh mạng 2018, Bộ TT&TT chủ trì phối hợp với các bộ, ngành tham mưu với Chính phủ cụ thể hóa ban hành các nghị định hướng dẫn có liên quan để tổ chức thực hiện. Phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội Nhà báo Việt Nam tổ

chức Hội nghị phổ biến, quán triệt Đề án, Quyết định, Luật... Theo đó, mục tiêu quy hoạch, sắp xếp hệ thống BCĐT gắn với đổi mới mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo, QLNN đối với đặc thù và ưu thế vượt trội của BCĐT, xây dựng một số cơ quan BCĐT, đa phương tiện làm nòng cốt, có vai trò định hướng thông tin báo chí, thông tin trên mạng viễn thông, Internet. Việc sắp xếp này nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, dàn trải đầu tư, buông lỏng QLNN, hoạt động xa rời tôn chỉ mục đích, gắn với việc xác định rõ trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền; xây dựng đội ngũ cán bộ QLNN, phóng viên, biên tập viên về cơ bản đủ phẩm chất., năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển của báo chí Việt Nam trong tình hình mới.

3.3.1.2. Cơ quan QLNN ở Trung ương và địa phương phối hợp chặt chẽ với cơ quan chỉ đạo, bộ, ban ngành, địa phương

Tổ chức và QLNN thông tin trên BCĐT. Trung bình mỗi năm, cơ quan chủ trì giao ban (Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ TT&TT và Hội Nhà báo Việt Nam) đã mời gần 50 lượt bộ, ngành, địa phương cung cấp thông tin cho báo chí những vấn đề BCĐT quan tâm, cần tập trung tuyên truyền, ngoài ra còn cung cấp và chỉ đạo thông tin những vụ việc, sự kiện đột xuất như đã trình bày ở trên. Tại các địa phương, Ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy cũng phối hợp với Sở TT&TT tổ chức giao ban cung cấp và định hướng thông tin cho các cơ quan BCĐT. Các bộ, ngành, đơn vị, địa phương đã xây dựng quy chế phát ngôn, cung cấp thường xuyên thông tin cho các cơ quan BCĐT. Bên cạnh đó các bộ, ngành, đơn vị, địa phương còn tổ chức họp báo khi có nhu cầu cần thông tin tới báo chí và người dân. Chính sự phối hợp này đã tạo điều kiện cho BCĐT hoạt động đúng định hướng và phát triển.

3.3.1.3. Tổ chức các hoạt động liên quan của cơ quan quản lý nhà nước về báo chí điện tử

Hàng năm cơ quan QLNN về BCĐT thực hiện đúng quy trình việc cấp giấy phép hoạt động cho BCĐT khi đáp ứng đủ điều kiện. Đình bản có thời hạn, thu hồi giấy phép những tờ báo, tạp chí có sai phạm, chưa đáp ứng về nhân sự và tài chính theo quy định của pháp luật; Cục Báo chí, Thanh tra Bộ TT&TT tham

mu, giúp lãnh đạo Bộ xem xét thu hồi thẻ nhà báo vi phạm theo quy định của pháp luật, tổ chức thanh kiểm tra, xử lý nhiều trường hợp vi phạm các quy định về BCĐT. Các trường hợp vi phạm pháp luật được xử lý kịp thời, nghiêm túc hơn đối với một số loại vi phạm có tính phổ biến như thông tin sai sự thật, thông tin gây tác động tiêu cực trong dư luận xã hội hoặc thông tin thiếu nhạy cảm về chính trị, không có lợi cho quan hệ đối ngoại và ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia. Công tác thanh tra thường xuyên và đột xuất đối với BCĐT có những tiến bộ đáng kể, qua thanh tra đã phát hiện một số bất cập trong hoạt động của QLNN về BCĐT, kiến nghị với các cục chức năng để điều chỉnh kịp thời, nhờ vậy việc tuân thủ quy định của pháp luật trong hoạt động BCĐT được thực hiện tốt hơn.

3.3.1.4. công tác đào tạo, hợp tác, khen thưởng

Những năm gần đây, các đơn vị chức năng của Bộ TT&TT đã quan tâm hơn công tác đào tạo nguồn nhân lực, hợp tác giao lưu quốc tế, công tác thi đua khen thưởng đã kịp thời khen thưởng các nhà báo, cơ quan báo chí có thành tích trong hoạt động nghiệp vụ...

Nguyên nhân quan trọng để đạt được các thành tích nêu trên phải kể đến vai trò lãnh đạo, chỉ đạo đúng hướng, thường xuyên của Đảng đối với công tác QLNN về BCĐT sự phối hợp của các cơ quan chức năng liên quan trong hoạt động QLNN và sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ trong cả hệ thống chính trị.

3.3.2. Những bất cập về quản lý nhà nước về báo chí điện tử hiện nay ở nước ta

Những bất cập trong hoạt động QLNN về BCĐT trong thời gian qua bộc lộ ở một số mặt hạn chế, thiếu sót sau:

3.3.2.1. Việc thông tin, tuyên truyền, phổ biến về quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

QLNN về BCĐT còn chậm trễ, mang tính hình thức và không thường xuyên. Một bộ phận phóng viên, thậm chí cả lãnh đạo cơ quan BCĐT chưa nắm vững tinh thần quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động của BCĐT, dẫn đến có nhiều sai phạm trong hoạt động. Đã xuất hiện trên một số bài viết mang tính thương mại, câu khách, có những ý kiến,

quan điểm chệch định hướng, không có lợi về chính trị, bị kẻ xấu lợi dụng, kích động và lôi kéo.

3.3.2. 2. Đội ngũ cán bộ chỉ đạo, QLNN về BCĐT từ Trung ương tới địa phương còn nhiều bất cập, chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn hiện nay.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong những năm qua còn bộc lộ một số hạn chế như cấp giấy phép hoạt động và thu hồi giấy phép chưa được chặt chẽ, cơ quan BCĐT được cấp nhiều tên miền độc lập; việc cơ quan QLNN cấp cho một tờ báo nhiều chuyên trang, mỗi chuyên trang lại hoạt động như một tờ báo điện tử, dẫn đến lãnh đạo cơ quan BCĐT không kiểm soát được thông tin trên mỗi trang nên hay xảy ra sai phạm. Bản lĩnh chính trị, năng lực, kinh nghiệm QLNN của cơ quan chủ quản và lãnh đạo một số cơ quan BCĐT còn hạn chế. Không ít cơ quan chủ quản buông lỏng vai trò lãnh đạo QLNN về BCĐT như “khoán trắng” cho cơ quan BCĐT; không xử lý vi phạm hoặc xử lý không nghiêm khắc, thậm chí còn bao che cho các hành vi vi phạm pháp luật của lãnh đạo và phóng viên đơn vị mình phụ trách.

Bên cạnh đó, một bộ phận cán bộ, biên tập viên, phóng viên BCĐT, năng lực chuyên môn còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, thiếu hiểu biết kinh nghiệm thực tiễn đời sống xã hội, nghĩa vụ công dân, đạo đức nghề nghiệp, một số ít còn lợi dụng nghề nghiệp để vụ lợi, tiêu cực...

3.3.2.3. Xây dựng, bổ sung các văn bản về QLNN về BCĐT còn chậm, chưa phù hợp với thực tế phát triển của BCĐT.

Luật Báo chí 2016 đã có hiệu lực nhưng thực tế vẫn chưa có Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành, các văn bản hướng dẫn dưới Luật còn chưa ban hành, đặc biệt những văn bản QPPL liên quan trực tiếp đến BCĐT. Vì vậy, các quy định điều chỉnh hoạt động QLNN về BCĐT còn nhiều bất cập, chủ yếu tập trung vào báo chí in và phát thanh, truyền hình; các quy định phân biệt BCĐT và tạp chí điện tử, cải chính, lưu chiểu của BCĐT... hầu hết chưa phù hợp với thực tiễn hoạt động và chưa rõ ràng; nhiều văn bản quy định thiếu chế tài, hoặc chế tài chưa đủ nghiêm khắc để ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật.

3.3.2. 4. Công tác thanh tra, kiểm tra còn chưa thường xuyên, liên tục và một số bất cập

Hoạt động thanh kiểm tra tuy có nhiều cố gắng nhưng chưa thực hiện được thường xuyên, định kỳ dẫn đến thanh kiểm tra, chưa đều, chưa chủ động, dẫn đến sai phạm để kéo dài, chưa được xử lý. Đội ngũ cán bộ làm công tác QLNN về BCĐT còn thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng, khó đáp ứng được nhiệm vụ hiện nay; trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác QLNN còn thiếu và lạc hậu, hiện nay, mới chỉ có một số phương tiện để làm việc như: Điện thoại để bàn, máy fax, máy photocopy, máy tính và một số phần mềm để nhập và lưu các dữ liệu về danh sách các cơ quan BCĐT, đội ngũ cán bộ của các cơ quan BCĐT, thẻ nhà báo. Các phương tiện trang thiết bị trên chưa đáp ứng được sự phát triển và hoạt động của BCĐT, dẫn đến hạn chế và khó khăn trong thực thi nhiệm vụ.

3.3.3. Nguyên nhân của những bất cập quản lý nhà nước về báo chí điện tử hiện nay ở nước ta

3.3.3.1. Nguyên nhân khách khách quan

Với sự bùng nổ của công nghệ thông tin, nhất là các loại phương tiện truyền thông mới trên Internet, dẫn đến những thay đổi to lớn của đời sống xã hội truyền thông khiến lĩnh QLNN về BCĐT gặp khó khăn, lúng túng trước những thách thức ngày càng gay gắt hơn, quyết liệt hơn rất nhiều so với thời gian trước.

Ở trong nước, cùng với sự phát triển ngày càng mạnh của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bên cạnh những yếu tố tích cực, đã xuất hiện sự phân hoá về thu nhập, tiến tới sự phân hoá về lợi ích và sự phân tầng về xã hội cơ sở hình thành các nhóm xã hội khác nhau, là tiền đề để hình thành các khuynh hướng, các xu thế tư tưởng khác nhau, tác động trực tiếp đến lợi ích của BCĐT, đồng thời cũng tác động đến đội ngũ cán bộ QLNN về BCĐT trong hành vi, hoạt động, xử lý liên quan đến BCĐT.

Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước ngày càng quyết liệt và tinh vi hơn. Chúng luôn coi báo chí là trận địa tiến công, là khâu đột phá. Tấn công Đảng Cộng sản trước hết là tấn công vào hệ tư tưởng và báo chí đặc biệt là BCĐT. Cuộc đấu tranh ý thức hệ, đấu tranh tư tưởng rất quyết liệt, diễn ra hàng ngày. Các trào lưu, các khuynh hướng tư tưởng nước ngoài đa màu

sắc xâm nhập vào đất nước ta, tác động trực tiếp vào tư tưởng, tâm lý, tình cảm, lối sống của con người Việt Nam qua con đường BCĐT.

3.3.3.2. Về nguyên nhân chủ quan là

Tư duy về lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về QLNN, xây dựng chính sách đối với BCĐT còn chậm đổi mới, chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn. Quan điểm, nhận thức của những người làm công tác QLNN về BCĐT về một số vấn đề còn có sự khác nhau, chưa đồng nhất, chưa đồng thuận, còn nhiều quan điểm khác.

Năng lực, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, QLNN chưa theo kịp bước phát triển nhanh chóng, phức tạp của BCĐT, đồng thời hoạt động QLNN về BCĐT còn buông lỏng, bị động, xử lý sai phạm thiếu kiên quyết, nể nang, né tránh kéo dài. Vai trò trách nhiệm của cơ quan chủ quản BCĐT còn hạn chế, thụ động, thiếu trách nhiệm, thậm chí thiếu định hướng...

Do đội ngũ cán bộ và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ QLNN về BCĐT còn nhiều hạn chế, yếu kém: Đội ngũ cán bộ làm công tác chỉ đạo, quản lý BCĐT từ Trung ương đến địa phương chưa được thường xuyên tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn và chính trị để đáp ứng nhu cầu thực tiễn; chưa có kế hoạch, chính sách, chế tài cụ thể, có hiệu lực để tạo động lực sáng tạo cho đội ngũ này. Đời sống của đa số cán bộ làm công tác nghiên cứu, QLNN về BCĐT còn khó khăn; công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về BCĐT không theo kịp sự phát triển của BCĐT trong thực tiễn dẫn tới sự lúng túng, bị động trước những vấn đề mới đặt ra, thiếu những quyết sách lâu dài, cơ bản, chủ động để lãnh đạo, QLNN tổ chức và thực hiện BCĐT.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3:

Quản lý nhà nước đối với BCĐT những năm qua đã đạt được một số kết quả quan trọng như: Soạn thảo, sửa đổi, bổ sung, ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến QLNN về BCĐT, bước đầu đáp ứng nhu cầu mới phát sinh trong hoạt động của BCĐT và QLNN, góp phần thúc đẩy sự phát triển của BCĐT và hoạt động QLNN; cơ quan QLNN ở Trung ương và địa phương đã phối hợp với cơ quan chỉ đạo, bộ, ban ngành, địa phương, chủ quản... Chủ động

tìm nguồn tài chính để phục vụ công tác đào tạo, tập huấn cho đội ngũ làm công tác BCĐT, nhằm nâng cao kỹ năng, trình độ, nghiệp vụ cho đội ngũ lãnh đạo, biên tập viên, phóng viên các cơ quan BCĐT; đã quan tâm hơn công tác thi đua khen thưởng và thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động BCĐT; xây dựng và triển khai quy chế phối hợp giữa các đơn vị chức năng trong chỉ đạo, QLNN về BCĐT bên cạnh những ưu điểm trên, QLNN còn một số hạn chế, yếu kém như: Chưa quan tâm đúng mức công tác tuyên truyền nội dung quy định trong các văn bản QPPL, QLNN về BCĐT; đội ngũ cán bộ tham gia QLNN về BCĐT còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa theo kịp sự phát triển của công nghệ và BCĐT. Bản lĩnh chính trị, năng lực kinh nghiệm chỉ đạo, QLNN cơ quan chủ quản BCĐT còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; công tác xây dựng và triển khai hệ thống văn bản QPPL về QLNN đối với BCĐT chậm, chưa theo kịp sự phát triển của Internet và công nghệ thông tin, thiếu các quy định cụ thể để phân định rõ ràng, chính xác các hành vi vi phạm pháp luật dẫn đến khó khăn trong công tác điều hành và QLNN hoạt động của BCĐT; sự phối hợp trong QLNN, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm giữa cơ quan QLNN ở Trung ương và địa phương với các đơn vị chức năng và cơ quan chủ quản BCĐT có lúc chưa thường xuyên. Một số địa phương có biểu hiện coi nhẹ, buông lỏng hoạt động thanh tra, kiểm tra. Nhiều trường hợp liên tục mắc sai phạm khi hoạt động không đúng tôn chỉ mục đích, đưa nhiều thông tin tiêu cực và văn hóa lối sống thiếu lành mạnh... Nhưng chưa được xử lý kịp thời, triệt để; trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý (phát hiện, truy tìm, lưu trữ, ngăn chặn thông tin sai trái) còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của công nghệ truyền thông, Internet.

Chính những hạn chế trong, QLNN về BCĐT nói trên là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến vẫn tồn tại một số hạn chế, yếu kém của các cơ quan BCĐT như: Hoạt động xa rời tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ; thiếu nhạy bén chính trị, thông tin thiếu định hướng, thiếu chính xác; không quan tâm biểu dương người tốt việc tốt và những chủ đề quan trọng cần tập trung tuyên truyền, giáo dục; sa vào xu hướng thương mại, giật gân câu khách, cổ vũ lối sống thực dụng, không lành mạnh, ảnh hưởng xấu đến đạo đức, lối sống, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam.

Chương 4

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BÁO CHÍ ĐIỆN TỬ Ở VIỆT NAM

4.1. Định hướng quản lý nhà nước về báo chí điện tử ở Việt Nam

Ngay từ Nghị quyết Trung ương 2 (khóa X) năm 2007 sau 10 năm BCĐT có mặt ở Việt Nam về công tác tư tưởng, lý luận, BCĐT trước yêu cầu mới Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định: “Công tác BCĐT là một bộ phận cấu thành hữu cơ trong bộ máy hoạt động của Đảng ta, là yếu tố cấu thành hoạt động tư tưởng, lý luận. BCĐT là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, của tổ chức chính trị, xã hội và là diễn đàn của nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật; phải bảo đảm tính tư tưởng, tính chân thật, tính nhân dân, tính chiến đấu và tính đa dạng của hoạt động báo chí. Đảng lãnh đạo BCĐT bằng việc định hướng chính trị và thông qua nhà nước, thông qua công tác tổ chức cán bộ, thông qua giám sát, kiểm tra hoạt động thường xuyên trong thực tiễn. Quản lý nhà nước về BCĐT còn bằng sức mạnh của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng”. Như vậy, Đảng lãnh đạo hoạt động báo chí nói chung và BCĐT ở Việt Nam nói riêng là một tất yếu mang tính lịch sử - xã hội và vấn đề Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý hoạt động BCĐT là gắn bó chặt chẽ với nhau, không tách rời nhau. Đó là trụ cột chính đảm bảo BCĐT nước ta hoạt động đúng định hướng tư tưởng chính trị, phụng sự dân tộc, phục vụ nhân dân.

Báo chí điện tử là một loại hình báo chí mới tương đối toàn diện, ở loại hình báo chí này quy tụ hầu hết các đặc điểm và thế mạnh của các loại hình báo chí khác. Trong tình hình hiện nay đòi hỏi cơ quan QLNN, cá nhân làm công tác QLNN về BCĐT phải đổi mới sáng tạo, trang bị kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn toàn diện đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ hiện nay. Đối với cơ quan BCĐT từ lãnh đạo quản lý đến người cầm bút chân chính cần nỗ lực phấn đấu hết mình vì một nền báo chí cách mạng, hiện đại, phục vụ ngày một tốt hơn nhu cầu thông tin đại chúng; tuyên truyền, góp phần vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.

4.1.1. Trên cơ sở những Nghị quyết, văn kiện của Đảng ta, có thể thấy những quan điểm, định hướng sau đây cần được nhận thức, quán triệt và thực hiện trong quá trình hoạt động BCĐT.

Công tác báo chí là một bộ phận cấu thành hữu cơ trong bộ máy hoạt động của Đảng ta, là yếu tố cấu thành hoạt động tư tưởng. Không chỉ là yếu tố cấu thành hữu cơ, BCĐT cũng là vũ khí xung kích trên mặt trận tư tưởng, lý luận. BCĐT có vai trò quan trọng đối với công tác tư tưởng, lý luận và tổ chức đặt dưới sự lãnh trực tiếp của Đảng. Quan điểm này đã được thể hiện xuyên suốt trong quá trình hoạt động của báo chí cách mạng Việt Nam và đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Báo chí điện tử phải tích cực tuyên truyền đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. BCĐT phải góp phần xây dựng vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”, góp phần ổn định chính trị tư tưởng, bình ổn đời sống tinh thần để huy động nguồn lực phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống. Việc tuyên truyền tư tưởng của Đảng là một công việc lâu dài, khó khăn, phức tạp, nhất là trong tình hình hiện nay, cho nên đòi hỏi phải kiên trì, sự nhiệt thành, hiểu biết và tính chuyên nghiệp cao.

Báo chí điện tử là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, của tổ chức chính trị - xã hội và là diễn đàn của nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật; BCĐT phải bảo đảm tính tư tưởng, tính chân thật, tính nhân dân, tính chiến đấu và tính đa dạng của hoạt động báo chí.

Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ. Mỗi nhà báo là một cán bộ hoạt động trong lĩnh vực công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng, là nhà truyền thông, vận động xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Nhà báo là chủ thể tích cực trong quá trình hoạt động BCĐT cũng như QLNN về BCĐT.

Tại Nghị quyết lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) năm 2015 đã nêu rõ quan điểm định hướng cho sự phát triển của báo chí Việt

Nam trong giai đoạn tới. Trên cơ sở phân tích, khái quát, đánh giá sâu sắc thực trạng phát triển và QLNN về BCDT với những kết quả, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân cụ thể; đồng thời, thấy rõ xu hướng phát triển thông tin, truyền thông trên thế giới, Trung ương khẳng định sự cần thiết phải sớm ban hành và tổ chức thực hiện Quy hoạch phát triển và Quản lý báo chí đến năm 2025 với 5 quan điểm chỉ đạo quy hoạch như sau:

(1) Báo chí là phương tiện thông tin, công cụ tuyên truyền, vũ khí tư tưởng quan trọng của Đảng và Nhà nước, diễn đàn của nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật.

(2) Phát triển báo chí đi đôi với quản lý tốt, nâng cao năng lực, xây dựng nền báo chí nước ta cách mạng, chuyên nghiệp, hiện đại, nhân văn, tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thành tựu công cuộc đổi mới đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đáp ứng nhu cầu thông tin của nhân dân, đoàn kết toàn dân tộc, tạo đồng thuận trong xã hội, định hướng tư tưởng và thẩm mỹ, góp phần nâng cao dân trí, phát triển nền văn hóa và con người Việt Nam.

(3) Nhà nước có cơ chế, chính sách tài chính, đào tạo đội ngũ để tạo điều kiện cần thiết cho báo chí hoàn thành nhiệm vụ chính trị, đồng thời khuyến khích các cơ quan báo chí tăng cường huy động nguồn lực phát triển trên cơ sở bảo đảm đúng tôn chỉ, mục đích, không chạy theo lợi nhuận thuần túy, không để tư nhân sở hữu báo chí, không để nhóm lợi ích chi phối báo chí.

(4) Phát triển báo chí phù hợp với xu thế phát triển khoa học - Công nghệ và xu thế phát triển thông tin, truyền thông thế giới.

(5) Kết hợp chặt chẽ các loại hình báo chí, đồng thời phát huy lợi thế của các phương tiện, dịch vụ trên mạng Internet nhằm chủ động cung cấp thông tin chính thống, có định hướng, tăng diện bao phủ trong nước và quốc tế; hạn chế ảnh hưởng tiêu cực và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng.

Tại Hội nghị Trung ương 3 khóa XII năm 2016 Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng một lần nữa đã nhấn mạnh nhiệm vụ công tác tư tưởng mà toàn Đảng cần

quan tâm: “Chú trọng công tác tư tưởng, tuyên truyền, báo chí, thông tin, tạo sự đồng thuận trong xã hội; kiên quyết chấn chỉnh những lệch lạc, phản bác những luận điệu sai trái”, cụ thể như:

(1) Tăng cường lãnh đạo, quản lý, phát triển hệ thống báo chí, truyền thông nhằm phát huy tốt nhất vai trò của báo chí truyền thông trong việc thông tin, tuyên truyền, thực hiện các nhiệm vụ công tác tư tưởng, hạn chế những tác động tiêu cực. Coi trọng việc phát hiện biểu dương các nhân tố mới, điển hình tiên tiến, đồng thời tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tệ nạn xã hội. Không ngừng nâng cao chất lượng tư tưởng, tính hấp dẫn, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hệ thống báo chí.

(2) Đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực QLNN đối với hoạt động báo chí. Coi trọng công tác xây dựng Đảng, đề cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong các cơ quan báo chí. Làm tốt công tác định hướng thông tin, kịp thời cung cấp tài liệu cho báo chí, nhất là đối với những vấn đề, sự kiện quan trọng, nhạy cảm. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển hệ thống báo chí - truyền thông đại chúng, tránh trùng lặp, chồng chéo về chức năng.

(3) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật và các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực báo chí - truyền thông, làm rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, các hội nghề nghiệp và từng cơ quan báo chí, truyền thông. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy ước về đạo đức nghề nghiệp và giáo dục cán bộ tự giác thực hiện tốt các quan điểm định hướng.

(4) Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, trình độ ngoại ngữ và những hiểu biết về quan hệ quốc tế cho đội ngũ những người làm báo. Thường xuyên rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý báo chí; thực hiện nghiêm các quy định, quy trình về bổ nhiệm, miễn nhiệm, thi đua - khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ lãnh đạo các cơ quan báo chí. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung cán bộ có năng lực, đủ phẩm chất cho hệ thống báo chí. Tạo điều kiện

thuận lợi về cơ sở vật chất, nguồn lực và cơ chế để các cơ quan báo chí chủ lực nâng cao chất lượng, làm tốt công tác định hướng dư luận xã hội.

(5) Tăng cường công tác thông tin đối ngoại, làm tốt công tác quảng bá hình ảnh đất nước, các giá trị văn hóa đặc trưng của đất nước và con người Việt Nam đến với nhân dân và bạn bè trên thế giới. Làm tốt công tác hướng dẫn nhân dân trong việc tiếp thu những giá trị văn hóa tích cực, tiến bộ của nhân loại; cảnh giác, ngăn chặn sự du nhập những sản phẩm văn hóa độc hại, trái với thuần phong, mỹ tục của dân tộc ta và các giá trị nhân văn, tiến bộ của nhân loại.

Với vai trò QLNN cần cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành hệ thống chính sách, pháp luật... Tạo nên hành lang pháp lý cho hoạt động BCĐT. Đến nay, hệ thống văn bản quản lý, chế độ, chính sách đối với BCĐT nước ta vẫn còn những vấn đề bất cập. QLNN còn thể hiện trong công tác quy hoạch thiếu hợp lý thống nhất về BCĐT để BCĐT có thể phát huy tốt nhất hiệu quả thông tin, tuyên truyền phục vụ nhân dân; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý kịp thời các hiện tượng, vụ việc phát sinh...

4.1.2. Định hướng tăng cường quản lý nhà nước về báo chí điện tử vẫn đảm bảo nguyên tắc tôn trọng quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và quyền được tiếp cận thông tin

Ở Việt Nam, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền được tiếp cận thông tin đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định và Luật báo chí 2016 quy định tại (Chương II Quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận của công dân), Luật tiếp cận thông tin 2016 quy định rất rõ (mọi công dân đều có quyền tiếp cận thông tin do Đảng và Nhà nước ta ban hành, trừ một số những thông tin, chính sách liên quan đến ANQP), tại Nghị định 72/2013/NĐ-CP, ngày 15/7/2013 của Chính phủ quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng mạng Internet và thông tin trên mạng Internet được thực thi nghiêm túc tạo không khí dân chủ trong xã hội. Điều đó đã khẳng định và quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta luôn tôn trọng và bảo vệ quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền được tiếp cận thông tin, quyền sáng tác tác phẩm báo chí, cung cấp thông tin trên báo chí, phản hồi thông tin trên báo

chí, tiếp cận thông tin trên báo chí...quyền tiếp cận thông tin của nhân dân được quy định rộng rãi hơn, đó không phải là quyền thụ động mà nhà nước công khai thông tin theo nhận thức của mình mà là quyền chủ động, được đòi hỏi các cơ quan, tổ chức nhà nước đáp ứng. Trên không gian mạng, nhà nước ta có những quy định về quyền tự do ngôn luận, báo chí, tiếp cận thông tin. Theo đó công dân có quyền sử dụng Internet trừ các dịch vụ bị cấm theo quy định của pháp luật và có nghĩa vụ tuân thủ theo quy định của an toàn thông tin do mình lưu trữ. Tuy nhiên cũng như các quyền khác của con người, việc thực hiện quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin phải do pháp luật quy định, trong khuôn khổ của pháp luật được quy định rõ giữa quyền và nghĩa vụ công dân.

Hiện nay, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí ở Việt Nam không những được bảo đảm tốt mà còn là nhân tố tích cực trong cuộc đấu tranh chống những biểu hiện trong xã hội và các tổ chức đoàn thể, mặt trận tham gia tích cực giám sát phản biện đối với chính sách của nhà nước.

Như vậy, cả về lý luận và pháp luật thực tiễn cho thấy pháp luật Việt Nam đã tương thích với pháp luật quốc tế mà QLNN về BCĐT là một chủ thể bắt buộc trong cơ cấu của một nhà nước. Tôn trọng và bảo đảm quyền và nghĩa vụ công dân trong thực hiện quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin cũng là một trong những định hướng đúng của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

4.1.3. Cơ sở công cụ quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử và những thách thức đặt ra trong công tác quản lý

Văn bản quy phạm pháp luật. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam: Hiến pháp, Luật, Pháp lệnh, các văn bản dưới luật Nghị định của Chính phủ, các Thông tư của Bộ, liên Bộ...

Tổ chức bộ máy, phân cấp quyền lực, “sức mạnh cứng” và “sức mạnh mềm”. Vấn đề phân cấp, phân quyền trong QLNN về BCĐT đặc biệt là cơ quan QLNN thuộc về Chính phủ.

Đội ngũ cán bộ công chức, viên chức trong bộ máy tổ chức QLNN về BCĐT. Vấn đề phẩm chất chính trị, năng lực công tác, chất lượng đội ngũ quản lý, cơ chế đánh giá, quy trình bổ nhiệm...Như vậy, từ những định hướng cơ bản

và cơ sở công cụ trong QLNN về báo chí nói chung và BCĐT nói riêng thì QLNN đối với BCĐT ở nước ta hiện nay sẽ gặp một số thách thức mới:

(1) Những thách thức về thông tin thiếu nhạy cảm về chính trị, chưa phù hợp với lợi ích của đất nước, của nhân dân, chưa đúng định hướng thông tin vẫn còn xảy ra trên một số BCĐT, gây những tác động xấu đến dư luận xã hội, ảnh hưởng đến lợi ích chính đáng của tổ chức, của người dân. Thông tin BCĐT chưa tương xứng với tình hình diễn biến thực tế của xã hội, thông tin dễ định hướng hoặc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái trong nhiều vấn đề quan trọng của đất nước và xã hội.

(2) Thách thức ở một bộ phận không nhỏ tình trạng đạo đức nhà báo, cơ quan BCĐT vi phạm, sách nhiễu, thậm chí tống tiền cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để trục lợi vẫn chưa được ngăn chặn triệt để: Vi phạm đạo đức nghề nghiệp vẫn xảy ra, sự suy đồi, biến chất chạy theo mặt trái của cơ chế thị trường của một số cơ quan BCĐT, một số phóng viên thậm chí cả cơ quan lãnh đạo một số BCĐT...

(3) Những thách thức lớn và khốc liệt cạnh tranh từ mạng xã hội đối với BCĐT và vấn đề nhận thức của chủ thể quản lý BCĐT trong thời đại mới. Theo đó, chủ thể cơ quan BCĐT cần bắt kịp các thay đổi cả về chất và lượng của các sản phẩm BCĐT thiếu thẩm định, kiểm chứng nguồn tin của một số cơ quan báo chí điện tử...

(4) Thách thức từ kỹ thuật, công nghệ, đội ngũ nguồn nhân lực QLNN về BCĐT trong hình hình hiện nay còn chưa đáp ứng được hoạt động thực tiễn QLNN về BCĐT.

(5) Thách thức từ thể chế, xây dựng, ban hành, triển khai các quy định về pháp luật liên quan đến BCĐT; thách thức từ mô hình, nội dung, nguyên tắc QLNN về BCĐT vẫn còn nhiều ý kiến khác biệt...

Ngoài ra, đối với cơ quan QLNN trong thực tiễn công tác vẫn còn một số những thách thức như: Còn thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ, thiếu hiệu quả của các cơ chế phối hợp, cũng như cơ chế QLNN đối với BCĐT.

Như vậy, những thách thức mà tác giả vừa khái quát và đặt ra ở trên để khắc phục và giải quyết những vấn đề này không phải một sớm, một chiều mà cần phải có quan điểm, lộ trình phù hợp, giải pháp toàn diện, cụ thể với xu thế phát triển của BCĐT hiện nay.

4.2. Giải pháp nâng cao năng lực quản lý nhà nước về báo chí điện tử ở nước ta hiện nay

Trong điều kiện phát triển không ngừng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ IV (công nghệ thông tin và các phương tiện truyền tải Internet như hiện nay) tiếp theo đó là sự phát triển mạnh mẽ của BCĐT ở Việt Nam, thực tiễn hoạt động của công tác QLNN về BCĐT thì có thể nói nhiều giải pháp nâng cao năng lực QLNN đối với loại hình báo chí này. Tuy nhiên, trong luận án này tác giả lựa chọn để đưa ra 3 nhóm giải pháp cụ thể như sau:

4.2.1. Nhóm giải pháp về hoàn thiện chính sách, pháp luật đối với báo chí điện tử

4.2.2.1. Giải pháp về hoàn thiện chính sách pháp luật

Trong những năm qua vấn đề hoàn thiện pháp luật đối với báo chí nói chung và BCĐT nói riêng đã được các cơ quan chuyên trách về pháp luật quan tâm và được Đảng, Nhà nước ta ghi nhận nhất là trên lĩnh vực QLNN. Tuy nhiên, trong vấn đề xây dựng pháp luật các cơ quan chuyên trách và cơ quan có liên quan thường “đồng nhất quy trình hoạch định và xây dựng chính sách với quy trình làm luật”. Điều này sẽ làm ảnh hưởng đến chất lượng của các văn bản pháp luật như việc soạn thảo luật có liên quan đến BCĐT kéo dài, không đáp ứng được yêu cầu đẩy nhanh tiến độ cũng như đòi hỏi ngày càng nhiều hơn các văn bản QPPL về báo chí và đặc biệt là BCĐT trong tình hình hiện nay, do việc nghiên cứu xây dựng chính sách còn yếu. Để giải quyết được những vấn đề này cần có những giải pháp mang tính đồng bộ, cơ quan hoạch định, xây dựng, ban hành pháp luật đối với BCĐT.

Trước hết, phải dựa trên cơ sở đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước ta về BCĐT để xây dựng và hoạch định ra chính sách pháp luật đối với BCĐT; chính sách phải là cơ sở nền tảng để chế định nên pháp luật có liên quan đến

QLNN về BCĐT. Hay nói cách khác, pháp luật về BCĐT là kết quả của sự thể chế hóa chính sách của Đảng, Nhà nước ta. Do vậy, trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về BCĐT thì chính sách chính là linh hồn, tư tưởng, nội dung của pháp luật, còn pháp luật về BCĐT là hình thức, là phương tiện thể hiện của chính sách khi nó được thừa nhận, được ban hành, theo một trình tự nhất định.

Cần phải có chính sách, quan điểm, định hướng đúng đắn gắn liền với hệ thống chính trị, với Đảng cầm quyền với bộ máy quyền lực Nhà nước. Vì báo chí và BCĐT luôn gắn liền với Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý mà Đảng ta đã khẳng định “Báo chí là cơ quan ngôn luận của Đảng, Nhà nước, của các cơ quan đoàn thể, tổ chức chính trị, là vũ khí sắc bén trên mặt trận văn hóa tư tưởng...”. Từ vấn đề này, Đảng đề ra đường lối, chính sách, định hướng, tôn chỉ, mục đích, đúng đắn, hợp lý với sự phát triển của hoạt động BCĐT để Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật; nhưng việc xây dựng và ban hành pháp luật của Nhà nước cũng chính là Nhà nước từng bước hoàn thiện xây dựng và ban hành chính sách pháp luật về BCĐT phù hợp với thể chế chính trị và những ưu thế vượt trội của BCĐT ở Việt Nam hiện nay.

Trong thực tiễn xây dựng luật cũng như soạn thảo pháp luật nói chung và đối với luật và các văn bản liên quan đến BCĐT thì giai đoạn xây dựng chính sách hầu như bị coi nhẹ; việc lập chương trình xây dựng luật hằng năm chưa hoàn toàn được xây dựng trên những cơ sở thực sự khoa học và sát với đòi hỏi của thực tiễn khách quan. Các cơ quan, tổ chức đưa ra đề nghị xây dựng luật đối với BCĐT và các văn bản QPPL về QLNN đối với loại hình báo chí này chưa coi trọng việc nghiên cứu, đánh giá, tổng kết đầy đủ thực trạng pháp luật, thực tiễn thi hành pháp luật cũng như chưa hình dung hết phạm vi và nội dung điều chỉnh của dự luật, cụ thể như Luật Báo chí 2016 đề cập rất hạn chế về BCĐT, tức là thiếu với thực tế với chính sách pháp luật.

Xét trên góc độ của quy trình lập pháp cần xem xét một cách, khách quan, cụ thể về thực trạng phát triển của BCĐT để có kế hoạch, sách lược, hoạch định về chính sách pháp luật đối với BCĐT, cần đặt sự phát triển của BCĐT trong xu hướng phát triển của công nghệ thông tin, sự phát triển của Internet, phát triển

của MXH, phát triển của báo chí trên thế giới để hoạch định và xây dựng chính sách về pháp luật đối với loại hình này cho phù hợp với xu thế chung và những thách thức đối với pháp luật của BCĐT.

Như vậy, có thể khẳng định rằng chỉ xây dựng pháp luật, các văn bản QPPL đối với BCĐT chỉ khi đã có những nghiên cứu kỹ, chín muồi về mặt chính sách, hoạch định sách lược chi tiết, cụ thể từng khía cạnh của BCĐT và hoạt động của QLNN trong thời gian qua. Từ những vấn đề mà tác giả đã phân tích và luận giải trên để tăng cường hoàn thiện chính sách về pháp luật đối với BCĐT cần tập trung nghiên cứu kỹ một số nội dung (1) Phải nghiên cứu, đánh giá kỹ về BCĐT, đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật trên lĩnh vực BCĐT (2) Phải chứng minh được sự cần thiết phải xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung một đạo luật hoặc các văn bản liên quan đến trực tiếp đối với BCĐT (3) Cần đưa ra được, những nội dung dự kiến điều chỉnh của QLNN về BCĐT, nội dung, chính sách đối với QLNN về BCĐT cần sửa đổi, chưa phù hợp với đặc thù của BCĐT hay chưa có một văn bản pháp luật riêng nào đối với BCĐT, điều chỉnh, bổ sung về cơ quan QLNN riêng với BCĐT (4) Những tác động của công tác QLNN cũ ảnh hưởng như thế nào đối với BCĐT và ảnh hưởng đến sự phát triển của chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước...

4.2.2.2. Giải pháp về hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật

Trên cơ sở của hoàn thiện chính sách về pháp luật có liên quan đến BCĐT có thể khẳng định rằng vấn đề nâng cao năng lực hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với BCĐT trong tình hình hiện nay là cần thiết, phù hợp với sự phát triển của BCĐT vẫn bảo đảm được định hướng, đúng với tôn chỉ, mục đích, của báo chí. Do vậy, cần có những giải pháp hoàn thiện để tạo ra một hành lang pháp lý tốt đối với BCĐT cần tập trung ở một số mặt sau:

Thứ nhất là, tăng cường rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống VBPL liên quan trực tiếp đến BCĐT là vấn đề cần được xem xét, thay đổi, hoàn thiện hệ thống pháp luật trong tình hình hiện nay để đáp ứng với yêu cầu của thực tiễn vì trong hoạt động thực tiễn QLNN về BCĐT, tình trạng luật khung

còn khá phổ biến, những mâu thuẫn, chông chéo của hệ thống pháp luật còn nhiều; tình trạng cục bộ lợi ích chưa bị xoá bỏ; đặc biệt là có khi luật được ban hành nhưng chưa thể đi vào cuộc sống hoặc không phù hợp với cuộc sống. Để hoàn thiện, ban hành các văn bản QPPL có chất lượng pháp lý cao, có tính khả thi trên cơ sở kế thừa những nghiên cứu cơ bản, đáp ứng được các yêu cầu chung của Đảng, Nhà nước đề ra đối với BCĐT.

Thứ hai là, hệ thống văn bản QPPL trong hoạt động QLNN về BCĐT phải đồng bộ, quan hệ thống nhất với các pháp luật liên quan khác; bảo đảm tính toàn diện, khoa học, phù hợp với tình hình đất nước và xu thế phát triển của công nghệ thông tin, Internet, báo chí thế giới. Pháp luật và các văn bản QPPL về BCĐT phải rõ ràng, cụ thể, công khai, minh bạch và phát huy tinh thần dân chủ; tạo điều kiện thuận lợi cho BCĐT phát triển và phục vụ nhiệm vụ chính trị của Nhà nước trong từng giai đoạn.

Thứ ba là, rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BCĐT theo hướng tăng cường chế tài xử phạt vi phạm, chế tài đủ mạnh xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân lợi dụng tự do báo chí để thực hiện các mục đích xấu, bảo đảm thượng tôn pháp luật. Các đơn vị chức năng khi xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL liên quan đến hoạt động của báo chí nói chung và BCĐT nói riêng cần chủ động lấy ý kiến góp ý của các nhà khoa học và đối tượng trực tiếp liên quan đến BCĐT nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất trong việc ban hành, triển khai, thực hiện pháp luật về BCĐT và các văn bản QPPL có liên quan đến BCĐT hiện nay.

Thứ tư là, trong thực tế chưa có văn bản QPPL nào quy định riêng cho loại hình BCĐT, mà tất cả các quy định về BCĐT vẫn chung với văn bản quy định về báo chí hoặc Internet. Việc xây dựng pháp luật đối với BCĐT các cơ quan chuyên trách chưa quan tâm, còn thiếu với thực tiễn, thậm chí các nhà làm luật gần như đã phiên ngang các quy định về báo in sang quy định đối với BCĐT, do vậy khi triển khai, áp dụng với BCĐT còn nhiều vấn đề không phù hợp với đặc điểm của BCĐT (vấn đề lưu trữ, nội dung quản lý nhà nước về

báo chí, quy định về nội hàm BCĐT rất sơ sài, chế tài xử lý, dung lượng thông tin quảng cáo ...Vẫn chung với báo truyền thống). Do vậy, trong nội dung này cần xem xét, bổ sung, hoàn thiện một số vấn đề trực tiếp liên quan đến BCĐT như: (1) Luật Báo chí 2016 có 5 Chương và 60 Điều, nhưng ngược lại không có một điều luật nào quy định riêng cho BCĐT mà chủ yếu các quy định cho loại hình báo in, quyền tự do báo chí, tổ chức báo chí, hoạt động báo chí, chế tài về báo chí (2) Các quy định về những vấn đề mới như blog, trang tin điện tử cá nhân, MXH... Chưa quy định rõ ràng, cụ thể trong Luật khi đó các trang này ngày càng phổ biến và có xu hướng hoạt động như một dạng BCĐT, có số lượng truy cập lớn, tác động mạnh đến dư luận xã hội đặc biệt là tầng lớp trẻ. (3) Trong khi đó BCĐT phát triển ngày càng nhiều, đa dạng, sinh động; nhiều ưu thế vượt trội và những khác biệt so với báo chí truyền thống; từ vấn đề này cũng đặt ra nhiều thách thức mới với cơ quan QLNN về loại hình BCĐT.

Thứ năm là, Luật Báo Chí 2016 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2017 nhưng trên thực tế vẫn chưa có một văn bản QPPL hướng dẫn nào dưới Luật cụ thể hóa cho tất cả các mặt hoạt động của báo chí. Vấn đề này, là một khoảng trống trong tổ chức thực hiện của các cơ quan QLNN đối với báo chí nói chung và BCĐT nói riêng. Do vậy, cần có những giải pháp hữu hiệu, cụ thể, kịp thời, trong công tác lãnh đạo QLNN về BCĐT và pháp luật sẽ không phát huy được vai trò, nếu không đi vào cuộc sống.

Thứ sáu là, tăng cường phổ biến, quán triệt các quy định của Đảng và Nhà nước liên quan đến lĩnh vực BCĐT như: Hiến pháp Năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật An ninh mạng năm 2018 có hiệu lực từ ngày 1/1/2019, đồng thời xem xét lại một số quy định của Đảng về bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật về báo chí: Quyết định số 75-QĐ/TW, ngày 21/8/2007, của Ban Bí thư ban hành Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí, cũng không nêu rõ cấp phó phải hiệp y qua cơ quan chức năng về chỉ đạo QLNN về báo chí. Nhưng trong thực tiễn hoạt động của cơ quan báo chí và đặc biệt là cơ quan BCĐT, cấp phó

TBT, phó GD, phó TGD là người trực tiếp duyệt tin, bài trước khi đăng, phát TBT, TGD, GD chịu trách nhiệm chung, thường xuyên đi họp hành và tập trung thời gian lo chiến lược phát triển của cơ quan BCĐT, họ chỉ duyệt những bài khi cấp phó không quyết định được. Nếu không quy định cứng tiêu chuẩn bổ nhiệm các cấp phó TBT, phó GD, phó TGD và không qua hiệp y của cơ quan chức năng chỉ đạo QLNN về báo chí nói chung và BCĐT nói riêng sẽ dẫn đến tình trạng bất cập và hạn chế trong công tác điều hành, QLNN về nội dung thông tin BCĐT. Trước khi bổ nhiệm TBT, GD, PGD, TGD, PTGD cần phải học qua lớp bồi dưỡng chính trị và QLNN, do Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ TT&TT, Hội Nhà báo Việt Nam tổ chức. Trong bối cảnh hiện nay, cần bổ sung, điều chỉnh, làm rõ một số quy định trong Quyết định 75-QĐ/TV/ ngày 21/8/2007 như: Cơ quan chủ quản bổ nhiệm phó TBT, phó GD, phó TBT cơ quan BCĐT phải có hiệp y của Ban Tuyên giáo Trung ương; TBT, phó TBT, GD, phó GD, tổng GD, phó TGD các cơ quan BCĐT thuộc các hội, hiệp hội 65 tuổi phải nghỉ quản lý trong các cơ quan báo chí.

Thứ bảy là, trong thời gian qua, do những thay đổi về mặt nhân sự, nhiệm kỳ mới, nhiều cán bộ lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương không nắm được nội dung các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về báo chí, BCĐT. Ban Bí thư chỉ đạo cơ quan chức năng sớm quán triệt ban cán sự Đảng, lãnh đạo các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố về nội dung Quy định 157-QĐ/TVV, ngày 29/4/2008 của Ban Bí thư Trung ương (khóa X) về việc chỉ đạo, định hướng chính trị, tư tưởng, nhất là đối với những vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm trong nội dung thông tin của báo chí và các văn bản khác có liên quan. Chỉ thị 30-CT/TW, ngày 25/12/2013, của Bộ Chính trị về phát triển và tăng cường QLNN đối với BCĐT, MXH và các loại hình truyền thông khác trên Internet; Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 09/02/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, học tập, nghiên cứu, vận dụng Chủ nghĩa Mac - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đề nghị triển khai, quán triệt thường xuyên có sơ kết, tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm, kiến nghị, đề xuất với Đảng và Nhà nước về công tác QLNN đối với loại hình báo chí điện tử hiện nay ở nước ta.

Ngoài ra, tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần XII; Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5, khóa X về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới; các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước ta về tăng cường công tác QLNN về báo chí như: Thông báo số 41-TB/TW và số 68-TB/TW của Bộ Chính trị (Khóa XII) về tình hình diễn biến tư tưởng thông qua phương tiện thông tin. Cần sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với BCĐT, đặc biệt là ban hành các văn bản QPPL của Luật Báo chí 2016; các văn bản hướng dẫn thi hành để có hành lang pháp lý sát thực tế, tạo điều kiện cho BCĐT phát triển và tăng cường hơn nữa công tác QLNN đối với BCĐT.

4.2.2. Nhóm giải pháp về nâng cao năng lực các cơ quan quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử

Trong QLNN đối với báo chí nói chung và BCĐT ở Việt Nam nói riêng về mô hình QLNN hay nói cách khác là phân cấp QLNN về BCĐT cũng là vấn đề còn nhiều bàn luận trao đổi. Tuy nhiên, trong thực tiễn QLNN về BCĐT chủ yếu được thực hiện ở hai cấp là cấp Trung ương và cấp địa phương, trong nội dung và các vấn đề liên quan đến giải pháp này tác giả sẽ tiếp cận ở hai cấp trên, ngoài ra đối với BCĐT và một số loại hình hoạt động khác lãnh đạo cơ quan BCĐT vừa là chủ thể QLNN vừa là đối tượng QLNN. Do vậy, để tăng cường năng lực cơ quan QLNN về BCĐT cần một số những giải pháp cơ bản như.

4.2.2.1. Giải pháp các cơ quan quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử ở Trung ương (các bộ, cơ quan ngang bộ).

Thời gian qua, các bộ, cơ quan ngang bộ, đã giúp Chính phủ chỉ đạo, điều hành, kiểm tra trong hoạt động QLNN trên lĩnh vực BCĐT đạt được nhiều thành quả quan trọng, được Chính phủ, Đảng, Nhà nước ta ghi nhận và quan tâm. Để tăng cường năng lực đối với các cơ quan QLNN về BCĐT trong thời gian tới cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất là, mô hình bộ máy QLNN về BCĐT hiện nay ở Bộ TT&TT vẫn còn chưa phù hợp, gây khó khăn trong công tác QLNN về BCĐT như đã trình bày ở trên. Để tăng cường hiệu lực QLNN đối với loại hình báo chí này nên hợp nhất Cục Báo chí với Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử thành

Tổng cục Báo chí hoặc Cục Báo chí như trước đây. Tổng cục, hoặc Cục Báo chí gồm các bộ phận như: Báo chí in, Phát thanh truyền hình, Báo chí điện tử - thông tin điện tử, Mạng xã hội - Game, Pháp chế... Các phòng chuyên môn có nhiệm vụ tham mưu và QLNN đối với các mảng đó. Mô hình này sẽ giúp cơ quan QLNN sẽ có cái nhìn toàn diện về hoạt động của các loại hình báo chí, phù hợp mới xu thế hội tụ đa phương tiện của BCĐT và khắc phục được một số bất cập trong việc cấp giấy phép xuất bản, trong kiểm tra giám sát nội dung thông tin trên BCĐT... Hàng tuần, các phòng chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động của các loại hình báo chí, tham mưu, đề xuất các nội dung QLNN với lãnh đạo. Lãnh đạo Tổng cục hoặc Cục Báo chí có trách nhiệm báo cáo nội dung QLNN đối với các cơ quan báo chí tại giao ban báo chí tuần do Ban Tuyên giáo chủ trì phối hợp với Bộ TT&TT và Hội Nhà báo Việt Nam tổ chức để quán triệt và định hướng.

Thứ hai là, việc thanh tra và xử lý vi phạm trong hoạt động báo chí do Phòng pháp chế của Cục Báo chí lập hồ sơ phối hợp với Thanh tra Bộ TT&TT xử lý. Việc tiến hành thanh tra thường xuyên cũng như thanh tra vi phạm do Thanh tra Bộ TT&TT chủ trì, phối hợp với Cục Báo chí thực hiện, như vậy tránh được việc trùng lặp trong thanh tra và thiếu nhất quán về quan điểm trong xử lý vi phạm trên lĩnh vực BCĐT...

Thứ ba là, về tiêu chuẩn tuyển dụng cán bộ làm công tác QLNN về BCĐT tại Bộ TT&TT phải có trình độ nghiệp vụ báo chí, am hiểu về công nghệ thông tin và có trình độ ngoại ngữ tương đương cử nhân, có kiến thức về QLNN và pháp luật. Trước mắt, số công chức, viên chức ở Trung ương, đang làm nhiệm vụ QLNN về BCĐT cần được đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng và bồi dưỡng chính trị, đạo đức nghề nghiệp thường xuyên.

Đây là giải pháp quan trọng và cấp bách để đáp ứng nhu cầu, nhiệm vụ hiện nay. Bên cạnh việc nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác QLNN cần kiện toàn bộ máy QLNN về BCĐT ở Trung ương để đáp ứng tình hình và nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài. Lãnh đạo, chuyên viên QLNN về BCĐT cố ý vi phạm đạo đức nghề nghiệp vì lợi ích cá nhân, bao che, đồng lõa với những tiêu cực của BCĐT phải được xử lý nghiêm minh và đưa ra khỏi bộ máy.

Thứ tư là, các cơ quan QLNN về BCĐT ở cấp Bộ cần bám sát thực tiễn, làm tốt công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn. Trước mắt triển khai một số đề tài liên quan đến vấn đề thiết thực đến sự phát triển của BCĐT, đang được giới báo chí quan tâm, tranh luận, chưa thống nhất về nhận thức, như: Vấn đề thương mại hóa, xã hội hóa, mô hình tập đoàn báo chí, kinh tế báo chí, hội tụ truyền thông, đa nền tảng; vấn đề tôn chỉ, mục đích; mô hình QLNN tập đoàn truyền thông đa phương tiện, tòa soạn hội tụ... Để có cơ chế tài chính, nhân sự phù hợp với thực tiễn phát triển. Về tài chính, nhanh chóng hoàn chỉnh các quy định về kinh doanh, dịch vụ, cơ chế, chính sách tài chính, thuế, quảng cáo, liên kết, định mức trong hoạt động BCĐT; nghiên cứu cơ chế chính sách tạo điều kiện cho cơ quan BCĐT giảm chi phí, tăng nguồn thu để phát triển. Điều chỉnh chính sách thuế đối với cơ quan BCĐT, tránh đánh đồng hoạt động báo chí, chức năng tư tưởng của BCĐT với các hoạt động sản xuất kinh doanh khác. Trong quá trình sửa đổi, bổ sung các luật định liên quan đến hoạt động của BCĐT cần xem xét, điều chỉnh những điều khoản quy định về tài chính không còn phù hợp với thực tiễn, giúp các cơ quan BCĐT khắc phục được tình trạng làm trái luật, hoặc vì lợi ích kinh tế mà có những sản phẩm thông tin không phù hợp với văn hóa, lối sống của người Việt Nam. Xây dựng cơ chế tài chính trong hoạt động liên kết về hạ tầng, có thể cho phép liên kết trong sản xuất chuyên mục, chương trình về khoa học, phổ biến kiến thức, kinh tế, giải trí theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Thứ năm là, Bộ TT&TT, có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác chỉ đạo, định hướng, tổ chức nghiêm túc, có chất lượng các cuộc giao ban định kỳ, đột xuất; kịp thời chỉ đạo và định hướng thông tin trên BCĐT, đặc biệt là các sự kiện quan trọng và nhạy cảm. Phối hợp với các bộ, ngành như: Ngoại giao, Công thương, Tài chính, Ngân hàng, Công an, Quân đội... Trong việc chỉ đạo, cung cấp thông tin trong QLNN đối với BCĐT trong những trường hợp cần thiết và đột xuất của Đảng và Nhà nước.

Bên cạnh đó, là sự phối hợp nhịp nhàng, kịp thời giữa Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ TT&TT, Hội Nhà báo Việt Nam với các cơ quan chủ quản về BCĐT. Các bộ: Ngoại giao, Công an, Quốc phòng, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch

đầu tư, Ngân hàng... Vừa là cơ quan chủ quản BCĐT có trách nhiệm QLNN về BCĐT thuộc quyền, có vai trò là cơ quan tham mưu cho Chính phủ, chủ động, trực tiếp, phối hợp có hiệu quả trong chỉ đạo và cung cấp thông tin cho BCĐT một cách chính thống, thường xuyên.

Ngoài ra (1) Bộ ngoại giao thường xuyên cung cấp thông tin, định hướng thông tin các vấn đề liên quan đến quốc tế, các hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta đối với các nước trong khu vực và trên thế giới đối với BCĐT (2) Bộ Công an và Bộ Quốc phòng, Ngân hàng nhà nước chủ động phối hợp chỉ đạo các vấn đề thông tin nhạy cảm, phức tạp, nhất là đối với các vấn đề tài chính, tiền tệ, giá cả, nhân quyền, tôn giáo, an ninh mạng, an ninh quốc phòng; phối hợp xử lý các sai phạm nghiêm trọng trong các hoạt động của QLNN về BCĐT và các thông tin trên BCĐT khi cần thiết (3) Bộ Nội vụ, Bộ tài chính, Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Tư pháp và các bộ ngành khác vừa trực tiếp, vừa phối hợp có hiệu quả trong công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, văn bản pháp luật và các chế độ chính sách đối với các hoạt động của QLNN về BCĐT hiện nay và thời gian tới.

4.2.2.2. Giải pháp các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí điện tử ở địa phương (các tỉnh, thành phố) và cơ quan chủ quản báo chí.

Thứ nhất là, các cơ quan QLNN về BCĐT ở các địa phương tỉnh, thành phố cần sắp xếp bố trí hợp lý cơ quan QLNN về BCĐT. Ở các tỉnh thành sở TT & TT là cơ quan QLNN giúp ủy ban nhân dân các tỉnh về các hoạt động của BCĐT, tăng cường phối hợp với Ban Tuyên giáo, hội nhà báo tỉnh thành, các cơ quan chức năng quản lý, định hướng cho BCĐT “Báo chí là cơ quan ngôn luận của mỗi tỉnh thành và là diễn đàn của nhân dân và mọi tầng trong xã hội ở mỗi địa phương”, đồng thời rà soát lại hệ thống cơ quan QLNN đối với báo chí nói chung và BCĐT nói riêng hoạt động, kiểm tra QLNN ở mỗi địa phương có hiệu quả mà không bị trùng lặp, chồng chéo chức năng.

Trên cơ sở đó các tỉnh thành địa phương cần có quy hoạch, phát triển, quản lý đối với BCĐT cho phù hợp với tình hình đặc thù của mỗi tỉnh thành để BCĐT phát triển đúng hướng, đúng với chức năng, là một kênh thông tin góp phần trong công cuộc phòng chống tham nhũng ở mỗi địa phương, đồng thời là

kênh tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nâng cao dân trí hiểu biết cho nhân dân.

Thứ hai là, các tỉnh thành, ủy ban nhân dân, ban tuyên giáo, sở TT&TT ở địa phương phải thực hiện phối hợp trong chỉ đạo và QLNN về BCĐT cho nề nếp hơn. Công tác giao ban, nhận xét, đánh giá, định hướng thông tin cho BCĐT cho hiệu quả. Mặt khác, làm tốt công tác báo cáo định kỳ, tăng cường, thanh tra, kiểm soát, xử lý các vi phạm của cơ quan BCĐT thuộc trách nhiệm QLNN ở các địa phương.

Để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ về QLNN đối với hoạt động của BCĐT, cần có sự tham gia tích cực của độc giả, quần chúng nhân dân; nên mỗi cơ quan QLNN cho tới cán bộ thực hiện công tác QLNN về BCĐT phải biết gắn bó chặt chẽ với nhân dân, dân tin yêu và làm tai mắt, giúp đỡ trong công tác QLNN. Có cơ chế chính sách bảo vệ và đãi ngộ đặc biệt với những người có tinh thần trách nhiệm, mạnh dạn phản ánh những hành vi sai phạm của cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật về BCĐT.

Thứ ba là, tiếp tục rà soát, tổ chức lại mô hình, bộ máy hệ thống BCĐT ở các tỉnh, thành trong cả nước một cách hợp lý theo tinh thần của Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/04/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025. Phân loại các cơ quan BCĐT theo chức năng, nhiệm vụ, tôn chỉ, mục đích, trên cơ sở đó cần sắp xếp lại cho phù hợp, có chính sách phù hợp đối với từng cơ quan BCĐT (phục vụ nhiệm vụ chính trị; giải trí, kinh doanh...), sản phẩm báo chí, khắc phục tình trạng cào bằng như hiện nay. Để giải quyết mâu thuẫn giữa định hướng chính trị với kinh doanh BCĐT, cần phân loại các cơ quan BCĐT thành ba nhóm sau:

(1) Chọn những cơ quan BCĐT ở Trung ương có chất lượng tin bài tốt, có sức ảnh hưởng lớn đến dư luận xã hội làm lực lượng chủ lực trong định hướng thông tin. Nhà nước hỗ trợ ngân sách hoặc có cơ chế ưu đãi cho những cơ quan BCĐT này để ban biên tập không bị chi phối thời gian trong việc kiếm tiền nuôi bộ máy, duy trì hoạt động của cơ quan.

Toàn bộ lãnh đạo, biên tập viên, phóng viên tập trung đầu tư cho nội dung; tập trung trí tuệ để có những bài báo hay, mang tính định hướng, giáo dục,

có tác động tích cực tới đời sống xã hội. Trong quá trình hoạt động, cơ quan BCĐT nào không đáp ứng được nhu cầu của Đảng, Nhà nước thì có thể loại bỏ cơ chế hỗ trợ nói trên. Ở địa phương, mỗi tỉnh có một báo điện tử do Đảng bộ tỉnh làm chủ quản, ngân sách hoạt động do địa phương hỗ trợ.

Bên cạnh đó, Nhà nước hỗ trợ ngân sách (theo hình thức đặt hàng) đối với những chuyên mục, chương trình phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị cụ thể trong từng giai đoạn, khu vực.

(2) Các cơ quan BCĐT chuyên về các lĩnh vực chuyên ngành hẹp, nghiên cứu khoa học của các bộ, ngành, đoàn thể, hội... Đối với những cơ quan BCĐT này, cơ quan chủ quản có trách nhiệm hỗ trợ kinh phí một phần hoặc cơ chế để tạo điều kiện cho cơ quan BCĐT hoạt động và phát triển theo tinh thần chung của báo chí.

(3) Các cơ quan BCĐT chuyên về giải trí, kinh doanh. Các cơ quan BCĐT này hoạt động theo cơ chế như doanh nghiệp, tự trang trải và phải đóng thuế. Nội dung thông tin phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Về phía các cơ quan BCĐT tiếp tục phát huy tinh thần năng động trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phấn đấu nâng cao chất lượng, hiệu quả thông tin; tăng cường vị thế trong xã hội; tăng lượng phát hành, thu hút quảng cáo... Việc tăng nguồn thu là hết sức cần thiết, nhưng không vì nó mà hạ thấp yêu cầu chính trị, tư tưởng, văn hóa, khoa học trong thông tin.

Bên cạnh đó, thường xuyên mời các nhà báo có kinh nghiệm đang hoạt động trong các cơ quan BCĐT trong và ngoài nước bồi dưỡng về nghiệp vụ, chính trị, pháp luật nhằm cung cấp các kiến thức thực tiễn cho cán bộ, công nhân viên, phóng viên BCĐT. Làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng người làm báo sẽ góp phần nâng cao chất lượng thông tin trên BCĐT, đáp ứng nhu cầu thông tin của công chúng và phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tô quốc; hạn chế được những thách thức của BCĐT như phần trên đã nêu.

Thứ ba là, lãnh đạo các cơ quan chủ quản BCĐT cần tăng cường và thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chịu trách nhiệm về hoạt động của cơ quan báo chí thuộc quyền theo đúng các chủ trương, nguyên tắc của Đảng và

các quy định của pháp luật. Tăng cường lãnh đạo công tác cán bộ, về lãnh đạo, chỉ đạo, nội dung, định hướng chính trị của BCĐT. Đẩy mạnh thực hiện nghiêm túc việc quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; rà soát, kiểm toàn, bố trí cán bộ lãnh đạo và đội ngũ phóng viên báo chí, đảm bảo tiêu chuẩn chính trị, nghiệp vụ. Chỉ đạo, kiểm tra các hoạt động kinh doanh dịch vụ, tài trợ của cơ quan báo chí theo đúng quy định của pháp luật.

Lãnh đạo cơ quan chủ quản, cán bộ được phân công theo dõi, chỉ đạo, QLNN đối với BCĐT thuộc cơ quan mình cũng phải đủ các tiêu chuẩn như đối với cán bộ làm công tác QLNN nói trên. Rà soát lại đội ngũ cán bộ, trước mắt nếu đội ngũ cán bộ đang làm nhiệm vụ này chưa đủ các điều kiện, cần tập huấn, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ để có thể đáp ứng nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình làm việc nếu lãnh đạo cơ quan BCĐT, chuyên viên, cán bộ cố ý bao che với vi phạm của cơ quan BCĐT mình phụ trách, thì sẽ bị xử lý nghiêm minh theo quy định của Đảng, Nhà nước, pháp luật nước Cộng hòa xã hội CNVN.

4.2.3. Nhóm giải pháp nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử

Giải pháp nâng cao năng lực QLNN đối với hoạt động BCĐT ở nước ta đáp ứng yêu cầu nền báo chí cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, theo tác giả có nhiều giải pháp. Tuy nhiên, dưới góc độ tiếp cận của nội dung này tác giả tiếp cận các nhóm giải pháp cụ thể sau:

4.2.3.1. Giải pháp nâng cao năng lực nhận thức, đổi mới tư duy trong quản lý nhà nước về báo chí điện tử

Đổi mới tư duy, nâng cao năng lực nhận thức QLNN về BCĐT là giải pháp mang tính chiến lược, cơ bản, lâu dài để tăng cường QLNN về BCĐT ở nước ta hiện nay và những năm tiếp theo cần thực hiện.

Có thể khẳng định rằng BCĐT là một trong những thành tựu phát triển vượt bậc của xã hội. Đây là “giá trị tổng hợp” bao gồm các giá trị nền tảng: Khoa học công nghệ, Internet, tri thức nhân loại và là kiến trúc thượng tầng của xã hội. báo chí nói chung và BCĐT nói riêng được Đảng và Nhà nước ta trực

tiếp lãnh đạo và báo chí đã trở thành “Cơ quan ngôn luận của Đảng và Nhà nước ta, là diễn đàn chính trị của các tầng lớp trong xã hội”, một lần nữa khẳng định rằng BCĐT có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong cơ cấu chính trị của mỗi quốc gia đặc biệt là trong quá trình hội nhập, hợp tác quốc tế hiện nay.

QLNN là vấn đề thuộc bản chất của chế độ ta, của Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa. QLNN được đặt ra xuất phát từ mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, từ bản chất của chế độ ta. QLNN gắn liền với chủ quyền nhân dân, với quyền làm chủ của nhân dân, với quyền lực Nhà nước, với dân chủ và phát huy dân chủ. QLNN gắn liền với cá nhân, tổ chức, cơ quan chịu sự QLNN về một lĩnh vực cụ thể. Chính vì vậy, trong một phạm vi hẹp: Cần phải tôn trọng, bảo đảm, thúc đẩy, phát triển, hoàn thiện hoạt động QLNN đối với BCĐT, đây cũng là trách nhiệm chung của toàn bộ hệ thống chính trị ở nước ta.

Việc nhận thức được một cách sâu sắc, toàn diện những nội dung khái quát mang tính bản chất, giá trị, nguyên tắc của QLNN về BCĐT là những tiền đề tư tưởng, chính trị rất quan trọng cho việc tăng cường tổ chức và thực hiện QLNN về BCĐT ở nước ta hiện nay.

(1). Đổi mới tư duy, nhận thức một cách toàn diện trong lãnh đạo, chỉ đạo quản lý nhà nước về báo chí điện tử.

Đổi mới tư duy QLNN về BCĐT cần phải được đặt ra trên cơ sở nhận thức đúng tầm, toàn diện, đúng đắn và tích cực hơn về vai trò của QLNN về BCĐT. Được thực hiện trên cơ sở, vai trò, nền tảng là cung cấp tri thức, hiểu biết, nâng cao nhận thức về thế giới quan đối với những hiện tượng của đời sống xã hội. QLNN về BCĐT đóng vai trò quan trọng trong phát triển con người, trong phát triển kinh tế, xã hội, sống và làm việc theo pháp luật.

Đổi mới tư duy QLNN về BCĐT xuất phát từ đổi mới cơ bản, toàn diện của hệ thống chính trị Việt Nam trong đó có QLNN về BCĐT. Để góp phần thực hiện đổi mới cơ bản, toàn diện QLNN ở Việt Nam, đổi mới cơ bản, toàn diện QLNN về BCĐT đòi hỏi mỗi cá nhân làm công tác QLNN phải đổi mới tư duy nhận thức (tư duy của Đảng, Nhà nước, xã hội, của các cơ quan QLNN); cần phải có tầm nhìn chiến lược, lâu dài, đúng tầm về QLNN đối với BCĐT; đổi mới

cách tiếp cận QLNN về BCĐT; đổi mới quan điểm về mục tiêu QLNN đối với BCĐT; đổi mới nội dung QLNN về BCĐT; phát triển và nâng cao năng lực của đội ngũ làm công tác QLNN.

Đổi mới tư duy lãnh đạo, chỉ đạo BCĐT theo hướng tập trung một đầu mối, thống nhất, linh hoạt, chủ động, kịp thời, thuyết phục. Tập trung chỉ đạo vào một đầu mối, thống nhất đồng nghĩa với việc không để diễn ra tình trạng phân tán, chông chéo kém hiệu quả. Sự tập trung trong lãnh đạo, chỉ đạo, là điều kiện cơ bản để nội dung chỉ đạo thống nhất, thông tin của BCĐT chuẩn xác, không trái chiều; giữ được nhịp độ, liều lượng hợp lý về nội dung; thông tin phù hợp diễn biến tình hình giải quyết được những thách thức mới đối với BCĐT trong QLNN, đáp ứng mục tiêu định hướng dư luận.

(2). Đổi mới tư duy, nhận thức trong định hướng tư tưởng hoạt động của báo chí điện tử

Theo Quyết định số 113-QĐ/TW, ngày 09/7/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Tuyên giáo Trung ương quy định Ban Tuyên giáo Trung ương chịu trách nhiệm định hướng, hướng dẫn kiểm tra, giám sát về chính trị, tư tưởng trong hoạt động của các cơ quan báo chí, xuất bản.... Quyết định số 157-QĐ/TW, ngày 29/4/2008, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quy định về chỉ đạo, định hướng chính trị, tư tưởng, nhất là đối với các vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm trong nội dung thông tin báo chí quy định trách nhiệm: "Ban Tuyên giáo Trung ương là cơ quan được Bộ Chính trị, Ban Bí thư ủy quyền lãnh đạo, chỉ đạo, công tác báo chí, nhất là những thông tin liên quan các vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm về đối nội, đối ngoại". Tuy nhiên, trong thực tiễn vẫn còn hiện tượng lãnh đạo một số cơ quan ban, ngành, địa phương chưa tuân thủ tinh thần Quyết định trên, gây khó khăn cho cơ quan chỉ đạo báo chí nói chung và cơ quan BCĐT nói riêng, tạo dư luận không tốt trong xã hội, có thể bị các thế lực thù địch, thiếu thiện chí với Việt Nam lợi dụng để xuyên tạc, đả kích sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước ta.

Bên cạnh yêu cầu tập trung, thống nhất, trong chỉ đạo, định hướng, trong trường hợp cần thiết, cần biết vận dụng linh hoạt, nhằm huy động, phát huy tối

đa ưu thế các loại hình, thế mạnh BCĐT và ứng biến khôn khéo trước diễn biến mới, xu hướng mới của sự kiện, vấn đề trên cơ sở nhất quán về mục tiêu thông tin đối với BCĐT.

Công tác định hướng, chỉ đạo phải kịp thời, thuyết phục: Chủ động định hướng thông tin chính là tiền đề hỗ trợ BCĐT thông tin sớm, thông tin trước MXH về các sự kiện, vấn đề mà dư luận quan tâm, nhất là những vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm liên quan đến cá nhân, tổ chức của Đảng, Nhà nước ta hiện nay. Trong thông tin, nắm thế chủ động chiếm lĩnh thông tin là có thêm cơ hội, sức mạnh

Trong thực tế, khó khăn, thách thức lớn nhất đặt ra cho công tác chỉ đạo, định hướng thông tin hiện nay là các vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm. Thông tin càng quan trọng, công chúng dư luận càng quan tâm. Sự quan tâm của công chúng cũng như nhu cầu thông tin đối với các vấn đề quan trọng là rất chính đáng, cần được đáp ứng. Với những loại thông tin này, cơ quan chỉ đạo phải vào cuộc, không được né tránh, chỉ đạo, định hướng phải hợp lý, khoa học. Nếu cản trở hoặc chậm vào cuộc là thoái thác trách nhiệm. Sự chậm trễ (hoặc im lặng) tạo thành vùng trắng thông tin, là cơ hội xuất hiện, lan tỏa các thông tin phi chính thống, trong đó có cả tin đồn thổi, tin bịa đặt, xuyên tạc lan rộng, trở thành khủng hoảng truyền thông, việc khắc phục hậu quả rất khó khăn.

Trong bối cảnh công nghệ thông tin và truyền thông như hiện nay, ai cũng có thể trở thành “nhà báo”, vì vậy không nên nói không với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm. Khi có vụ việc quan trọng, phức tạp, nhạy cảm xảy ra cần định hướng BCĐT đưa tin ban đầu, càng sớm càng tốt, sau đó có thể bổ sung nội dung thông tin sau. Việc đưa thông tin nhanh không chỉ đáp ứng nhu cầu thông tin của xã hội mà còn có tác dụng định hướng dư luận xã hội; các thế lực thù địch không có cơ hội lôi kéo, xuyên tạc, bóp méo sự thật gây tác dụng xấu đối với dư luận xã hội...

Với lợi thế về công nghệ, thông tin, BCĐT tác động đến dư luận xã hội nhanh và có sức lan tỏa rộng, đặc biệt trong mối quan hệ tương tác và liên kết giữa BCĐT với trang tin điện tử và MXH. Khi sự kiện hoặc vụ việc được dư

luận quan tâm được đăng trên BCĐT thì sẽ có hàng trăm trang thông tin điện tử, MXH trích dẫn lại, các trang thông tin điện tử, MXH dẫn lại của nhau theo cấp số nhân. Mối tương tác giữa BCĐT với MXH giúp cho thông tin trên BCĐT lan truyền nhanh hơn trên cộng đồng mạng, nhưng đồng thời BCĐT cũng dễ bị dẫn dắt theo các vấn đề MXH quan tâm, đòi hỏi công tác chỉ đạo, xử lý, định hướng là vấn đề quan trọng hiện nay.

Điều cần quan tâm nhất hiện nay là nâng cao năng lực hiệu quả chỉ đạo, định hướng những vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm. Trong thực tế, đây là vấn đề dư luận quan tâm nhất, đồng thời, cũng là những vấn đề BCĐT cần được chỉ đạo, định hướng nhất, để nội dung thông tin góp phần tạo sự đồng thuận về tư tưởng, thống nhất trong hành động của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân hiện nay.

Do vậy, có thể thấy khoảng cách, độ chênh về nhận thức về các nội dung quan trọng, phức tạp, nhạy cảm giữa các cơ quan chỉ đạo QLNN về BCĐT và phóng viên càng thu hẹp, càng thuận lợi cho công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện chỉ đạo. Nói cách khác, hiệu lực chỉ đạo đạt mức cao nhất khi nội dung chỉ đạo chuẩn xác, khoa học, có sức thuyết phục. Khi đó, nội dung chỉ đạo được các cơ quan báo chí đồng thuận và thực hiện với tinh thần tự giác cao nhất. Thực tiễn công tác BCĐT cho thấy, những vấn đề liên quan an ninh, lợi ích quốc gia dễ đạt được sự thống nhất và được các cơ quan báo chí tự giác thực hiện theo chỉ đạo. Các vấn đề liên quan đấu tranh chống tiêu cực, phản biện chủ trương, chính sách... Cần có sự trao đổi dân chủ giữa cơ quan chỉ đạo và cơ quan báo chí để đạt sự đồng thuận và thực hiện có hiệu quả, đồng thời, loại trừ sự nghi ngờ, suy diễn của cơ quan BCĐT, dư luận đối với cơ quan chỉ đạo BCĐT.

4.2.3.2. Giải pháp nâng cao năng lực nguồn nhân lực trong quản lý nhà nước về báo chí điện tử

Nâng cao năng lực trong công tác QLNN nói chung và BCĐT nói riêng luôn là những mục tiêu, yêu cầu đặt ra của các cơ quan QLNN. Để giải pháp nâng cao năng lực nguồn nhân lực trong QLNN về BCĐT được phát huy tốt cần tập trung vào một số vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất là, tiếp tục đổi mới về hoạt động QLNN đối với loại hình BCĐT. Tập trung hoàn thiện các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn đối với đội ngũ lãnh đạo, chuyên viên, cán bộ QLNN về BCĐT; đồng thời phát triển nguồn nhân lực đội ngũ QLNN, đổi mới phương pháp QLNN, nâng cao năng lực, trình độ, nghiệp vụ chuyên môn đối với đội ngũ QLNN về BCĐT. Đổi mới các chính sách, cơ chế, phương tiện, công cụ phát triển và tăng cường nguồn nhân lực QLNN về BCĐT bao gồm: Về môi trường làm việc, chính sách việc làm, thu nhập, bảo trợ xã hội, nhà ở...Chú ý các chính sách đối với bộ phận nhân lực chất lượng cao làm công tác QLNN.

Thứ hai là, đào tạo kiến thức, kỹ năng đối với cơ quan QLNN về BCĐT. Cần xây dựng mô hình đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực về BCĐT ở các cơ sở đào tạo sao cho sát với thực tiễn và đặc thù của hoạt động BCĐT như : Mô hình truyền thông đa phương tiện, tính tương tác và giao diện cao của BCĐT, lưu chiều điện tử của BCĐT, sức lan tỏa nhanh và rộng của BCĐT...Đó là những vấn đề mới BCĐT đặt ra đối với cơ quan QLNN. Do vậy, để nâng cao năng lực QLNN về BCĐT cần tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo đại học, sau đại học, đổi mới về giáo dục và đào tạo đây là vấn đề mang tính then chốt, quan trọng để sinh viên tiếp cận các vấn đề, nội dung mới của BCĐT. Các cơ quan BCĐT cũng cần tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo và đào tạo lại cán bộ, phóng viên BCĐT “vừa hồng, vừa chuyên”, trong đó chương trình đào tạo cần bám sát các yêu cầu của của thị trường, tập trung đào tạo kỹ năng và kiến thức về báo chí hiện đại. Cần quan tâm hơn đến đào tạo các vị trí lãnh đạo, QLNN ở các tổ chức, bộ phận truyền thông ở cấp Trung ương và địa phương.

Thứ ba là, đổi mới mô hình và tổ chức cán bộ QLNN về BCĐT theo hướng hiện đại. Xây dựng nền báo chí cách mạng Việt Nam dựa trên nền tảng khoa học báo chí, truyền thông và nền tảng công nghệ thông tin. Trong đó tập trung chú trọng vào nghiên cứu các nền tảng BCĐT như các vấn đề đa giao diện, đa nền tảng, hội tụ công nghệ, báo chí di động, báo chí dữ liệu, báo chí thông minh, truyền thông sáng tạo... Cần nghiên cứu sâu về lý thuyết hội tụ và đa

phương tiện, xu thế phát triển đa loại hình, liên loại hình trong BCĐT và biết được yêu cầu về nguồn lực của nhà sản xuất QLNN tương ứng.

Thứ tư là, chủ động hội nhập giao lưu và hợp tác quốc tế là một trong những điều kiện quan trọng để đội ngũ cán bộ cơ quan QLNN về BCĐT thực hiện sứ mệnh của mình trong việc xây dựng nền báo chí Cách mạng Việt Nam, xây dựng và phát triển đội ngũ người làm báo đặc biệt với BCĐT với những giá trị chuẩn mực trong môi trường toàn cầu. Xây dựng chương trình chiến lược tổng thể, với mục tiêu tổng thể, kế hoạch triển khai và hướng dẫn thực hiện, tăng cường sự tham gia, phối hợp chủ động, tích cực của các cơ quan BCĐT trong toàn quốc để nâng cao đội ngũ QLNN.

4.2.3.3. Giải pháp nâng cao năng lực thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với báo chí điện tử

Thanh tra, xử lý các hành vi vi phạm đối với BCĐT là một trong những chức năng thiết yếu của QLNN. Mục đích của thanh tra là nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong hoạt động của BCĐT. Đồng thời qua công tác này, phát hiện những sơ hở trong cơ chế QLNN, chính sách pháp luật, để kiến nghị với cơ quan Đảng, Nhà nước có thẩm quyền có các biện pháp khắc phục; phát huy nhân tố tích cực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động QLNN về BCĐT, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến BCĐT trong tình hình hiện nay.

Thanh tra, Bộ TT&TT cần tăng cường công tác thanh tra, đảm bảo về số lượng và chất lượng trong công tác chuyên môn, vì BCĐT là một lĩnh vực mới đa dạng, sinh động, nhiều ưu thế, đặt ra nhiều vấn đề thách thức trong QLNN đối với loại hình BCĐT; Cơ quan Thanh tra chuyên trách Bộ TT&TT thường xuyên bồi dưỡng công tác chuyên môn, tập huấn đội ngũ chuyên trách thanh tra về lĩnh vực BCĐT, trao dồi đạo đức, phẩm chất chính trị, nắm được chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Đơn vị chức năng làm nhiệm vụ thanh tra cần xây dựng kế hoạch, chương trình và triển khai hoạt động thanh tra cơ quan BCĐT theo định kỳ hàng năm;

thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm hoặc theo yêu cầu giải quyết, khiếu nại, tố cáo, hoặc do thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ đạo thanh tra khi có dấu hiệu vi phạm trong hoạt động BCĐT.

Công tác thanh tra định kỳ và đột xuất được thực hiện nghiêm túc và thường xuyên sẽ giúp cơ quan BCĐT ý thức được quyền và trách nhiệm, nghĩa vụ của mình, hạn chế những sai sót trong quá trình hoạt động, đồng thời lập lại trật tự công bằng trong hoạt động BCĐT. Cơ quan thanh tra nên lập đường dây nóng, khuyến khích và tổ chức tiếp nhận những phát hiện của tổ chức, công dân về những thông tin độc hại hoặc phi pháp xuất hiện trên BCĐT và những sai phạm trong hoạt động BCĐT.

Tăng cường trách nhiệm cơ quan chủ quản: Cơ quan chủ quản phải chịu trách nhiệm trước cơ quan chỉ đạo, hướng dẫn QLNN về việc thực hiện tôn chỉ mục đích của cơ quan BCĐT thuộc phạm vi phụ trách. rà soát, chấn chỉnh các hoạt động không đúng tôn chỉ, mục đích, hoạt động liên kết, xuất bản ấn phẩm, chuyên trang của các cơ quan có liên quan đến BCĐT (trong đó, cần tăng cường QLNN các doanh nghiệp sở hữu, vận hành hạ tầng cho các cơ quan BCĐT) nhằm ngăn ngừa, hạn chế các hành vi vi phạm, phát hiện kịp thời những bất hợp lý, chồng chéo, thiếu sót, không phù hợp với thực tiễn, các quy định pháp luật hiện hành và hoạt động của các cơ quan BCĐT.

Cơ quan Thanh tra, Bộ TT&TT cùng với các đơn vị tranh tra chức năng chú trọng công tác phối hợp, nâng cao vai trò của Hội Nhà báo Việt Nam trong công tác giám sát hội viên tuân thủ pháp luật, quy định đạo đức nghề nghiệp của người làm báo. Kiến nghị, các cơ quan chức năng khi thỏa thuận bổ nhiệm, trường hợp nào chưa đáp ứng về tiêu chuẩn, điều kiện, kiên quyết không đồng ý hiệp ý. Cơ quan chủ quản nào cố tình bổ nhiệm khi Bộ TT&TT và Ban Tuyên giáo Trung ương không đồng ý hiệp ý thì phải có hình thức xử lý để bảo đảm nghiêm túc trong khâu bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo cơ quan BCĐT. Cơ quan BCĐT chưa đáp ứng được nhân sự đề nghị ngừng hoạt động, khi nào đủ điều kiện mới cho phép tiếp tục hoạt động. Cơ quan chức năng làm nghiêm túc thì cơ

quan chủ quản sẽ quan tâm hơn công tác bồi dưỡng, đào tạo và quy hoạch nhân sự cơ quan báo chí thuộc quyền mình phụ trách.

Không bỏ nhiệm lại lãnh đạo các cơ quan BCĐT để xảy ra nhiều sai phạm. Phóng viên nào vi phạm đạo đức nghề nghiệp, cố ý đưa những thông tin bất lợi về tư tưởng, tác động xấu đối với xã hội và lợi ích quốc gia bị cơ quan Thanh tra Bộ TT&TT phối hợp với cơ quan QLNN thu thẻ nhà báo hoặc bị sa thải sẽ không được tiếp nhận vào cơ quan báo chí khác.

4.2.3.4. Giải pháp nâng cao năng lực hợp tác quốc tế và ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử

(1). Việc đẩy mạnh giao lưu hợp tác quốc tế là vấn đề tất yếu của báo chí Việt Nam. Do vậy, giải pháp nâng cao năng lực hợp tác quốc tế trong QLNN về BCĐT là giải pháp mang tính chiến lược.

Thứ nhất là, hợp tác quốc tế về báo chí nói chung và BCĐT ở Việt Nam nói riêng, cần phải hoạch định tốt đối tượng và mục tiêu trong hợp tác quốc tế, ưu tiên đối tượng có nhiều điểm tương đồng với tình hình chính trị, xã hội và tập quán với Việt Nam. Tập trung khai thác nguồn lực đào tạo quốc tế, hợp tác nghiên cứu báo chí truyền thông quốc tế, tăng cường học hỏi kinh nghiệm làm báo quốc tế nhằm từng bước tác động đến tầm nhìn, kiến thức, kỹ năng làm BCĐT và QLNN theo các giá trị phổ quát mang tính toàn cầu. Chiến lược hóa về nội dung hoạt động hợp tác quốc tế là cơ sở để vận dụng nguồn lực, tối đa hóa sử dụng nguồn lực trong hoạt động hợp tác quốc tế.

Thứ hai là, đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế nhằm tăng các cơ hội được giao lưu, học hỏi quốc tế cho các cơ quan BCĐT. Cần mở rộng hoạt động công tác đào tạo ra phạm vi các nhà báo, các nhà truyền thông cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Tăng cường hơn nữa sự phối hợp đa chiều giữa các cơ quan trong nước và quốc tế nhằm thu hút nhiều nguồn lực cho hợp tác quốc tế. Truyền thông, vận động các nhà khoa học, các chuyên gia báo chí truyền thông, đặc biệt là kiều bào Việt Nam ở nước ngoài hiểu rõ mục tiêu và ý nghĩa của các mối quan hệ, các dự án hợp tác quốc tế nhằm tạo cơ hội cho sự phát triển của đội ngũ người làm báo Việt Nam, sự phát triển bền vững của nền báo chí cách

mạng Việt Nam, chắc chắn chúng ta sẽ tìm được nguồn lực tốt để thực hiện các dự án hợp tác quốc tế mang tính chiến lược lâu dài trong hợp tác quốc tế.

Thứ ba là, một giải pháp chiến lược cho hoạt động hợp tác quốc tế là điều kiện quan trọng cho việc xây dựng một nền báo chí cách mạng Việt Nam đáp ứng những yêu cầu mới của đất nước, của thời đại mới. Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm với nước ngoài về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật, pháp lý, phát triển và QLNN về BCĐT, MXH các loại hình truyền thông khác trên Internet. Đối với những thông tin vi phạm pháp luật được cung cấp theo dịch vụ xuyên biên giới từ máy chủ của nước ngoài, không thuộc sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, Bộ TT&TT, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành chức năng tăng cường quan hệ với các tổ chức quốc tế liên quan thông qua con đường ngoại giao (như xây dựng các hiệp định song phương, đa phương) nhằm phối hợp xử lý vi phạm phù hợp với thông lệ quốc tế.

(2). Hỗ trợ ứng dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật vào quản lý nhà nước về báo chí điện tử

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ IV đang có sức lan tỏa, vì vậy đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu, phát triển công cụ, kỹ thuật để hỗ trợ hoạt động QLNN về BCĐT là vấn đề cần thiết trong QLNN về BCĐT ở Việt Nam hiện nay. Bên cạnh đó, cần tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, nhằm tăng diện bao phủ thông tin chính thống, có định hướng, ngăn chặn, hạn chế tác động thông tin độc hại, tiêu cực liên quan đến BCĐT. Do vậy, cơ quan QLNN cần tập trung đầu tư một số phương tiện, kỹ thuật sau:

Thứ nhất là, đầu tư công nghệ kỹ thuật phục vụ công tác cung cấp và chỉ đạo thông tin định kỳ cũng như đột xuất. Dùng công nghệ thông tin tạo lập đường dây nóng để khi các cơ quan BCĐT phát hiện các sự việc đột xuất, nhạy cảm có thể xin ý kiến chỉ đạo nhanh, góp phần bảo đảm thông tin chuẩn xác, mang tính định hướng dư luận xã hội. Đồng thời, khi có thông tin cần chỉ đạo gấp, các cơ quan lãnh đạo, QLNN về BCĐT có thể nhanh chóng chuyển tải nội dung tới lãnh đạo các cơ quan BCĐT kịp thời. Việc áp dụng công nghệ thông tin

xuyên suốt toàn bộ vừa để bảo đảm khả năng truyền tải thông tin đồng nhất, vừa phục vụ công tác gỡ và chỉnh sửa thông tin chưa chính xác nhanh nhất.

Đầu tư công nghệ tin học để thường xuyên tầm soát thông tin trên mạng Internet và BCĐT (online content monitoring). Hiện nay một số công ty đã sản xuất được phần mềm có thể phát hiện được những tin bài có dấu hiệu nhạy cảm dựa trên các tiêu thức phân loại đặt ra từ đầu (từ khóa, hình ảnh), trên cơ sở đó, có thể chỉ đạo BCĐT điều chỉnh, hoặc gỡ bỏ khi đưa tin sai phạm hoặc bất lợi về chính trị, lợi ích của quốc gia, dân tộc... Sử dụng công cụ tầm soát và phân tích thông tin thường xuyên vừa giúp các cơ quan chức năng kiện toàn khả năng nắm bắt xu hướng truyền tải và thảo luận tin tức, đồng thời giúp tối ưu hóa nguồn lực con người thực hiện.

Công cụ tầm soát thông tin trên mạng Internet và BCĐT còn giúp cơ quan chức năng phân tích và đánh giá nguy cơ, xu hướng của dư luận xã hội. Khi cần đánh giá thông tin về vấn đề nào đó, có thể cài "từ khóa" cần tìm kiếm để đo được mức độ, liều lượng thông tin về vấn đề đó. Trên cơ sở đó, chỉ đạo điều chỉnh mức độ, liều lượng thông tin; nhu cầu nắm bắt dư luận xã hội để định hướng là đặc biệt quan trọng trong các sự kiện nội bộ.

Thứ hai là, sử dụng công nghệ để ngăn chặn tình trạng vi phạm bản quyền. Một trong những bất cập hiện nay đối với BCĐT là vấn đề bản quyền. CNTT có thể giúp cơ quan QLNN giám sát được vấn đề bản quyền. Hiện nay, mới chỉ có một số cơ quan BCĐT có thoả thuận với nhau về việc trích dẫn lại bài báo, tin mục của nhau. Trong thực tế, nhiều cơ quan BCĐT lấy lại bài của nhau, sau đó biên tập lại rồi coi như bài của mình.

Cơ quan QLNN chưa có biện pháp để phát hiện tình trạng sao chép bài của nhau. Nếu sử dụng công nghệ thông tin có thể phát hiện được việc vi phạm bản quyền, sẽ hạn chế và ngăn chặn được tình trạng sao chép tin bài của nhau, đồng thời bảo vệ được bản quyền cho các nhà báo chân chính, bảo đảm công bằng cho các cơ quan báo chí hoạt động nghiêm túc. Ngoài ra, có thể sử dụng công cụ kỹ thuật để xác định đâu là nội dung gốc và đâu là nội dung sao chép. Trên thế giới có rất nhiều hệ thống trực tuyến ưu việt như vậy, chẳng hạn như

(Grammarly), không chỉ hỗ trợ phóng viên, biên tập viên trong khâu sản xuất nội dung mà còn giúp phát hiện các tác phẩm báo chí hoặc một phần sản phẩm báo chí có đạo báo hay không. Một số công ty ở Việt Nam cũng có công nghệ "trí tuệ nhân tạo" khá tốt, có thể sử dụng cho mục đích này. Cần thành lập một trung tâm bảo vệ bản quyền (giống như trung tâm tác quyền âm nhạc), hoạt động độc lập nhưng có liên hệ chặt chẽ với cơ quan QLNN về BCĐT. Những cơ quan báo chí hoặc trang thông tin điện tử sử dụng lại nội dung gốc của báo khác sẽ phải trả một khoản phí nhất định nếu không có thoả thuận riêng. Trong trường hợp các đơn vị vi phạm vẫn cố tình lặp lại hành động của mình, vẫn còn một công cụ kỹ thuật nữa đó là công cụ tìm kiếm của Google. Cơ quan chức năng có thể phối hợp với Google về vấn đề này, theo đó, những tờ báo vi phạm nghiêm trọng vấn đề bản quyền có thể bị loại khỏi máy tìm kiếm của họ. Google rất quan tâm vấn đề bản quyền, giữ quan điểm bảo vệ nội dung gốc và sẵn sàng hợp tác trong vấn đề này...

Thứ ba là, xây dựng và vận hành hệ thống lưu trữ BCĐT dưới dạng file điện tử để phục vụ công tác thanh, kiểm tra. Hệ thống lưu trữ BCĐT rất phức tạp về trang thiết bị, con người, và các giải pháp phần mềm đi kèm. cần tính tới khả năng tích hợp với hệ thống lưu trữ thông tin truyền thông xã hội (facebook, google, youtube, v.v. hiện đang gây ảnh hưởng công luận rất mạnh). Xây dựng nguồn nhân lực cùng hệ thống giải pháp để khai thác thông tin trong hệ thống lưu trữ BCĐT phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá, tổng kết, khuyến khích khen thưởng hoặc khuyến cáo chế tài.

Thứ tư là, nghiên cứu tìm ra giải pháp hỗ trợ các cơ quan BCĐT phát hiện và xử lý nhanh các bình luận (comment) của bạn đọc có nội dung không phù hợp trên BCĐT, Fanpage và các các vấn đề phát sinh mới trên Internet.

Thứ năm là, xây dựng và hoàn thiện môi trường pháp lý, đặc biệt kiện toàn môi trường pháp lý về ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại cho BCĐT trong tình hình hiện nay. Môi trường pháp lý này cần phải được xây dựng toàn diện đối với cả nhà quản lý, nhà cung cấp, các cơ quan chủ quản tổ chức BCĐT, truyền thông và công chúng. Có thể có các giải pháp cụ thể, chẳng hạn

nhu giáo dục kiến thức, kỹ năng, giáo dục ý thức trách nhiệm của công chúng trong việc tham gia và tương tác với BCĐT, trên môi trường trực tuyến, hay các hoạt động trên MXH.

Thứ sáu là, chú trọng vấn đề an ninh mạng và an ninh truyền thông. An ninh mạng, an ninh thông tin là vấn đề bắt buộc phải chú trọng giải quyết với tất cả các cơ quan Chính phủ, các cơ quan BCĐT, các bộ ngành. Trong hàng chục tỷ thiết bị có thể kết nối và chia sẻ dữ liệu với nhau, các thiết bị thông tin, truyền thông đang hoạt động trên thế giới có thể bị lợi dụng để tạo ra những mạng lưới thu thập thông tin với phạm vi hoạt động cực rộng, len lỏi vào từng khía cạnh của đời sống con người, tạo ra những nguy cơ chưa từng có với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trước hoạt động của tội phạm mạng, tội phạm về công nghệ cao. Cần xây dựng các giải pháp khuyến khích các công ty công nghệ tham gia vào thị trường truyền thông, đặc biệt là cung cấp các giải pháp nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng.

Những vấn đề trên đã chứng tỏ rằng quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước ta luôn vận động và đổi mới tư duy theo xu hướng phát triển của xã hội, của thế giới, của nhân loại, Internet và BCĐT là những thành tựu vượt bậc giúp mỗi chúng ta thu gọn khoảng cách về không gian và thời gian, BCĐT đã mang lại những tiện ích to lớn cho cộng đồng và công chúng trong và ngoài nước, cung cấp nguồn thông tin nhanh nhất, cập nhật liên tục diễn biến của các vụ việc đến với độc giả. Chính vì vậy, hoạt động QLNN về BCĐT cũng phải đổi mới cách QLNN để BCĐT phát triển một cách khách quan nhưng vẫn đúng định hướng và bền vững.

KẾT LUẬN

Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến sự ra đời và phát triển của BCĐT và hoạt động QLNN về BCĐT; đã ban hành nhiều văn bản quan trọng nhằm nâng cao hoạt động QLNN về BCĐT ở Việt Nam. Nhờ vậy, BCĐT nước ta có bước phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ trên nhiều mặt, góp phần nâng cao năng lực công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu thông tin, hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của độc giả và quần chúng nhân dân, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bên cạnh đó, hoạt động QLNN về BCĐT nước ta vẫn còn những thách thức về chất lượng BCĐT, đội ngũ làm công tác QLNN về BCĐT và cơ quan QLNN về BCĐT còn hạn chế bất cập, thể chế và hành lang pháp luật về BCĐT còn chưa phù hợp... Một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến hạn chế thách thức trên do công tác QLNN về BCĐT thời gian qua vẫn còn chưa có những giải pháp mang tính đồng bộ, toàn diện, phù hợp, sâu sắc và thống nhất... Chưa thường xuyên công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến về quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về QLNN đối với BCĐT, chưa được quan tâm đúng mức, triển khai thực hiện chưa sâu, rộng và thực hiện chưa nghiêm đầu mỗi chỉ đạo định hướng thông tin quan trọng, phức tạp, nhạy cảm và thiếu cơ chế phối hợp cung cấp thông tin giữa các bộ, ngành, địa phương.

Công tác quy hoạch, quản lý, phát triển về BCĐT còn chậm muộn; xây dựng, bổ sung các văn bản QLNN về BCĐT còn chưa phù hợp với thực tế phát triển của BCĐT; công tác thanh, kiểm tra chưa thường xuyên đặc biệt là kiểm tra định kỳ, đột xuất, một số cơ quan BCĐT sai phạm để kéo dài, chưa được xử lý nghiêm minh; đội ngũ cán bộ chỉ đạo QLNN về BCĐT từ Trung ương tới địa phương còn nhiều hạn chế về năng lực, mô hình tổ chức còn một số những bất cập, chưa theo kịp sự phát triển thực tiễn. Bản lĩnh chính trị, năng lực, kinh nghiệm chỉ đạo, quản lý của cơ quan chủ quản và lãnh đạo một số cơ quan BCĐT còn hạn chế, chưa vững vàng trước những thay đổi của nền kinh tế thị

trường. Trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác QLNN về BCĐT còn thiếu và lạc hậu chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trong một số những thời điểm.

Để khắc phục, những hạn chế trong QLNN về BCĐT, đồng thời nâng cao năng lực QLNN đối với BCĐT trong thời gian tới cơ quan QLNN về BCĐT cần có quan điểm, định hướng, giải pháp sau:

(1). Định hướng nâng cao năng lực, hiệu quả QLNN đối với BCĐT ở nước ta, bao gồm: 02 nhóm quan điểm chính:

Một là: Xác định những thách thức mới đặt ra trong quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử.

Hai là: Định hướng tăng cường quản lý nhà nước đối với BCĐT ở nước ta hiện nay bao gồm 03 cơ sở sau: (1) Trên cơ sở Nghị quyết, văn kiện của Đảng ta, có thể thấy những quan điểm, định hướng cần được nhận thức, quán triệt và thực hiện trong quá trình hoạt động BCĐT (2) Định hướng tăng cường quản lý nhà nước đối với báo BCĐT vẫn đảm bảo nguyên tắc tôn trọng quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và quyền được tiếp cận thông tin (3) Công cụ quản lý nhà nước đối với BCĐT.

(2). Giải pháp nâng cao năng lực QLNN về BCĐT ở nước ta hiện nay, bao gồm: 03 nhóm giải pháp cơ bản sau:

Một là: Nhóm giải pháp về hoàn thiện chính sách, pháp luật đối với báo chí điện tử

Hai là: Nhóm giải pháp về nâng cao năng lực các cơ quan quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử

Ba là: Nhóm giải pháp nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử./.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

1. Nguyễn Minh Thắng (2018), “Giải pháp nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về báo chí điện tử trong tình hình hiện nay”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 11 - Tháng 11/2018
2. Nguyễn Minh Thắng (2018), “Quản lý nhà nước về báo chí, báo chí điện tử ở một số nước và những gợi mở cho Việt Nam trong công tác quản lý nhà nước về báo chí điện tử”, *Tạp chí Công Thương*, số 12 - Tháng 9/2018,
3. Nguyễn Quốc Sửu, Nguyễn Minh Thắng (2018), “Quản lý mạng xã hội cần tiếp cận theo xu hướng phát triển”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 9.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. TIẾNG VIỆT

1. V.Aphanaxép (1995), *Quyền lực thứ tư và bốn đời Tổng bí thư*", NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Cuốn sách (2004) *Truyền thông đại chúng - những kiến thức cơ bản* của tác giả Claudia, (NXB UVK Meijen Cộng hòa Liên bang Đức), Trần Hậu Thái dịch NXB Thông tấn, Hà Nội.
3. Tạ Ngọc Tấn (2007), *Cơ sở lý luận báo chí*, NXB Chính trị quốc gia.
4. Hoàng Đình Cúc, Đức Dũng (2007), *Những vấn đề của báo chí hiện đại*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
5. Ban Bí thư (1992), *Thông báo kết luận số 41 và số 68-TB/TW về một số biện pháp tăng cường lãnh đạo, quản lý công tác báo chí*, Hà Nội.
6. Ban Bí thư (1992), *Chỉ thị số 08/CT-TW, ngày 31-3-1992 về tăng cường sự lãnh đạo và quản lý nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác báo chí, xuất bản*, Hà Nội.
7. Ban Bí thư (2005), *Chỉ thị số 52-CT/TW, ngày 22-7-2005 về phát triển và quản lý báo điện tử ở nước ta hiện nay*, Hà Nội.
8. Ban Bí thư (2007), *Quyết định số 75-QĐ/TW, ngày 21/8/2007, ban hành Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí*, Hà Nội.
9. Ban Chấp hành Trung ương (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
10. Ban Chấp hành Trung ương (1995), *Nghị quyết số 09/NQ-TW, ngày 18-2-1995, về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay*, Hà Nội.
11. Ban Chấp hành Trung ương (2007), *Nghị quyết lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới*, Hà Nội.

12. Ban Chấp hành Trung ương (2015), *Báo cáo chính trị Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Hà Nội.
13. Ban Tổ chức Hội nghị Báo chí toàn quốc năm 2015 (2015), *Báo cáo đánh giá công tác báo chí năm 2015; Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp 2016*, Hà Nội.
14. Ban Tuyên giáo Trung ương (2007), *Tăng cường lãnh đạo, quản lý tạo điều kiện để báo chí Việt Nam phát triển mạnh mẽ, vững chắc trong thời gian tới*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
15. Ban Tuyên giáo Trung ương (2011), *Bản chất, xu thế phát triển của internet, mạng xã hội và các phương tiện truyền thông trên internet tại Việt Nam - Những vấn đề đặt ra*, Hội thảo khoa học, Hà Nội.
16. Ban Tuyên giáo Trung ương (2012), *Tăng cường quản lý báo chí điện tử, mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác trên internet*, Hội thảo khoa học, Hà Nội.
17. Ban Tuyên giáo Trung ương (2015), *Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý báo chí điện tử trước yêu cầu mới*, Hội thảo khoa học, Hà Nội.
18. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (1997), *Tiếp tục đổi mới và tăng cường lãnh đạo quản lý công tác báo chí xuất bản*, Kỷ yếu Hội nghị báo chí xuất bản toàn quốc, Hà Nội.
19. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Bộ Văn hóa - Thông tin, Hội Nhà báo Việt Nam (2002), *Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 22-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII về đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác báo chí, xuất bản*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Lê Thanh Bình (2004), *Quản lý và phát triển báo chí - xuất bản*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
21. Lê Thanh Bình, Phí Thị Thanh Tâm (2009), *Quản lý Nhà nước và pháp luật về báo chí*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
22. Bộ Chính trị (1997), *Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 9-4-1997 của Bộ Chính trị về lãnh đạo việc quản lý, sử dụng mạng Internet ở Việt Nam*.

23. Bộ Chính trị (2000), *Chỉ thị số 58-CT/TW, ngày 17/10/2000 về đẩy mạnh và phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2001-2005*, Hà Nội.
24. Bộ Chính trị (2006), *Thông báo Kết luận số 41 về một số biện pháp tăng cường lãnh đạo và quản lý báo chí*, Hà Nội.
25. Bộ Chính trị (2007), *Thông báo Kết luận số 68-TB/TW: Về tiếp tục thực hiện Thông báo kết luận số 41-TB/TW một số biện pháp tăng cường lãnh đạo, quản lý công tác báo chí*, Hà Nội.
26. Bộ Chính trị (2013), *Chỉ thị 30-CT/TW ngày 15/12/2013 về phát triển và tăng cường quản lý báo chí điện tử, mạng xã hội và các loại hình truyền thông trên internet*, Hà Nội.
27. Bộ Thông tin và Truyền thông (2002), *Thông tư số 07/2008/TT-BTTTT, ngày 18/12/2008, Hướng dẫn một số nội dung về hoạt động cung cấp thông tin trên trang tin điện tử cá nhân*, Hà Nội.
28. Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội vụ (2008), *Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTTTT-BNV ngày 30/6/2008 về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin - Truyền thông trực thuộc Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin trực thuộc Ủy ban Nhân dân cấp huyện*, Hà Nội.
29. Bộ Thông tin và Truyền thông (2011), *Thông tư số 33/2011/TT-BTTTT ngày 1/11/2011 quy định chi tiết việc cấp Giấy phép hoạt động báo chí điện tử, Giấy phép chuyên trang báo chí điện tử*, Hà Nội.
30. Bộ Thông tin và Truyền thông (2012), *Báo cáo khảo sát của đoàn cán bộ quản lý báo chí Bộ Thông tin và Truyền thông*, Hà Nội.
31. Bộ Thông tin và Truyền thông (2013), *Báo cáo đánh giá công tác báo chí năm 2012*, Hội nghị Báo chí toàn quốc, Hà Nội.
32. Bộ Thông tin và Truyền thông (2014), *Báo cáo Tổng kết 15 năm thi hành Luật Báo chí Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí*, Hà Nội.

33. Bộ Thông tin và Truyền thông (2014), *Báo cáo đánh giá công tác báo chí năm 2013*, Hội nghị Báo chí toàn quốc, Hà Nội.
34. Bộ Thông tin và Truyền thông (2015), *Báo cáo đánh giá công tác báo chí năm 2014*, Hội nghị Báo chí toàn quốc, Hà Nội.
35. Bộ Thông tin và Truyền thông (2015), *Đề án Quy hoạch Phát triển, quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025*, Hà Nội.
36. Bộ Thông tin và Truyền thông (2015), *Tờ trình Đề án Quy hoạch Phát triển, quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025*, Hà Nội.
37. Bộ Văn hóa - Thông tin (2007), *Quyết định số 03 ban hành kèm quy chế cải chính trên báo chí*, Hà Nội.
38. A.A Chertuchonuri (2004), *Các thể loại báo chí*, Cộng hòa Liên bang Nga.
39. Chính phủ (1997), *Nghị định số 21-CP về việc ban hành Quy chế tạm thời quản lý, thiết lập và sử dụng mạng Internet*, Hà Nội.
40. Chính phủ (1997), *Nghị định số 98/1997/NĐ-CP, ngày 13/9/1997, Quy chế hoạt động của báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài*, Hà Nội.
41. Chính phủ (2001), *Nghị định 55/2001/NĐ-CP về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet*, Hà Nội.
42. Chính phủ (2002), *Nghị định 51/2002/NĐ-CP ngày 26/4/2002 quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Báo chí*, Hà Nội.
43. Chính phủ (2007), *Nghị định số 187/2007/NĐ-CP, ngày 25/12/2007, Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ Thông tin và Truyền thông*, Hà Nội.
44. Chính phủ (2008), *Nghị định số 97/2008/NĐ-CP, ngày 28/8/2008, Về quản lý, cung cấp sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet*, Hà Nội.
45. Chính phủ (2012), *Nghị định 07/2012/NĐ-CP về hướng dẫn thanh tra chuyên ngành*, Hà Nội.

46. Chính phủ (2012), *Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ*, Hà Nội.
47. Chính phủ (2012), *Nghị định số 88/2012/NĐ-CP, ngày 23/11/2012 quy định về hoạt động thông tin báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam*, Hà Nội.
48. Chính phủ (2013), *Nghị định 159/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí - xuất bản*, Hà Nội.
49. Chính phủ (2013), *Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng*, Hà Nội.
50. Chính phủ (2013), *Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan thuộc Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về báo chí*, Hà Nội.
51. Chính phủ (2013), *Quyết định số 25/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí*, Hà Nội.
52. Phạm Văn Chúc (2009), *Góp phần quản lý và phát huy tốt vai trò, tác dụng của truyền thông mạng*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.
53. Đỗ Quý Doãn (2015), *Quản lý và Phát triển Thông tin báo chí ở Việt Nam*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
54. Nguyễn Công Dũng (2010), "Vi sao cần tăng cường quản lý báo điện tử?", *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 7/7.
55. Nguyễn Công Dũng (2015), "*Báo điện tử ở Việt Nam định hướng và giải pháp*", Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
56. Nguyễn Văn Dũng (2011), *Báo chí và dư luận xã hội*, Nxb Lao động.
57. Nguyễn Văn Dũng (2013), *Cơ sở lý luận báo chí*, Nxb Lao động.
58. Hà Đăng (2003), "Nâng cao công tác báo chí của Đảng dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh", *Tạp chí Cộng sản*, (40).

59. G.Endruweit, G. Trommsdorff (2002), *Từ điển Xã hội học*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
60. Nguyễn Thị Trường Giang (2014), *Báo mạng điện tử - Những vấn đề cơ bản*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
61. Tô Tử Hạ (2003), *Từ điển Hành chính*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
62. Chử Kim Hoa (2009), *Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước bằng pháp luật trong lĩnh vực báo in ở Việt Nam hiện nay*, Tiểu luận tiến sĩ Truyền thông đại chúng, Học viện Báo chí và Truyền truyền, Hà Nội.
63. Dương Nam Hoàng (2013), *Tác động của mạng xã hội đến việc xử lý thông tin của báo mạng điện tử Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
64. Học viện Hành chính quốc gia (1996), *Giáo trình về quản lý hành chính nhà nước*, Hà Nội.
65. Lê Doãn Hợp (2007), "Quản lý báo chí trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay", *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 18/6.
66. Vũ Thị Huệ (2004), *Quản lý báo mạng điện tử ở Việt Nam - thực trạng và giải pháp*, Luận văn thạc sĩ Báo chí học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
67. Hà Thu Hương (2003), *Đặc điểm công chúng độc giả báo Internet*, Luận văn thạc sĩ Báo chí học, Phân viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
68. Nhữ Văn Khánh (2000), *Tăng cường sự lãnh đạo của đảng và quản lý của Nhà nước đối với báo chí trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Xây dựng Đảng, Hà Nội.
69. Nguyễn Thế Kỷ (2012), "Quản lý, phát huy tốt vai trò của báo điện tử, trang tin điện tử, mạng xã hội trước yêu cầu mới", *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, tháng 6.
70. Nguyễn Thế Kỷ (2015), "Báo điện tử, trang tin điện tử và mạng xã hội: Định hướng phát triển và quản lý", *Báo Thanh niên*, (13/1).
71. VI.Lênin (1979), *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Máxcova.

72. Lê Quốc Lý (2011), *Quan điểm của C. Mác, Ph. Ăng-ghen, V. I. Lê- nin, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về báo chí*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
73. C. Mác (1960), *Tư bản*, quyển 1, Tập 2, Nxb Sự thật, Hà Nội.
74. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
75. Đinh Văn Mậu, Phạm Hồng Thái (2005), *Luật hành chính Việt Nam*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
76. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Lưu Hồng Minh (2009), *Truyền thông Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Nxb Dân trí, Hà Nội.
78. Hoàng Phê (2005), *Từ điển tiếng việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
79. Nguyễn Như Phong (2015), *Tham luận Hội thảo tại Ban Tuyên giáo Trung ương*, Hà Nội.
80. Trương Xuân Phúc (2014), *Quản lý nhà nước về an ninh trên lĩnh vực báo chí ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp*, Tiểu luận tiến sĩ Luật học, Học viên An ninh Nhân dân, Hà Nội.
81. Lưu Đình Phúc (2010), *Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống pháp luật về báo chí ở Việt Nam hiện nay*, Đề tài khoa học cấp bộ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
82. P.Prôkhôrôp (2011), *Cơ sở lý luận báo chí*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.
83. Trần Hữu Quang (2004), *Xã hội học truyền thông đại chúng*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
84. Quốc hội (1989), *Luật Báo chí năm 1989*, Hà Nội.
85. Quốc hội (1992), *Hiến pháp sửa đổi năm 1992*, Hà Nội.
86. Quốc hội (1999), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí năm 1999*, Hà Nội.
87. Quốc hội (2005), *Luật Hành chính năm 2005*, Nxb Tổng Hợp TP.HCM.
88. Quốc hội (2005) *Bộ Luật Dân sự*, Hà Nội.

89. Quốc hội (2009) *Luật sở hữu trí tuệ*, Hà Nội.
90. Quốc hội (2012), *Luật Quảng cáo năm 2012*, Hà Nội.
91. Quốc hội (2013), *Hiến pháp sửa đổi năm 2013*, Hà Nội.
92. Quốc hội (2016), *Luật Báo chí*, Hà Nội.
93. Nguyễn Bắc Sơn (2015), "Quản lý, quy hoạch Báo chí - Nhiệm vụ quan trọng của Đảng trong giai đoạn tới", *Tạp chí Tài chính*, (02/02).
94. Vũ Thanh Sơn (2008), *Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất các giải pháp quản lý Nhà nước về báo chí ở nước ta trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ, Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
95. Phí Thị Thanh Tâm (2009), "Quản lý nhà nước về báo chí trong thời kỳ hội nhập", *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, (7).
96. Tạ Ngọc Tấn (2001), *Truyền thông đại chúng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
97. Thang Đức Thắng (2010), *Tham luận tại hội thảo do ban Tuyên giáo Trương ương tổ chức*, Hà Nội
98. Nguyễn Thị Thoa (2006), *Nhập môn báo mạng điện tử*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp sơ sở, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
99. Thủ tướng Chính phủ (1997), *Quyết định 136/TTg-TTCP về việc thành lập ban điều phối quốc gia mạng Internet ở Việt Nam*, Hà Nội.
100. Thủ tướng Chính phủ (2002), *Quyết định số 33/2002/QĐ-TTg về kế hoạch phát triển Interne ở Việt Nam đến năm 2010*, Hà Nội.
101. Thủ tướng Chính phủ (2005), *Chiến lược phát triển thông tin đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
102. Thủ tướng Chính phủ (2006), *Chỉ thị số 37 về thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về một số biện pháp tăng cường lãnh đạo và quản lý báo chí*, Hà Nội.
103. Thủ tướng Chính phủ (2007), *Quyết định số 77/2007 QĐ-TTg về Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí*, Hà Nội.

104. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 1755/QĐ-TTg về Đề án đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông*, Hà Nội.
105. Doãn Thị Thuận (2016), "Báo chí điện tử cần phát huy tính tương tác trên Fanpage", *Tạp chí Người làm báo điện tử*, (21/9)
106. Nguyễn Vũ Tiến (2001), *Lý thuyết chung về quản lý xã hội*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
107. Nguyễn Vũ Tiến (2005), *Sự lãnh đạo của Đảng đối với báo chí*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Phân viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
108. Nguyễn Huy Toàn (2009), *Nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế, ngăn chặn các hành vi vi phạm trong hoạt động thông tin, báo chí*, Đề tài khoa học cấp bộ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
109. Lê Minh Toàn (2009), *Quản lý Nhà nước về thông tin và truyền thông*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
110. Nguyễn Phú Trọng (2010), "Báo chí cách mạng Việt Nam ngày càng lớn mạnh, chuyên nghiệp và hiện đại", *Tạp chí Cộng sản điện tử*, 22/6.
111. TTXVN (2012), *Myanmar cải cách các tờ báo do nhà nước quản lý*, Trần Đăng Tuấn (2007), "Một số vấn đề của lãnh đạo, quản lý báo chí trong tình hình hiện nay", *Tạp chí Cộng sản*, (13/6).
112. Nguyễn Việt Tuấn (2010), *Quản lý nhà nước đối với báo chí*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Luật, TP Hồ Chí Minh.
113. Trương Minh Tuấn (2014), "Tăng cường công tác quản lý nhà nước về báo chí trong tình hình hiện nay", *Tạp chí Quốc phòng toàn dân điện tử*, 20/6.
114. Vũ Thanh Vân (2014), *Truyền thông quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
115. Vụ Báo chí - Xuất bản, Ban Tuyên giáo Trung ương (2008), *Chỉ đạo, quản lý báo chí trong tình hình hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Ban, Hà Nội.

116. Nguyễn Như Ý (2005), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
117. Hoàng Thị Bích Yên (2001), *Vấn đề quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí ở nước ta hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Kinh tế, Học viện Hành chính quốc gia, Hà Nội.
118. Nguyễn Phùng Hồng (1999) Cục quản lý khoa học, Bộ Công an. Đề tài cấp Bộ *Báo chí Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự*.
119. Nguyễn Văn Ngọc (2001) Học Viện an ninh Nhân dân. Luận án tiến sĩ *Hoạt động phá hoại tư tưởng chống Việt Nam qua báo chí và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh trong lực lượng Công an nhân dân*.
120. Lê Trung Hải (2002), tỉnh Đồng Tháp. Đề tài cơ sở *Hoạt động phá hoại tư tưởng trên mạng vi tính Internet ở Đồng Tháp - Thực trạng và giải pháp*.
121. Võ Ngọc Dưỡng (2003), tỉnh Quảng Bình thực hiện Đề tài cơ sở *Thực trạng và giải pháp công tác đảm bảo an ninh thông tin trên lĩnh vực Internet ở Quảng Bình*.
122. Hoàng Phước Thuận đăng trên Tạp chí Công an nhân (số 8. 2017). Bài *Công tác công an góp phần đấu tranh chống hoạt động phản tuyên truyền phá hoại của địch trên mạng Internet*)
123. Bộ Công an (2004), Quyết định 71/2004/QĐ-BCA (A11) về ban hành quy định đảm bảo an toàn, an ninh trong hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet tại Việt Nam;
124. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2015) chuyên ngành báo chí Luận văn thạc sĩ *Quản lý nhà nước về báo mạng điện tử Việt Nam hiện nay*.
125. Phạm Thị Quỳnh Mai (2015) chuyên ngành quản lý công Luận văn thạc sĩ *Quản lý nhà nước về hoạt động của báo điện tử ở Việt Nam*.
126. Sách (2010) *C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, Hồ Chí Minh với báo chí của GS. Hà Minh Đức (NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội)*.

127. Sách (2013) *Mô hình hội tụ truyền thông của Kevin - L.MaCruclđen* (NXB Media Convergence Models).
128. Cuốn sách (2013) do dịch giả Lê Ngọc Sơn dịch *Bốn học thuyết truyền thông* (1956) tại Mỹ.
129. Luận án tiến sỹ (2014) *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo báo điện tử trong giai đoạn hiện nay* của tác giả Nguyễn Huy Ngọc (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh).
130. Cuốn sách (2013) *Các mô hình quản lý nhà nước hiện đại* của Daviel Held, do Phạm Nguyên Trường dịch, (NXB Tri thức, Hà Nội).
131. Sách (2013) *Xây dựng tập đoàn truyền thông giải pháp chiến lược trong phát triển nền báo chí Việt Nam* của Lê Hải (NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội).
132. Bài (2015) *Bàn luận về báo chí điện tử trong tình hình hiện* Tiến sĩ Thang Đức Thắng, Tổng Biên tập VnExpress.
133. Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 25/12/2013 của Bộ Chính trị quy định về phát triển và tăng cường quản lý nhà nước về báo chí điện tử, mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác trên Internet.
134. Thông tư số 33/2011/TT-BTTTT, ngày 1/ 11/ 2011, gọi loại hình báo chí này là báo chí điện tử .
135. Cuốn sách *Lý thuyết Quản lý nhà nước* tác giả G.V. Atamantruc của Nga, do GS,TS. Phạm Hồng Thái và Phí Văn Ba dịch.
136. Luận án tiến sỹ *Về quyền con người ở Việt Nam hiện nay thực trạng và giải pháp* của tác giả Võ Khánh Minh.
137. Luận án tiến sỹ *Về Hoạt động Thi hành án dân sự ở Việt Nam* của tác giả Trương Công Lý.
138. Cáo cáo Tổng kết năm 2012 của Cục báo chí, Bộ TT&TT
139. Cáo cáo Tổng kết năm 2013 của Cục báo chí, Bộ TT&TT
140. Cáo cáo Tổng kết năm 2014 của Cục báo chí, Bộ TT&TT
141. Cáo cáo Tổng kết năm 2015 của Cục báo chí, Bộ TT&TT

142. Báo cáo Tổng kết năm 2016 của Cục báo chí, Bộ TT&TT
143. Báo cáo Tổng kết năm 2017 của Cục báo chí, Bộ TT&TT
144. Báo cáo Tổng kết năm 2018 của Cục báo chí, Bộ TT&TT
145. **B. TÀI LIỆU NƯỚC NGOÀI**
146. Abdul Razak (1985), *Press - law and systems in Asean States*, Nxb Confederation of Asean Journalist Publication.
147. Douglas Kellner, *The Media and Social Problems*, <http://www.gseis.ucla.edu/faculty/kellner/>
148. Edwin Emery(1962),*The Press and America : An interpretative history of journalism (Báo chí và Mỹ: Một lịch sử diễn giải của báo chí)*, Nxb Englewood Cliffs.
149. Éric Dagiral et Sylvain Parasio (2010), *Presse en ligne: ou est la recherche?*, Réseaux (no 160-161), pages 13 à 42. Báo điện tử: Nghiên cứu đâu rồi?, của các tác giả Eric Dagiral và SylvainParasio, NXB Réseaux http://www.cairn.info/resume.php?ID_ARTICLE=RES_160_001.
150. GS Jacques Léauté (1957), giảng viên trường Đại học báo chí Pháp, "*Secret militaire et liberté de la presse: Etude du droit pénal comparé*" (*Bí mật quân sự và tự do báo chí: Nghiên cứu so sánh Luật hình sự với quy định về tự do báo chí*).
151. Henry Litolff (1939), *Préf. de Jean Chabas Le Régime de la presse en Indochine : Recueil des textes (Kế hoạch của báo chí ở Đông Dương: Thu thập nội dung)*, d"Extrême-Orient (Tổ chức tư pháp của Đông Dương).
152. James Gomez (2005),"*Between Freedom and Censorship: Asian Political Parties and Cyberspace*", diễn văn tại buổi họp "The Fate of Liberty - Human Rights and Civil Liberties in the Age of Global Crime and Terror", tổ chức tại Đức.

153. IFJ (2015), (Liên đoàn Nhà báo Quốc tế) "*China's Media War: Censorship, Corruption & Control*", International Federation of Journalists www.ifj.org/uploads/media/prees-Freedom-inChina-2014.
154. John Morrish (2003), "*Magazin Editing - How to develop and manage a successful publication*", (*Biên tập báo chí - Làm thế nào để quản lý và phát triển thành công một ấn phẩm*), Nxb Routledge.
155. Kanako Takahara (2007), "*Press clubs: Exclusive access to, pipelines for info*", The Japan Times.
156. Kevin L. McCrudden (2013), *Media Convergence Models*.
157. Michele Brandt, Jill Cottrell, Yash Ghai, Anthony Regan (2011), *Constitution-making and Reform: Options for the Process*, Publisher Interpeace.
158. Morrish (2003), "Second Edition", Nxb Taylor and Francis Group (Mỹ)
<http://www.amazon.co.uk/Magazine-Editing-Develop-Successful-Publication/dp/0415303818>
159. P. Abreguettes (1882), "*Traité des infractions de la parole de l'écriture et de la presse: Renfermant, avec le dernier état de la jurisprudence, de commentaire général et complet des lois du*" 29/7/1881, 2/8/1882 (*Hiệp ước của tội phát biểu bằng văn bản và báo chí: trạng thái mới nhất của các trường hợp pháp luật chung và xem xét toàn văn Điều lệ của 1881/07/29, 1882/02/08*), Nxb Paris.
160. Reporters Without Borders, "*Country Under Surveillance: South Korea, của Reporters Without Borders*", <http://en.rsf.org/surveillance-south-korea,39757.html>.
161. Reporters Without Borders (2015), *Country Under Surveillance: South Korea*, Reporters Without Borders.
162. Taylor and Francis Group (Mỹ).
163. The Freedom of the Press Act: This is copied from the website of: http://www.riksdagen.se/templates/RPage_6313.aspx.

164. US Fed (2005), News Service "China Again tightens control of online, information" (*Trung Quốc tiếp tục thắt chặt kiểm soát thông tin và báo chí điện tử*) (26/9/2005), Nguồn ProQuest.

Website

165. <http://en.rsf.org/surveillance-south-korea,39757.html>.

166. <http://www.amazon.com/Magazine-Editing-In-PrintOnline/dp041560835>

167. <http://www.japantimes.co.jp/news/2007/01/30/reference/press-clubs-exclusive-access-to-pipelines-for-info/#.VhNIpfmqqk>.

168. *Vnexpress*. <https://pay.vnexpress> cập nhật tháng 01/2018.